



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA**

**DIỄN ĐÀN**

# **KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP**

**Chuyên đề:  
Số 05/2022**

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT  
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM**

*Hà Nội, tháng 6 năm 2022*



**CHƯƠNG TRÌNH  
DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP**

**Chủ đề “Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm”.**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thực hiện</b>
<b>Ngày 27/6/2022 (Thứ hai): Tham quan mô hình</b>		
13h30’ – 17h00’	Tham quan mô hình chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, mô hình giết mổ bò theo công nghệ mát của Nhật Bản tại Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì, Hà Nội.	BTC, đại biểu
<b>Ngày 28/6/2022 (Thứ ba): Tổ chức Diễn đàn</b>		
07h30’	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức, các đại biểu
08h00’	Phóng sự: “ <i>Giai pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm</i> ”	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
08h30’	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, giới thiệu chương trình	Ban tổ chức
	Phát biểu khai mạc Diễn đàn	Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
	Phát biểu chào mừng	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT TP. Hà Nội
09h00’	Các báo cáo	
	Báo cáo đề dẫn diễn đàn	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

	Một số TBKT, công nghệ mới trong chăn nuôi bò thịt và cây thức ăn	Viện Chăn nuôi
	Tình hình sản xuất, tiêu thụ thịt bò và giải pháp tăng cường chế biến, phát triển thị trường tại Việt Nam	Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản
	Kết quả chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội
10h15'	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10h30'	Trao đổi và thảo luận	Ban Chủ tọa, Ban Cố vấn và các đại biểu tham dự.
11h30'	Tổng kết	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
12h00'	Mời cơm trưa	Ban Chủ tọa, Ban Cố vấn và các đại biểu tham dự.

**BAN TỔ CHỨC**

## MỤC LỤC

1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN	7
<i>Trung tâm Khuyến nông Quốc gia</i>	
2. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ THỊT BÒ VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHẾ BIẾN, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	15
<i>Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản</i>	
3. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI	27
<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội</i>	
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ CHĂN NUÔI BÒ THỊT GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM	41
<i>Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội</i>	
5. CHĂN NUÔI BÒ THỊT TUẦN HOÀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T&T159	49
<i>Công ty cổ phần T&amp;T 159</i>	
6. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TẠI VĨNH PHÚC	55
<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc</i>	
7. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH VỖ BÉO BÒ THỊT VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG BẰNG CHẾ PHẨM SINH HỌC	61
<i>Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình</i>	
8. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT TẠI TỈNH THÁI BÌNH	77
<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình</i>	
9. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI	85
<i>Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái</i>	
10. KẾT QUẢ CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRANG TRẠI NÔNG HỘ GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM	97

*Vũ Kim Tuyền - Địa chỉ: Thôn 6 xã Thuần Mỹ- Ba Vì – Hà Nội*

11. MỘT SỐ TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ CHĂN NUÔI TRÂU BÒ GIAI ĐOẠN 2016-2022 99

*Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì*

*Viện chăn Nuôi*

12. SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ (Tái cơ cấu Nghiên cứu khoa học và Công nghệ trong Nông nghiệp giai đoạn 2018-2030) NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ TUẦN HOÀN BÒ THỊT CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT NAM 123

*Hiệp hội gia súc lớn*

13. NGHỊ ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP 151

## BÁO CÁO ĐỀ DẪN

### Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

#### I. TỔNG QUAN CHUNG

Tính đến thời điểm hết quý I năm 2022, đàn bò ước tăng khoảng 1,1%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 128,9 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2021 (Theo Báo cáo của Bộ NN&PTNT trình Chính phủ). Đến hết tháng 6/2021, cả nước có khoảng 17.776 HTX nông nghiệp và 78 Liên hiệp HTX nông nghiệp, trong đó, lĩnh vực chăn nuôi có 1.025 HTX/THT. Cả nước có 1.718 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó có 74 HTX chăn nuôi. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị là một trong những đột phá quan trọng hàng đầu trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp bởi ba lý do sau đây: (i) Cho phép tập trung, khai thác các nguồn nhân lực, tài nguyên, nguồn vốn... vào các mặt hàng mà nước ta có lợi thế theo từng vùng miền; (ii) Sắp xếp tổ chức lại sản xuất theo hướng chia sẻ đều quyền lợi, trách nhiệm cũng như rủi ro cho các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi liên kết, từ đó tạo động lực cho sản xuất, các tổ chức, cá nhân phát huy được hết khả năng của mình, lợi thế các vùng miền trong nước cũng như Quốc tế; (iii) Kiểm soát được số lượng, chất lượng vật tư đầu vào; quy trình áp dụng; số lượng, chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa từ đó xây dựng, giữ vững được thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Ở nước ta, trong chăn nuôi đã có những liên kết các đối tượng cùng tham gia trong quá trình sản xuất, kinh doanh (giữa các nông dân và nông dân, HTX và HTX và doanh nghiệp - doanh nghiệp) (Liên kết ngang) và liên kết theo đường đi của sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng (giữa nông dân – HTX - Doanh nghiệp hay các cơ sở kinh doanh khác trong chuỗi SX) (Liên kết dọc). Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi lợn và bò sữa đã có nhiều chuỗi liên kết khép kín, chuỗi này do doanh nghiệp làm đầu mỗi chủ động hoàn toàn các khâu từ sản xuất giống, sản xuất thức ăn chăn nuôi, tổ chức chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm (Công ty CP Việt Nam, Jappfa, De Heus, GREENFEED, VINAMILK, TH Truemilk... ). Tuy nhiên, chăn nuôi bò thịt chủ yếu trong nông hộ, chưa có hoặc bước đầu hình thành liên kết sản xuất.

Thực hiện Quyết định 1520/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, “*Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030*”: Đàn bò thịt ổn định ở quy mô từ 6,5 đến 6,6 triệu con, trong đó khoảng 30% được nuôi trong trang trại; nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung

theo hướng hiện đại các loại vật nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến và chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi làm tăng sức mua trong nước và đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu xuất khẩu.

Đồng thời, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, cần phải có sản phẩm khối lượng lớn, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giao hàng đúng lúc, giá thành cạnh tranh; cần phải tổ chức liên kết các cá nhân dưới hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác; cùng sản xuất một số loại sản phẩm, kiểm soát vật tư đầu vào, áp dụng quy trình sản xuất chung để tạo sản phẩm có số lượng lớn, chất lượng đồng đều, hình thành vùng sản xuất trọng điểm, tăng năng suất, chất lượng bò thịt, xây dựng, giữ vững được thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tăng hiệu quả chăn nuôi, giết mổ và tiêu thụ thịt bò, chính vì vậy, rất cần phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm.

## **II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT**

Thực hiện định hướng phát triển của ngành, đồng thời nắm bắt được yêu cầu thực tiễn sản xuất, hiện nay thức ăn tinh tăng giá liên tiếp 13-14 lần từ cuối năm 2020 đến tháng 5/2022. Qua số liệu thống kê, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi phải nhập khẩu 60%, năm 2021 nước ta nhập khẩu 22,3 triệu tấn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, giá trị nhập khẩu gần 10 tỉ USD, trong đó có hơn 10 triệu tấn ngô, 5 triệu tấn khô dầu đậu tương. Giá thức ăn tinh tăng cao nhưng giá sản phẩm chăn nuôi tăng không tương ứng do đó người chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn. Việc lựa chọn đối tượng vật nuôi ăn thức ăn thô xanh là hướng đi đúng đắn. Trong những năm gần đây, TTKNQG đã triển khai các hoạt động góp phần phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm, kết quả cụ thể như sau:

### **1. Xây dựng mô hình**

Đã và đang triển khai dự án KNTW như dự án “*Xây dựng mô hình cải tạo để nâng cao năng suất đàn bò thịt địa phương*” triển khai tại Ninh Thuận.

**Kết quả triển khai:** Một số địa phương, trong đó có Ninh Thuận, có số lượng đàn bò thịt khá lớn (Ninh Thuận có 119.250 con bò thịt, theo số liệu của Tổng Cục thống kê năm 2021) nhưng chủ yếu là các giống bò địa phương, khối lượng cơ thể nhỏ, khối lượng thịt xẻ/con thấp, do đó rất cần áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất đàn bò thịt. Triển khai dự án, đã giúp người dân nâng cao kiến thức kỹ thuật cải tạo đàn bò thịt địa phương để nâng cao năng suất đàn bò thịt thông



qua việc chọn lọc bò cái nền và áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, dùng tinh bò Brahman, bò BBB. Người dân đã nắm được kỹ thuật của dự án, chọn lọc, chăm sóc bò cái đúng kỹ thuật, phát hiện bò động dục và phối giống đúng thời điểm, tỷ lệ phối chữa lần 1 đạt 79,5%. Việc áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo đã hạn chế bệnh truyền lây của phối giống trực tiếp, đồng thời đã dùng tinh của các bò giống chất lượng tốt, bê sinh ra khỏe mạnh, nhanh lớn, khối lượng, tầm vóc lớn, tỷ lệ nuôi sống cao, đã nâng cao năng suất, chất lượng bò thịt tại địa phương. Không chỉ các hộ tham gia mô hình áp dụng kỹ thuật của dự án mà các hộ dân nuôi bò thịt trong vùng đã tham quan, học hỏi và áp dụng, do đó dự án có khả năng nhân rộng tốt.

Dự án “*Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học*” triển khai tại tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Nam Định, Hà Nội; Dự án “*Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt và xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học*” triển khai tại tỉnh Yên Bái; Dự án “*Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt và xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học*” triển khai tại tỉnh Hà Giang.

**Kết quả triển khai:** Thông qua áp dụng quy trình vỗ béo bò, giúp người dân chọn lọc, phân loại bò trước khi vỗ béo, áp dụng kỹ thuật phù hợp cho từng nhóm đối tượng bò, người dân đã biết tẩy giun sán cho bò trước khi vỗ béo, phối hợp khẩu phần thức ăn phù hợp, bò đã hấp thu triệt để dinh dưỡng, hạn chế lãng phí thức ăn do tiêu hóa không triệt để, hạn chế ô nhiễm môi trường. Khả năng tăng khối lượng cơ thể cao, bình quân đạt 852 – 890,8 g/con/ngày; đối với bò loại thải đạt 766 g/con/ngày, đồng thời chất lượng thịt bò sau khi vỗ béo được tăng cao, thịt bò mềm và thơm ngon được người tiêu dùng ưa chuộng. Bên cạnh đó, dự án đã áp dụng quy trình chăn nuôi tuần hoàn khép kín, sử dụng một số phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp như trấu, mùn cưa, rơm, rạ... kết hợp men vi sinh làm đệm lót sinh học cho bò, đã tiết kiệm điện, nước, giảm mùi hôi, hạn chế ô nhiễm môi trường. Kết thúc mỗi lứa nuôi, toàn bộ đệm lót qua sử dụng được dùng để sản xuất phân bón hữu cơ. Đây chính là nguồn phân bón hữu cơ tốt cho cây trồng, do đó đã tăng hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường từ việc tiết kiệm nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm lượng chất thải ra môi trường, góp phần phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp tại các địa phương. Hiệu quả kinh tế của các hộ tham gia mô hình tăng so với ngoài mô hình là 18,1 %; Khả năng nhân rộng của mô hình từ 25 – 36 %.

Dự án “*Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ, thích ứng với biến đổi khí hậu*” triển khai tại Ninh Thuận; Dự án

“Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ tại các tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung” triển khai tại Nghệ An;

Gia súc ăn cỏ nói chung và bò nói riêng, thức ăn thô xanh rất quan trọng, lượng thức ăn thô xanh cho bò thịt/ con/ ngày chiếm khoảng 10 % khối lượng cơ thể. Hiện nay, hầu hết các địa phương đều giảm bãi chăn thả gia súc do đô thị hóa, xây dựng nhiều khu công nghiệp, quy hoạch rừng cấm thả gia súc...do đó chăn nuôi bò thịt chăn thả bị hạn chế nhiều. Trong khi nhu cầu thịt bò của xã hội không giảm, chính vì vậy việc hướng dẫn các hộ chăn nuôi bò tận dụng phụ phẩm nông nghiệp như thân cây ngô, lạc, dứa, rom...làm thức ăn chăn nuôi thì việc chủ động trồng cây thức ăn chăn nuôi ở vùng đất lúa kém hiệu quả, các đất tận dụng để cung cấp thức ăn cho bò, cách chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh dự trữ trong mùa đông, mùa hạn hán, mùa bão lũ là rất cần thiết. Khi triển khai dự án, các hộ tham gia dự án và nhân dân trong vùng đã biết lựa chọn cây thức ăn như giống cỏ, cây ngô sinh khối phù hợp điều kiện thời tiết khí hậu, chất đất từng địa phương, để cây sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao, đồng thời hàm lượng dinh dưỡng trong cây thức ăn cao để làm thức ăn cho bò; kỹ thuật quản lý khẩu phần thức ăn chăn nuôi bò đã được cập nhật các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo vùng, miền, mùa vụ ở Việt Nam. Các chỉ tiêu kỹ thuật của hộ tham gia mô hình: Năng suất cỏ VA-06 đạt bình quân 325,3 tấn/ha/năm. Hiệu quả kinh tế của các hộ tham gia mô hình tăng so với ngoài mô hình từ 15 - 24%. Nhân rộng mô hình, diện tích trồng cỏ tăng 42,22%, đồng thời, nhân dân biết cách chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh để đảm bảo chất lượng thức ăn dự trữ, chính vì vậy đàn bò thịt có thể phát triển tốt.



Tận dụng thân cây ngô làm thức ăn  
cho bò



Ủ chua thân cây ngô làm thức ăn  
cho bò

Trồng cỏ làm thức ăn cho bò



Đàn bò trong mô hình

Dự án “*Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi bò lấy thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm*” triển khai tại Hà Nội;

Triển khai dự án chăn nuôi bò thịt liên kết chuỗi gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chuỗi vỗ béo bò thịt tuần hoàn khép kín và sử dụng công nghệ phối trộn thức ăn để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, hình thành HTX chăn nuôi bò thịt khép kín, gắn với doanh nghiệp để chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Các hộ tham gia dự án và nhân dân trong vùng đã được biết vai trò, lợi ích và hướng đi tất yếu của kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi bò lấy thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Người chăn nuôi biết lựa chọn và trồng, chăm sóc cây thức ăn như cỏ, cây ngô sinh khối phù hợp điều kiện thời tiết khí hậu, chất đất ở địa phương, để cây sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao, đồng thời hàm lượng dinh dưỡng trong cây thức ăn cao. Biết phối trộn, cân đối khẩu phần thức ăn cho bò, giúp bò tiêu hóa tốt, đã hấp thu triệt để dinh dưỡng, hạn chế lãng phí thức ăn do tiêu hóa không triệt để, hạn chế ô nhiễm môi trường do thức ăn không tiêu hóa hết, thải ra môi trường. Người chăn nuôi áp dụng quy trình chăn nuôi tuần hoàn khép kín, sử dụng toàn bộ phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp như trấu, mùn cưa, rơm, rạ... kết hợp men vi sinh làm đệm lót sinh học cho bò, đã tiết kiệm điện, nước, giảm mùi hôi, hạn chế ô nhiễm môi trường. Kết thúc mỗi lứa nuôi, toàn bộ đệm lót qua sử dụng được dùng để sản xuất phân bón hữu cơ. Đây chính là nguồn phân bón hữu cơ tốt cho cây trồng, do đó đã tăng hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường từ việc tiết kiệm nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm lượng chất thải ra môi trường, góp phần phát triển bền vững

kinh tế nông nghiệp. Đồng thời tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp như cây ngô, lạc, đậu, rom... chế biến thức ăn cho bò, giảm chi phí đầu vào. Tùy loại thức ăn, lựa chọn cách chế biến khác nhau như phơi khô, ủ chua, bảo quản thức ăn thô xanh, dự trữ trong mùa đông, mùa hạn hán, mùa bão lũ. Các hộ chăn nuôi liên kết, hình thành HTX chăn nuôi bò thịt khép kín, gắn với doanh nghiệp để thu mua, giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thịt bò. Kiểm soát được số lượng, chất lượng vật tư đầu vào; quy trình áp dụng; số lượng, chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thịt bò từ đó xây dựng, giữ vững được thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tập trung, khai thác các nguồn nhân lực, tài nguyên, nguồn vốn... vào chăn nuôi bò thịt; xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm cũng như dự báo các rủi ro cho các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi liên kết, từ đó tạo động lực cho sản xuất, các tổ chức, cá nhân hạn chế, khắc phục các cản trở, khó khăn, phát huy được hết khả năng của mình, lợi thế vùng miền trong nước cũng như Quốc tế.

*Đối với tất cả các dự án chăn nuôi gia súc ăn cỏ*

Bên cạnh những kiến thức chăn nuôi theo từng dự án, người chăn nuôi được trang bị kiến thức rất cơ bản về Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi bò, đối với gia súc nhai lại, hoạt động lên men gluxit của vi sinh vật dạ cỏ đã giải phóng ra một khối lượng khổng lồ các khí, chủ yếu là CO<sub>2</sub> và CH<sub>4</sub>. Các thể khí này không được gia súc sử dụng, mà được thải ra ngoài cơ thể thông qua phản xạ ợ hơi, gây phát thải khí nhà kính. Vì vậy, điều quan trọng là giúp người chăn nuôi hiểu biết đặc tính của mỗi loại thức ăn, cách chế biến thức ăn, nhất là thức ăn khô, khó tiêu hóa như rom, sử dụng tác nhân hoá học (vôi và urê) làm mềm/lỏng cấu trúc phân tử của chất xơ trong rom, giúp cho gia súc tiêu hoá tốt hơn, đồng thời cân bằng dinh dưỡng, cân đối khẩu phần và chế độ cho ăn để gia súc tiêu hóa triệt để các dinh dưỡng có trong thức ăn, giảm chất thải chăn nuôi, vừa tăng hiệu quả kinh tế, vừa giảm khí mê tan thải ra môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

## **2. Hoạt động đào tạo, tập huấn và thông tin tuyên truyền**

Hàng năm, căn cứ vào định hướng của ngành và nhu cầu đăng ký của các địa phương, TTKNQG và các đơn vị hoạt động huyện nông đã tổ chức đào tạo tập huấn và tổ chức các tọa đàm, diễn đàn, viết tin, bài, xây dựng đĩa hình... phát triển chăn nuôi trâu bò như Kỹ thuật vỗ béo bò thịt và xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học; Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò; Kỹ thuật nuôi và chống rét cho trâu bò; Kỹ thuật trồng, chế biến và bảo quản thức ăn cho trâu, bò; Phương pháp, kỹ năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất (liên kết chuỗi, truy suất nguồn gốc, mã vùng sản xuất); Tham quan học tập các mô hình

tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi bò lấy thịt...Đã giúp người chăn nuôi nâng cao kiến thức về giống, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi bò, chế biến thức ăn khó tiêu, giúp cho gia súc tiêu hoá tốt hơn, cân bằng dinh dưỡng, cân đối khẩu phần và chế độ cho ăn để gia súc tiêu hóa triệt để các dinh dưỡng có trong thức ăn cũng như thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, vừa tăng hiệu quả kinh tế, vừa giảm khí mê tan thải ra môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Đặc biệt là người chăn nuôi, kinh doanh đã biết lợi ích và điều kiện cần thiết, trách nhiệm mỗi bên khi tham gia liên kết chuỗi giá trị, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững.

### **III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI**

TTKNQG tiếp tục triển khai các hoạt động góp phần thực hiện mục tiêu: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi nước ta thuộc nhóm các quốc gia tiên tiến trong khu vực; Sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu; của “*Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045*” đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo QĐ số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020.

Tiếp tục xây dựng các mô hình, đào tạo, tập huấn và thông tin tuyên truyền về chăn nuôi VietGAHP, ATSH, ATDB, theo hướng hữu cơ, liên kết theo chuỗi để kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc từ nguyên liệu đầu vào như giống, thức ăn, vật tư chăn nuôi, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng đến khâu vận chuyển, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Gắn liên kết từ chăn nuôi đến thu mua, giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát huy khả năng của từng đơn vị liên kết để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

Ưu tiên xây dựng các mô hình chăn nuôi trang trại, đồng bộ khép kín từ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về con giống, thức ăn, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị mới, hiện đại; giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, xử lý môi trường. Đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền về kỹ thuật chuyên môn và trình độ quản lý cho người chăn nuôi cũng như các cá nhân tham gia chuỗi để các mô hình đạt hiệu quả cao nhất, có thể nhân rộng bền vững trong thực tế sản xuất.

Xây dựng các mô hình, đào tạo, tập huấn và thông tin tuyên truyền, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái, gắn trồng trọt với chăn nuôi, sử dụng sản phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, bón cho cây trồng. Khuyến khích các mô hình trồng trọt gắn với chăn nuôi để tăng hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

Quan tâm phát triển các mô hình chăn nuôi vật nuôi bản địa an toàn sinh học, chứng nhận OCCOP; các mô hình chăn nuôi phù hợp điều kiện các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, tạo sinh kế cho đồng bào khó khăn, góp phần ổn định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.

## **TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA**

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ THỊT BÒ VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHẾ BIẾN, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản

### 1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ thịt bò trên thế giới

Từ số liệu tại Phụ lục có thể thấy rằng **10 nước sản xuất thịt bò** hàng đầu thế giới (*sản lượng trên 1 triệu tấn thịt xẻ/năm*) theo thứ tự là: Hoa Kỳ, Brazil, Trung Quốc, EU, Ấn Độ, Argentina, Mexico, Úc, Canada, Nga. **11 thị trường tiêu thụ thịt bò** hàng đầu thế giới (*trên 1 triệu tấn thịt xẻ/năm*) theo thứ tự là: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Brazil, EU, Ấn Độ, Argentina, Mexico, Nga, Nhật, Anh, Canada. Như vậy, trong 10 nước sản xuất thịt bò hàng đầu thế giới, có tới 9 nước (*trừ Úc*) cũng chính là thị trường tiêu thụ thịt bò hàng đầu thế giới (*trên 1 triệu tấn thịt xẻ/năm*).

**10 nước xuất khẩu thịt bò** nhiều nhất thế giới lần lượt là: Brazil (*trung bình giai đoạn 2018-2020 xuất 1.806 ngàn tấn/năm*), Hoa Kỳ (*1.424 ngàn tấn/năm*), Ấn Độ (*1.367 ngàn tấn/năm*), Úc (*1.157 ngàn tấn/năm*), Argentina (*671 ngàn tấn/năm*), New Zealand (*623 ngàn tấn/năm*), EU (*585 ngàn tấn/năm*), Canada (*532 ngàn tấn/năm*), Paraguay (*340 ngàn tấn/năm*), Mexico (*223 ngàn tấn/năm*). Hiện nay, **Việt Nam đang nhập khẩu từ hầu hết các nguồn cung lớn nhất trên thế giới với các điều kiện thuận lợi** cho nhập khẩu như cho phép nhập khẩu bò sống về để giết mổ trong nước với Úc, Braxin, Thái Lan; đồng thời có hiệp định thương mại tự do với các nước EU, CPTPP (*Úc, Canada, Mexico, New Zealand*) nên có mức thuế suất nhập khẩu sẽ giảm về 0%.

**Các xu hướng** sản xuất và tiêu thụ thịt bò trên thế giới (*phân tích và dự báo của FAO năm 2021 trong Báo cáo “Triển vọng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2030”*):

- Về sản xuất, sản lượng thịt bò sẽ tăng lên 75 triệu tấn vào năm 2030 (*hiện đạt 70,6 triệu tấn*), tăng 5,8% so với hiện nay. Nguyên nhân tăng trưởng chậm là

do nhu cầu đối với thịt bò tăng yếu khi người tiêu dùng chuyển sở thích sang thịt gia cầm. Về khu vực sản xuất, châu Phi được dự báo có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất ở mức 15%, do dân số tăng cao. Bắc Mỹ, khu vực sản xuất thịt bò lớn nhất thế giới được dự báo sẽ tăng 6% vào năm 2030. Sản xuất ở Châu Âu được dự đoán sẽ giảm 5% do tồn kho của bò sữa (*vốn chiếm khoảng 2/3 nguồn cung thịt bò*), sẽ giảm theo hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận trong chăn nuôi bò sữa. Tại Úc, nguồn cung thịt bò sẽ vẫn hạn chế do ảnh hưởng của hạn hán trong vài năm qua. Nguồn cung phục hồi trong trung hạn do thời gian tái đàn dài. Tại Ấn Độ, sản lượng thịt bò dự kiến giảm 33% đến năm 2030 việc ban hành chính sách nhằm cải thiện phúc lợi động vật trong vận chuyển và thu gom.

- Xu hướng giá giảm trong trung và dài hạn (2025-2030) so với mức giá bình quân giai đoạn hiện nay nhờ chi phí sản xuất ngày càng được cắt giảm và vượt qua thời kỳ ảnh hưởng giá lương thực tăng cao.

- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu tiêu thụ từ thịt bò (*và thịt lợn*) sang thịt gia cầm theo mức tăng của thu nhập bình quân đầu người. Tuy nhiên, số lượng và giá trị thương mại thịt bò trên thế giới trong 10 năm tới có xu hướng tăng (*trong đó giá trị có xu hướng tăng nhanh hơn*).

- Tiêu thụ thịt bò bình quân đầu người trên toàn cầu, đã giảm kể từ năm 2007, dự kiến sẽ giảm thêm 5% nữa vào 2030. Châu Á Thái Bình Dương là khu vực duy nhất có mức tiêu thụ thịt bò bình quân đầu người được dự báo sẽ tăng. Trung Quốc, nước tiêu thụ thịt bò lớn thứ hai thế giới sẽ có mức tiêu thụ bình quân đầu người tăng thêm 8% vào năm 2030. Tuy nhiên, Châu Mỹ nơi có mức tiêu thụ thịt bò trên đầu người cao sẽ có xu hướng chuyển sang tiêu thụ thịt gia cầm nhiều hơn: Argentina (-7%), Brazil (-6%), Hoa Kỳ (-1%) và Canada (-7%).

## **2. Cơ cấu sản xuất và tiêu dùng sản phẩm thịt bò tại Việt Nam**

Trong những năm vừa qua, mặc dù **sản xuất thịt bò** còn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ so với thịt lợn và thịt gà trong tổng sản lượng thịt sản xuất nước ta, nhưng đã có **xu hướng ngày càng tăng**.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, **năm 2019**, tổng sản lượng thịt hơi các loại sản xuất trong nước đạt 5,14 triệu tấn. Trong đó, thịt lợn và gia cầm chiếm



chủ yếu (90,4%), thịt bò hơi đạt 349,2 ngàn tấn (6,8%), thịt gia súc khác (ngựa, trâu, dê, cừu, thỏ, hươu) chiếm tỷ lệ không đáng kể (2,7%). Năm 2020, tổng sản lượng thịt đạt 5,39 triệu tấn, trong đó thịt bò hơi đạt 371,5 ngàn tấn (chiếm tỷ trọng 6,9%). Năm 2021, tổng sản lượng thịt đạt khoảng 6,2 triệu tấn, trong đó thịt bò hơi đạt 458,3 ngàn tấn (chiếm tỷ trọng 7,4%).

Theo số liệu tại Báo cáo “Triển vọng phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030” của FAO năm 2021 (Bảng 3 tại phụ lục), mức tiêu thụ thịt bò trung bình của Việt Nam giai đoạn 2018-2020 là 7,3 kg/người/năm, trong đó, sản xuất trong nước mới đáp ứng được khoảng 40% sản lượng thịt bò tiêu thụ, còn lại 60% nhập khẩu từ các nước khác. Mức tiêu thụ thịt bò trung bình theo đầu người mặc dù cao hơn hầu hết các nước trong khu vực châu Á, nhưng thấp hơn so với các nước có nền kinh tế phát triển. Điều này cho thấy, ngành **chăn nuôi bò thịt còn rất nhiều tiềm năng** để phát triển trong thời gian tới.

### 3. Diễn biến giá

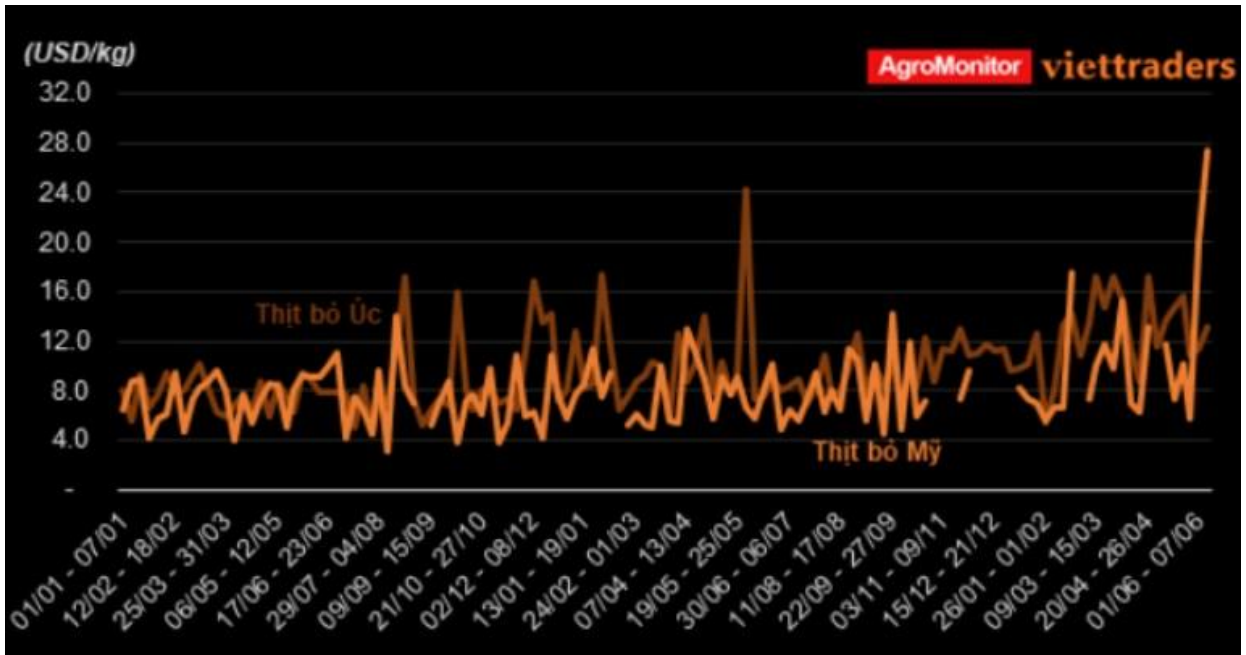
Đặc điểm của thị trường thịt bò Việt Nam là khoảng 60% lượng tiêu thụ phụ thuộc vào nhập khẩu, nên giá bán tại thị trường trong nước biến động theo sát mức giá nhập khẩu thịt bò trên thị trường quốc tế.

Giá bán tham khảo tại thị trường trong nước ngày 21/6/2022 (đồng/kg):

Chủng loại	Miền Bắc	Miền Nam
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	81.000-85.000	80.000-81.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	91.000-92.500	88.000-90.000
Bò tuốt Úc	195.000-197.000	198.000-200.000
Bò tuốt nội địa	205.000 (bò ta)	167.000-168.000

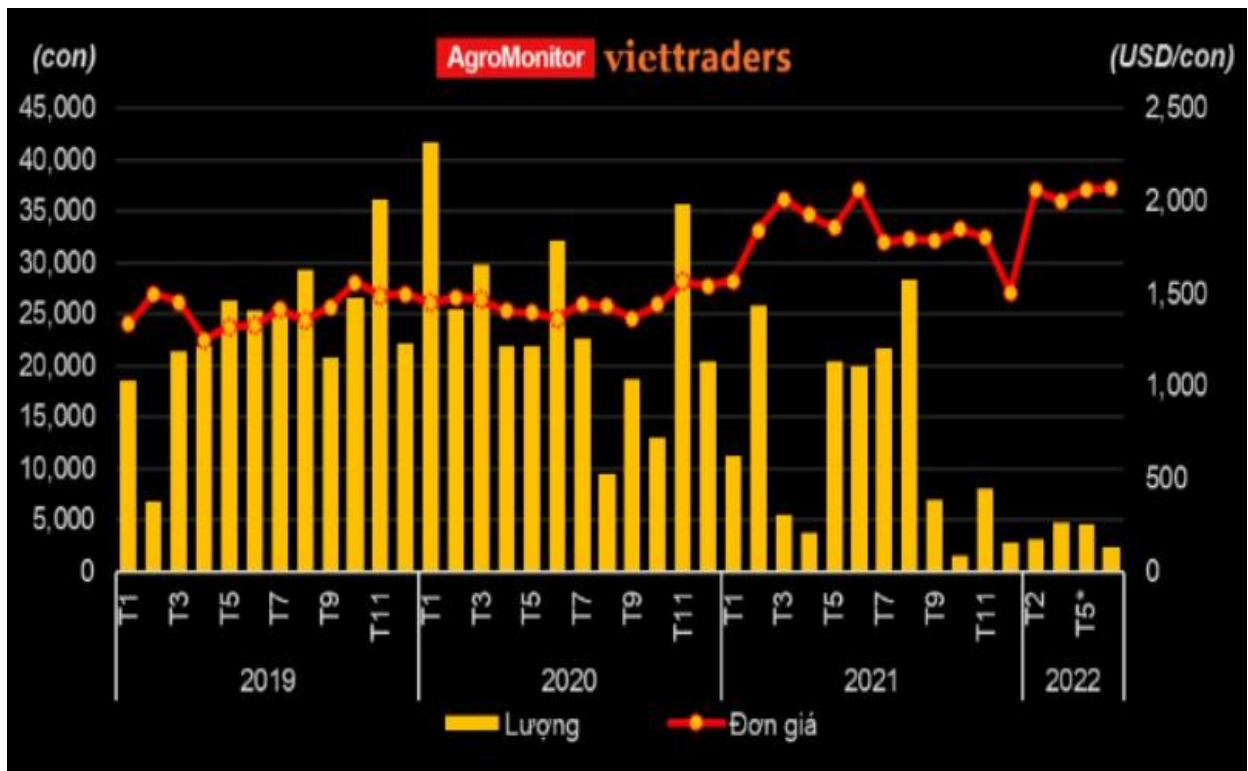
Nguồn: Agromonitor

**Hình 1. Giá nhập khẩu thịt bò từ Úc và Mỹ**



Nguồn: Agromonitor, giá CIF

Hình 2. Giá và lượng nhập khẩu bò sống từ Úc



Nguồn: Agromonitor, giá CIF

Từ Hình 1 và 2 có thể thấy **giá nhập khẩu thịt bò** (bao gồm cả bò sống để giết mổ và thịt bò đông lạnh) có xu hướng **biến động với biên độ ngày càng lớn** và theo xu hướng **tăng** kể từ cuối năm 2020 đến nay.

#### 4. Tình hình xuất nhập khẩu thịt trâu bò

##### - Kim ngạch và cơ cấu mặt hàng XNK:

Đơn vị: USD

	2019	2020	2021
<b>Xuất khẩu thịt và phụ phẩm trâu, bò</b>	1.935.664	1.086.231	829.225
<b>Xuất khẩu trâu, bò sống</b>	-	818.928	2.306.296
<b>Nhập khẩu thịt và phụ phẩm trâu, bò</b>	349.213.786	446.099.200	544.402.816
<b>Nhập khẩu trâu, bò sống</b>	618.863.836	688.209.152	509.544.768

Nguồn: Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ NN và PTNT

Về mặt hàng thịt trâu và thịt bò, theo Agromonitor: **năm 2020** Việt Nam nhập khẩu 47.856 tấn thịt và phụ phẩm từ bò, 78.412 tấn thịt và phụ phẩm từ trâu; **năm 2021** Việt Nam nhập khẩu 57.328 tấn thịt và phụ phẩm từ bò, 95.414 tấn thịt và phụ phẩm từ trâu. **Tỷ trọng và số lượng thịt trâu nhập khẩu có xu hướng tăng cao hơn thịt bò** là một minh chứng về vấn đề thiếu minh bạch thông tin trong quản lý thị trường tiêu thụ thịt bò.

##### - Về thị trường:

###### **Thị trường xuất khẩu:**

+ Bò sống:

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN và PTNT), năm 2021 bò sống xuất khẩu sang Lào chiếm 89,0%; Papua New Guinea chiếm 11,0%.

+ Thịt trâu bò:

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN và PTNT), năm 2021 cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt trâu bò đứng đầu là Cambodia (64,5%), tiếp theo là Thái Lan (26,3%), Trung Quốc (6,4%). Các thị trường khác tỷ trọng không đáng kể (dưới 1%).

**Thị trường nhập khẩu:**

+ Bò sống:

Năm	Úc	Lào	Thái Lan	Brazil	Tổng
2021	153.066	37	224.722	13.786	394.358
6T/2022	14.620	169	55.157	-	69.946

Nguồn: Agromonitor, đơn vị: con.

+ Thịt trâu bò:

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN và PTNT), năm 2021, cơ cấu thị trường nhập khẩu thịt trâu bò đứng đầu là Ấn Độ (56,7%), tiếp theo là Úc (17,9%), Canada (12,0%), EU (2,6%), nước khác (10,8%).

**5. Phân tích SWOT về phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi trên khía cạnh chế biến và thị trường**

**S – Thế mạnh**

- Thị trường tiêu thụ lớn (dân số đông với mức thu nhập ngày càng tăng, mức tiêu thụ bình quân thịt bò/người lớn).

- Thị hiếu tiêu dùng: người Việt Nam có thị hiếu tiêu thụ thịt bò (giá cao hơn so với thịt lợn, thịt gà).

- Thị trường có khoảng cách địa lý với các nước sản xuất thịt bò lớn trên thế giới.

- Sự mở rộng của lĩnh vực bán lẻ hiện đại đã tạo động lực cho ngành thịt bò ở Việt Nam khi người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi sản phẩm an toàn và đáng tin cậy hơn, giá cả không phải là yếu tố quá quan trọng (thịt trâu Ấn Độ giá rẻ, thường được bán như thịt bò có xu hướng giảm, trong khi bò nhập khẩu từ Mỹ và Úc có xu hướng tăng).

- Đã hình thành các doanh nghiệp lớn kinh doanh theo chuỗi nhập khẩu – nuôi vỗ béo – giết mổ - chế biến – phân phối như Phú Lâm, Pacow, Việt Úc, Đông Thành, Thanh Nhân, Kết Phát Thịnh, Thảo Tiến, Vissan... Đây là những "Đại bàng" có thể trở thành các đầu tàu thúc đẩy phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi.

- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Chính phủ và sự hợp tác của các nước đối tác như Úc.

### **W – Điểm yếu**

- Lợi thế so sánh - điều kiện cần để phát triển sản xuất chưa rõ nét (về điều kiện chăn thả tự nhiên, về các chi phí đầu vào như thức ăn, đất nông nghiệp... còn cao, về năng suất và giống (*bò Australia có tỷ lệ thịt xẻ khoảng 45 - 47%, thì bò nội địa chỉ khoảng 30 - 35%*)).

- Lĩnh vực giết mổ/chế biến thịt mát nói riêng và giết mổ/chế biến quy mô công nghiệp nói chung đòi hỏi vốn đầu tư lớn, chi phí sản xuất cao nhưng gặp khó khăn khi phải cạnh tranh bất bình đẳng với các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ (*không phép, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ...*) và khó khăn về việc xin địa phương bố trí quỹ đất xây dựng cơ sở.

- Thiếu nguồn nhân lực trong lĩnh vực giết mổ/chế biến để phát triển theo hướng công nghiệp tập trung. Việc đầu tư chuỗi thịt bò mát ở Việt Nam thiếu đội ngũ lao động có tay nghề và biết vận hành thiết bị công nghiệp.

### **O – Cơ hội**

- Cung trong nước không đủ cầu: 60% nhu cầu tiêu thụ phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Trong chiến lược phát triển sản xuất và thị trường thịt bò trong 10 năm tới, Việt Nam đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ, đặc biệt là bò thịt để đến năm 2030 đạt trên 10% thịt bò trong tổng sản lượng thịt các loại (*hiện là 7,4%*).

- Số lượng và giá trị thương mại thịt bò trên thế giới trong 10 năm tới có xu hướng tăng (*theo dự báo của FAO*).

- Đầu tư xã hội cho nguồn lực phát triển chăn nuôi tăng, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước.

### **T – Thách thức**

- Thị trường nhập khẩu đã mở toang, nguy cơ cạnh tranh với hàng nhập khẩu có chi phí sản xuất thấp hơn. Việt Nam cho phép nhập khẩu bò sống về để

giết mổ trong nước với Úc, Braxin và Thái Lan; đồng thời có hiệp định thương mại tự do với các nước EU, CPTPP (Úc, Canada, Mexico, New Zealand) nên có mức thuế suất nhập khẩu sẽ giảm về 0%.

- Mô hình liên kết trong chăn nuôi bò thịt còn hạn chế. Hầu hết, bò thịt được bán cho thương lái khi đến tuổi giết thịt. Do vậy, giá cả sản phẩm này biến động bất thường, phụ thuộc nhiều vào các yếu tố khách quan.

- Không còn hàng rào bảo hộ nên khó phát triển sản xuất trong nước do không còn lợi thế so sánh trong sản xuất so với hàng nhập khẩu.

- Thị trường không minh bạch (*thịt trâu bán giá thịt bò, không phân biệt được xuất xứ...*). Tình hình xuất nhập khẩu lậu qua biên giới trên bộ chưa được kiểm soát.

## **6. Một số đề xuất về giải pháp tăng cường chế biến, phát triển thị trường tại Việt Nam**

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2021-2030 nhằm thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 ban hành theo Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với ngành chăn nuôi bò thịt, trước mắt tập trung vào một số giải pháp như sau:

(i). Cải thiện chuỗi cung ứng nhập khẩu, tập trung vào hiệu suất và năng lực quản lý của các trang trại vỗ béo tập trung nhằm tăng tính ổn định về giá cả, năng lực cung cấp và giảm thiểu chi phí, rủi ro.

(ii). Xử lý tình trạng giết mổ không phép, tăng cường quản lý các cơ sở giết mổ nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng để các cơ sở giết mổ tập trung, hiện đại được đầu tư và phát triển.

(iii). Rà soát, bổ sung chính sách và tăng cường hoạt động xúc tiến nhằm thu hút đầu tư phát triển giết mổ và chế biến quy mô công nghiệp, gắn với liên kết theo chuỗi (*chính sách hỗ trợ về vốn và đất đai...*).

(iv). Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ: cần phát triển chương trình đào tạo nghề giết mổ/chế biến thịt nói chung và thịt bò nói riêng ở Việt Nam. Hiệp hội Thịt và Gia súc của Úc cũng cho rằng nếu phối hợp với Úc trong các chương trình đào tạo nghề giết mổ/chế biến thịt thì đây sẽ là lĩnh vực hợp tác tiềm năng do nước Úc nói riêng và các nước phát triển nói chung thường xuyên thiếu hụt nguồn nhân lực về giết mổ/chế biến.

(v). Hoàn thiện các chính sách về phát triển và quản lý thị trường nhằm: (i) Khuyến khích chăn nuôi trong nước phát triển (*vấn đề hài hòa giữa chính sách nhập khẩu và chính sách phát triển chăn nuôi trong nước*); (ii) Minh bạch hóa thị trường tiêu thụ (*minh bạch nguồn gốc, chủng loại*); (iii) Bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm ... (*quản lý xuất nhập khẩu lậu trâu bò sống qua biên giới, tăng cường xây dựng tiêu chuẩn quy chuẩn khâu giết mổ - chế biến – tiêu thụ, quy định ghi nhãn, ứng dụng công nghệ thông tin...*).

(vi). Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền nhằm thúc đẩy tiêu thụ thịt bò an toàn, thay đổi thói quen tiêu dùng từ thịt nóng sang thịt mát./.

## PHỤ LỤC

**Bảng 1. Các nước sản xuất thịt bò hàng đầu thế giới**

*Đ.vị: nghìn tấn (thịt xẻ)*

TT	Nước	2018	2019	2020	2021	Ước 2022
1	Hoa Kỳ	12.256	12.385	12.369	12.730	12.627
2	Brazil	9.900	10.200	10.100	9.500	9.850
3	Trung Quốc	6.440	6.670	6.720	9.980	7.100
4	EU	7.067	6.964	6.882	6.855	6.800
5	Ấn Độ	4.240	4.270	3.760	4.195	4.350
6	Argentina	3.050	3.125	3.170	3.000	2.960
7	Mexico	1.980	2.027	2.079	2.150	2.190
8	Australia	2.309	2.432	2.125	1.888	2.115

9	Canada	1.265	1.342	1.314	1.420	1.475
10	Nga	1.375	1.374	1.378	1.380	1.360
11	South Africa	1.027	1.019	1.008	996	997
12	Nước khác	6.840	6.845	6.810	7.040	6.969
	<b>Tổng</b>	<b>57.531</b>	<b>58.653</b>	<b>57.735</b>	<b>58.134</b>	<b>58.693</b>

*Nguồn: USDA, 4/2022*

**Bảng 2. Các thị trường tiêu thụ thịt bò hàng đầu thế giới**

*Đ.vị: nghìn tấn (thịt xẻ)*

<b>TT</b>	<b>Nước</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>Ước 2022</b>
1	Hoa Kỳ	12.181	12.409	12.531	12.705	12.695
2	Trung Quốc	7.808	8.826	9.486	9.987	10.229
3	Brazil	7.925	7.929	7.611	7.242	7.312
4	EU	6.753	6.698	6.518	6.502	6.450
5	Ấn Độ	2.729	2.776	2.476	2.798	2.875
6	Argentina	2.568	2.379	2.365	2.270	2.268
7	Mexico	1.902	1.901	1.898	1.959	1.990
8	Nga	1.790	1.767	1.708	1.628	1.475
9	Nhật Bản	1.298	1.319	1.295	1.265	1.295
10	Anh	1.268	1.136	1.168	1.151	1.125
11	Canada	1.014	1.029	1.045	1.033	1.022
12	Các nước khác	8.215	8.207	8.024	8.061	8.159
	<b>Tổng</b>	<b>55.451</b>	<b>56.376</b>	<b>56.125</b>	<b>56.601</b>	<b>56.895</b>

*Nguồn: USDA, 4/2022*

**Bảng 3. Sản xuất và tiêu dùng thịt bò trung bình giai đoạn 2018-2020**

<b>Quốc gia/ khu vực</b>	<b>Sản xuất (nghìn tấn/năm)</b>	<b>Tiêu thụ (nghìn tấn/năm)</b>	<b>Tiêu thụ trung bình/ người/năm (kg/người)</b>



*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

<b>Thế giới</b>	<b>70.607</b>	<b>70.281</b>	<b>6,4</b>
Châu Á	18.228	22.833	3,5
Châu Âu	10.784	10.867	10,2
Châu Mỹ La tinh	18.407	14.919	16,2
Châu Phi	6.575	7.167	3,9
<i>Việt Nam</i>	<i>411</i>	<i>1.005</i>	<i>7,3</i>
Trung Quốc	6.594	8.138	4,0
Ấn Độ	2.410	1.043	0,5
Pakistan	2.207	2.138	6,9
Nhật Bản	473	1.343	7,4
Hàn Quốc	285	821	11,2
Indonesia	377	743	1,9
Malaysia	31	234	5,1
Philippines	292	461	3,0
Thái Lan	188	119	1,2
Brazil	9.192	7.243	24,0
Canada	1.472	965	18,1
Hoa Kỳ	11.891	12.347	26,3
Úc	2.549	1.085	30,1
New Zealand	689	77	11,2

*Nguồn: Báo cáo “Triển vọng phát triển nông nghiệp 2021-2030” của FAO 2021*

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội

### I. Đặc điểm tình hình chăn nuôi Hà Nội

Trong những năm qua, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn phát triển khá ổn định.

- Đàn trâu hiện có 27,9 nghìn con, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 130,3 nghìn con, tương đương cùng kỳ. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 5 tháng đầu năm ước đạt 811 tấn, tăng 7,1%; sản lượng thịt bò đạt 4,5 nghìn tấn, giảm 0,2%. Bệnh dịch tả lợn Châu Phi và bệnh cúm gia cầm cơ bản được kiểm soát nhưng giá thức ăn chăn nuôi tăng cao đã ảnh hưởng đến hoạt động tái đàn của hộ chăn nuôi. Đàn lợn hiện có 1,37 triệu con, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 5 tháng đầu năm ước đạt 94,7 nghìn tấn, tăng 3,3%. Đàn gia cầm hiện có 39,5 triệu con, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà 26,5 triệu con, giảm 0,4%; sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 5 tháng đầu năm ước đạt 67,8 nghìn tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2021 (thịt gà 51,2 nghìn tấn, giảm 1,5%); sản lượng trứng gia cầm đạt 1.121 triệu quả, tăng 5,9% (trứng gà 574 triệu quả, tăng 3,9%) (theo số liệu của Cục thống kê Hà Nội ngày 25/5/2022).

- Tổng số trang trại chăn nuôi thuộc các quy mô lớn, vừa, nhỏ là 6.515 giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2021 (7.528 trang trại), bao gồm 91 trang trại lớn, 1.387 trang trại vừa, 5.037 trang trại nhỏ. Tổng đàn gia súc, gia cầm chăn nuôi tại quy mô trang trại (lớn, vừa, nhỏ): Đàn trâu bò (40.716 con) chiếm 24% so với tổng đàn (169.586 con). Đàn lợn (661.961 con) chiếm 49,35 % so với tổng đàn (1.341.244 con). Đàn gia cầm bao gồm gà, vịt, ngan, ngỗng (14.527.377 con) chiếm 44,79 % so với tổng đàn (32.433.068 con).

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, buôn bán thuốc thú y:

+ *Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi*: Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi trên địa bàn là 1.058 cơ sở, trong đó: Cơ sở sản xuất gồm 25 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi gồm 1.033 cơ sở kinh doanh thức ăn hỗn hợp và thức ăn đậm đặc cho động vật, số cửa hàng kinh doanh tại các quận chủ yếu tập trung kinh doanh thức ăn cho động vật cảnh. Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi có đăng ký kinh doanh là 767 cơ sở (đăng ký kinh doanh cấp thành phố là 29 cơ sở; đăng ký kinh doanh cấp quận, huyện, thị xã là 738 cơ sở) và có 289 cơ sở kinh doanh không có đăng ký kinh doanh.

+ *Cơ sở buôn bán thuốc thú y*: Số cơ sở buôn bán thuốc thú y trên địa bàn là 646 cơ sở giảm 6,6 % so với năm 2021 (692 cơ sở), trong đó số cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y là 520 cơ sở. Số cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 611 cơ sở (*56 cơ sở có đăng ký kinh doanh cấp thành phố, cấp huyện 555 cơ sở*).

## **II. Tình hình chăn nuôi bò thịt của Hà Nội**

### **1. Tiềm năng và lợi thế**

- Hà Nội là Thủ đô song vẫn có rất nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển chăn nuôi bò thịt, do một số huyện có diện tích tự nhiên rộng, nhiều vùng bãi ven sông để tận dụng trồng cỏ, ngô, cây họ đậu giành cho chăn nuôi bò thịt như (Ba Vì, Phúc Thọ, Chương Mỹ, Sóc Sơn,...). Đồng thời, với dân số trên 10 triệu người thường xuyên có mặt sinh sống và làm việc, Hà Nội hiện đang là trung tâm tiêu thụ thực phẩm lớn nhất của vùng ĐBSH và các tỉnh phía Bắc.

- Thành phố ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, ngành chăn nuôi bò thịt của Thủ đô đang làm chủ công nghệ, tiến bộ kỹ thuật như lai tạo giống bằng tinh phân ly giới tính bò BBB), tinh bò thịt cao sản nhập ngoại (bò BBB, Wagyu, Charolai...), tạo sự đa dạng, phong phú về nguồn gen, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu và tiết kiệm ngoại tệ.

- Hà Nội là nơi có nhiều cơ quan, đơn vị khoa học của các Bộ ngành đóng trên địa bàn, là cơ sở tốt cho hộ nông dân được tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, con giống mới góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Thủ đô luôn đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng chuyên canh, tập trung, quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Thành phố có Trung tâm sản xuất tinh bò chất lượng cao nhằm chủ động nguồn tinh bò cung cấp cho Hà Nội và các tỉnh thành cả nước.

- Có đội ngũ cán bộ thú y từ thành phố tới cơ sở, đội ngũ dẫn tinh viên có bề dày kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề và hoạt động có hiệu quả.

- Các cơ quan chuyên môn trên địa bàn Thành phố là cầu nối giữa các doanh nghiệp với hộ chăn nuôi về vay vốn phát triển đàn, hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi...

## **2. Kết quả phát triển chăn nuôi bò thịt**

### **a) Số lượng, cơ cấu đàn bò thịt**

- Tổng đàn bò thịt, bò sinh sản tính đến thời điểm tháng 6/2022 trên địa bàn toàn Thành phố khoảng 130 ngàn con. Đàn bò thịt, sinh sản tại 39 xã, vùng chăn nuôi bò thịt trọng điểm (*theo Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019*) khoảng 38 nghìn con.

- Có khoảng 92 trại chăn nuôi bò thịt quy mô lớn ngoài khu dân cư. Một số hộ chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản điển hình: Hộ Vũ Kim Lâm (Thuần Mỹ- Ba Vì): 120 con; Đặng Đình Hậu (Lam Điền- Chương Mỹ): 30 con.

- Tỷ lệ TTNT trên đàn bò thịt đạt 80%, tổng số bê sinh ra từ phương pháp TTNT hàng năm khoảng 60.000 con.

- Cơ cấu đa dạng với nhiều giống bò chất lượng cao: 65% bò lai Zebu, hơn 30% bò lai hướng thịt (Angus, Charolais, Wagyu, BBB...), bò vàng địa phương chiếm tỉ lệ rất thấp.

- Phát triển công tác giống theo 03 nhóm chiến lược: Chuyên thịt (F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub> BBB), chuyên thịt chất lượng cao (F<sub>1</sub> Wagyu), kiêm dụng (lai Brahman; Charolais; Senepol...).

***b) Ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi bò thịt***

- Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước lai tạo, phát triển thành công giống bò F<sub>1</sub> BBB, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi. Đặc biệt từ năm 2012, Hà Nội đã triển khai Dự án “Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền bò lai Sind thành bò lai F<sub>1</sub> hướng thịt trên địa bàn TP. Hà Nội” là điểm sáng trong bức tranh sản xuất giống bò chất lượng cao, tạo nên thương hiệu bò thịt chất lượng cao của Hà Nội. Đến nay, dự án đã tạo ra 160 nghìn con bê F<sub>1</sub> BBB, tăng năng suất đàn bò thịt lai tạo so với các giống lai trước đây từ 20 - 30%. Tạo ra trên 63 nghìn tấn thịt bò hơi F<sub>1</sub> BBB chất lượng cao cung ứng cho nhu cầu tiêu dùng của người dân Hà Nội.

- Trong thời gian vừa qua Thành phố đã triển khai phối giống cho đàn bò cái nền đủ tiêu chuẩn bằng tinh bò BBB phân ly giới tính đực. Đến nay đã có 2.800 con bê sinh ra từ tinh phân ly giới tính đực BBB, với tỷ lệ bê đực đạt 90% trong tổng số bê sinh ra. Bê BBB sinh ra từ tinh phân ly giới tính có khối lượng sơ sinh từ 35 - 45 kg, bò mẹ không phải mổ đẻ. Bê sinh ra từ tinh phân ly giới tính đều khỏe mạnh, sinh trưởng, phát triển tốt, ít bệnh tật, có ngoại hình đẹp, mang đặc trưng phẩm giống bò BBB, phù hợp với thị hiếu của người dân.

- Ngoài ra, Hà Nội còn được chọn làm mô hình điểm chuyển giao công nghệ trong lai tạo giống bò. Hiện nay, Thành phố có Trung tâm sản xuất tinh bò chất lượng cao nhằm chủ động nguồn tinh bò cung cấp cho Hà Nội và các tỉnh thành trên cả nước. Việc nhập nội bò đực giống BBB thuần chủng chăm sóc, nuôi dưỡng và sản xuất tinh thành công, đã giúp cho công tác lai tạo giống tại Hà Nội cũng như các địa phương trong cả nước tiết kiệm được khoảng 70% chi phí ngân sách so với trước đây phải sử dụng tinh bò nhập khẩu.

- Với mong muốn đưa ngày càng nhiều giống bò chất lượng cao phục vụ chăn nuôi trên địa bàn Thành phố. Trong thời gian vừa qua, Sở Nông nghiệp &

PTNT Hà Nội đã giao Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội triển khai lai tạo giống bò Wagyu, giống bò đã làm nên thương hiệu thịt bò Kobe Nhật Bản nổi tiếng thế giới để đưa vào lai tạo. Đến nay, đã có khoảng 10 nghìn bê lai Wagyu sinh ra. Qua quá trình theo dõi cho thấy khả năng sinh trưởng, phát triển và khả năng sinh sản của bò lai Wagyu rất tốt. Bê sinh ra dễ nuôi, khỏe mạnh, phàm ăn, sinh trưởng phát triển tốt và thích nghi với điều kiện khí hậu tại địa phương. Kết quả mổ khảo sát cho thấy bò lai Wagyu có tỷ lệ thịt xẻ đạt 70,77%. Tỷ lệ thịt tinh đạt 48,54% (cao hơn các giống bò lai Droughtmaster Brahman và bò Úc). Ngoài ra, kết quả phân tích cho thấy trong thịt bò lai Wagyu có chứa hàm lượng lớn các axit béo không bão hòa đơn Omega 9, Omega 6 và omega 3 cao hơn các giống bò khác.

***c) Công tác xây dựng chuỗi liên kết chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm***

Thực hiện chủ trương, định hướng của Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao cho các đơn vị trực thuộc xây dựng và phát triển một số chuỗi chăn nuôi hiệu quả, tạo ra chuyên biến tích cực, giúp người dân phát triển sản xuất bền vững và tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu, góp phần thúc đẩy ngành hàng chăn nuôi Thủ đô phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả, tiêu biểu như: Chuỗi sản xuất và cung cấp thịt bò Hà Nội: Chuỗi do Công ty TNHH phát triển thương mại Thắng Lợi quản lý và phát triển. Chuỗi có quy mô 1 trang trại bò thịt công suất 250 con/lứa, chăn nuôi thường xuyên 120 con, 01 Cơ sở giết mổ bò bán công nghiệp, giết mổ thường xuyên 05 con bò/ngày, hàng ngày cung cấp cho thị trường khoảng 1,2 tấn thịt bò đảm bảo ATTP.

***d) Công tác tuyên truyền, đào tạo tập huấn***

Đề động viên, khuyến khích, tôn vinh những người làm công tác thụ tinh nhân tạo bò. Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao các đơn vị trực thuộc (Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm PTNN) tổ chức hàng trăm lớp đào tạo, tập huấn cho các dẫn tinh viên, thú y viên cơ sở, người chăn nuôi trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt, từ năm 2014 đến nay, đã tổ chức thành công 02 Hội thi bò thịt thu hút hàng nghìn lượt khách tham quan; 03 Hội thi dẫn tinh viên giỏi thu hút được trên 150 lượt dẫn tinh viên tại các huyện, thị xã tham gia. Hội thi

đã có sức lan tỏa, tạo hiệu ứng tích cực trong phong trào thụ tinh nhân tạo bò trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, thúc đẩy quảng bá, giới thiệu thành tựu của ngành chăn nuôi bò của Thủ đô, từng bước đưa chăn nuôi bò thịt sang hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất và chất lượng cao góp phần thành công trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

***d) Một số chính sách về phát triển chăn nuôi bò thịt***

***- Chính sách của Trung ương:***

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

***- Chính sách của Thành phố:***

Nghị Quyết số 10/2018/NQ-HĐND Hà Nội ngày 05/12 /2018 của HĐND Thành phố Hà Nội về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 15/02/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội;



Quyết định 731/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND Thành phố về “Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025.

### **III. Khó khăn, thách thức**

- Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất thức ăn chăn nuôi, dẫn đến giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng cao trên 30%.

- Thành phố đã có quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, song tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn cao (chiếm 60%). Còn có nhiều trang trại chăn nuôi phát triển theo hướng tự phát. Người chăn nuôi bước đầu mới chỉ chú trọng tăng năng suất. Các chuỗi khép kín, chuỗi liên kết còn chưa nhiều, lượng sản xuất và quy mô còn nhỏ chưa đáp ứng tiềm năng lợi thế của Thủ đô.

- Cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi đã ban hành, tuy nhiên còn nhiều bất cập và chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đồng thời, chưa có chính sách đột phá khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi.

- Do tốc độ đô thị hóa nhanh, nên diện tích đất sử dụng để trồng cỏ cho bò đang dần bị thu hẹp. Dẫn tới nguồn thức ăn thô xanh phục vụ [chăn nuôi bò](#) còn hạn chế, dẫn tới thiếu hụt nguồn thức ăn cho bò vào mùa đông.

- Đầu tư cho sản xuất chăn nuôi bò thịt của doanh nghiệp thu hồi vốn dài, nhiều rủi ro về thiên tai, thời tiết, trong khi đó chính sách về tập trung, tích tụ ruộng đất còn là nút thắt chưa được tháo gỡ nên nhà đầu tư còn ngần ngại.

- Phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, việc xây dựng thương hiệu sản phẩm thịt bò còn hạn chế chưa tương xứng với xu thế hội nhập quốc tế.

- Những hộ chăn nuôi bò thịt nhỏ lẻ, hạn chế đầu tư và kỹ thuật chăn nuôi nên môi trường trong chăn nuôi vẫn bị ô nhiễm, xử lý chất thải, dịch bệnh gặp nhiều khó khăn; thiếu điều kiện vệ sinh nên ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi.

- Giá cả thị trường không ổn định việc đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt của các tổ chức cá nhân cũng hạn chế.

- Chưa có nhà máy chế biến thức ăn TMR, TMF ... phục vụ cho chăn nuôi đại gia súc.

#### **IV. Định hướng và các giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt**

##### **1. Định hướng phát triển**

###### *a) Định hướng chung*

- Phấn đấu đến năm 2025, chấm dứt hoàn toàn hoạt động chăn nuôi nằm trong vùng không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc Ban hành khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách di dời hỗ trợ cơ sở chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đến năm 2030, giảm dưới 40% tỷ lệ chăn nuôi trong khu dân cư, hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm, phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại xa khu dân cư đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường, nâng cao tỷ trọng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong trang trại; tiếp tục xác định sản phẩm chăn nuôi chủ lực của Hà Nội là trung tâm sản xuất con giống, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học.

- Phấn đấu đến năm 2030 có 70% sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn Hà Nội được sản xuất theo các chuỗi khép kín, chuỗi liên kết. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu mối để xây dựng các chuỗi khép kín và chuỗi liên kết, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hệ thống giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi bằng các dây chuyền công nghiệp, bán công nghiệp hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y; khuyến khích xây dựng cơ sở chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và gắn với các cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến. Xây dựng được ít nhất 12 vùng

cấp huyện đạt tiêu chuẩn vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, 80% các trang trại chăn nuôi quy mô lớn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

- Tỷ trọng gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung, công nghiệp đạt tương ứng khoảng 70%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được đưa vào sơ chế, chế biến công nghiệp so với tổng sản lượng thịt đạt từ 50% vào năm 2030.

- Chăn nuôi bò thịt chủ yếu tại các huyện vùng đồi gò và vùng bãi bồi ven sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ... Trong đó, tập trung phát triển chăn nuôi bò thịt xa khu dân cư và trang trại chăn nuôi tập trung tại các huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Chương Mỹ, Sóc Sơn.

#### *b) Định hướng cụ thể*

- Duy trì ổn định đàn bò thịt với tổng đàn khoảng 135-145 nghìn con, trong đó đàn bò cái nền 80 – 100 nghìn con; tăng tỷ lệ đàn bò Zebu hóa là 100%, trong đó 50% là bò hướng thịt cao sản chất lượng cao. Đồng thời tăng tỷ lệ đàn bò cái sinh sản được thụ tinh nhân tạo lên 85% tổng đàn, trong đó lai tạo giống bò cao sản chiếm 45%.

- Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi bò thịt đặc biệt công tác cấy truyền phôi, lai tạo giống bằng tinh bò thịt cao sản nhập ngoại, tinh phân ly giới tính... nhằm tăng nhanh tiến bộ di truyền, năng suất và chất lượng.

- Tập trung phát triển các hộ chăn nuôi xa khu dân cư và chăn nuôi theo hướng VietGAP, hữu cơ, sinh học. Tập trung chủ yếu ở các xã Minh Châu, Tòng Bạt (Ba Vì), Thượng Cốc (Phúc Thọ), Đông Yên (Quốc Oai).

## **2. Các giải pháp**

### **a) Giải pháp về quản lý nhà nước, quy hoạch và tổ chức sản xuất**

- Triển khai các Đề án, Dự án, Chương trình, Kế hoạch đã được duyệt chủ trương và nội dung về lĩnh vực chăn nuôi tiếp theo triển khai giai đoạn 2021-2025.

- Tập trung phát triển chăn nuôi bò thịt theo vùng chuyên canh tập trung.

- Chuyển phần lớn diện tích ở những nơi phù hợp và một phần diện tích đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang thâm canh trồng cỏ và cây thức ăn chăn nuôi.

- Xây dựng, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung với phương thức chăn

nuôi công nghiệp hiện đại, chuyên môn hóa cao. Ứng dụng rộng rãi công nghệ số hóa trong công tác quản lý hoạt động chăn nuôi.

- Đề xuất chính sách, giải pháp, xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt tập trung, tích tụ ruộng đất nông nghiệp, tạo tiền đề thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi.

- Phân đấu hầu hết các sản phẩm thịt bò được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

- Tập trung các giải pháp về sản xuất con giống, phòng bệnh, vệ sinh môi trường để đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm trong lĩnh vực phát triển chăn nuôi, xây dựng trang trại, khai báo chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các cấp các ngành, người chăn nuôi người tiêu dùng chủ động thực hiện các giải pháp phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh ngay từ cơ sở, từng bước đưa Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật ATTP vào thực tiễn sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm đấu giá, sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, đấu giá giống vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi.

### ***b) Giải pháp về khoa học công nghệ***

#### ***\* Giống và công tác giống:***

- Thực hiện công tác quản lý giống bằng phần mềm 4.0. Tăng cường tuyển chọn, giữ lại các con giống có năng suất, chất lượng cao.

- Tiếp tục cải tiến năng suất đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với giống bò thịt năng suất, chất lượng cao (BBB phân ly giới tính đực, Wagyu, charolais...). Cải tiến chất lượng đàn bò cái nền bằng phương pháp lai tạo với tinh bò Senepol nhằm tăng thể trọng đàn nái sinh sản, kết hợp với giám định, bình tuyển bò thịt, bò sinh sản hằng năm để nâng cao năng suất chất lượng đàn bò.

- Khuyến khích chăn nuôi bò thịt áp dụng công nghệ cao: Hệ thống phối trộn thức ăn TMR, sử dụng hệ thống cho ăn tự động và hệ thống phun tưới cỏ tự động,...

*\* Thức ăn và chăm sóc nuôi dưỡng:*

- Giành quỹ đất trồng cỏ, chủ động tạo ra nguồn thức ăn thô xanh cho đàn bò đủ về số lượng và chất lượng, trồng các giống cỏ mới năng suất, chất lượng cao. Áp dụng công nghệ chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh để nâng cao giá trị dinh dưỡng, khả năng tiêu hóa và hấp thu. Khuyến khích người dân tự phối trộn, tận dụng nguồn phụ phẩm trong nông nghiệp chế biến thức ăn để giảm chi phí. Hướng dẫn, chuyên gia cho nông dân quy trình kỹ thuật trồng cỏ, chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh.

- Cần xác định khẩu phần và phương thức nuôi phù hợp với từng giống và quy mô chăn nuôi. Sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) đối với các hộ chăn nuôi quy mô lớn.

*\* Vệ sinh phòng bệnh và thú y:* Tăng cường công tác quản lý dịch bệnh, kiểm dịch và tiêm phòng vaccine theo định kỳ. Tập trung xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định của Luật Thú y để đảm bảo an toàn dịch bệnh, phục vụ xuất khẩu.

*\* Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn:*

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi bò thịt có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo kỹ thuật, quản lý cho các hộ chăn nuôi bò. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật mới cho các hộ chăn nuôi, cán bộ kỹ thuật tại cơ sở.

- Đào tạo mới, đào tạo nâng cao đội ngũ dẫn tinh viên, thú y cơ sở đảm bảo cán bộ thú y cơ sở có thể làm tốt các nhiệm vụ về thụ tinh nhân tạo và điều trị

bệnh cho gia súc.

\* *Xây dựng các mô hình chăn nuôi điển hình:* Chăn nuôi bò thịt ứng dụng công nghệ cao đồng bộ và ứng dụng công nghệ số hóa trong công tác quản lý hoạt động chăn nuôi.

**c) Giải pháp về môi trường:** Xây dựng hệ thống xử lý môi trường, sử dụng các chế phẩm xử lý môi trường. Xây dựng hệ thống thu gom chất thải chăn nuôi để sản xuất phân hữu cơ.

**d) Giải pháp xây dựng chuỗi liên kết chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm**

a. Sản phẩm với thương hiệu thịt bò Hà Nội

- Xây dựng chuỗi liên kết: Phát triển mô hình liên kết sản xuất giữa hộ chăn nuôi, gia trại, trang trại, HTX với các doanh nghiệp trong chế biến và tiêu thụ thịt bò.

- Tập trung phát triển thương hiệu, thị trường tiêu thụ thịt bò và các sản phẩm chăn nuôi của Hà Nội.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài thành phố đầu tư vào chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thịt bò.

b. Xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất giống. Sử dụng tinh bò thịt cao sản nhập ngoại, tinh phân ly giới tính vào sản xuất.

**đ) Giải pháp về chính sách:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đã có cho các đối tượng liên quan theo quy định như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về một số Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội.

- Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách đặc thù đối với phát triển chăn nuôi

bò thịt, nhằm thúc đẩy phát triển ổn định, bền vững phù hợp với từng giai đoạn.

## **V. Kiến nghị, đề xuất**

### **1. Bộ Nông nghiệp & PTNT**

Điều chỉnh mật độ chăn nuôi phù hợp với đặc thù chăn nuôi của Thành phố. Xây dựng và hướng dẫn cơ quan quản lý cấp tỉnh xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi.

### **2. Đối với Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Hà Nội**

Đề nghị cho sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội, trong đó quy định rõ các định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục làm căn cứ để các bên tham gia liên kết xây dựng dự án/kế hoạch liên kết theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP và đề nghị rà soát Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội để làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 và phù hợp với thực tiễn sản xuất.

### **3. Các cơ quan liên quan**

Đề nghị các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT: Cục chăn nuôi, Viện chăn nuôi, các tổ chức nước ngoài tiếp tục quan tâm, hỗ trợ các chương trình, dự án về phát triển chăn nuôi. Hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao kỹ thuật nâng cao năng lực quản lý chuyên môn đối với cán bộ thành phố và cơ sở.

Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển chăn nuôi bò thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội. Chi Cục chăn nuôi và Thú y Hà Nội kính gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp báo cáo theo quy định./.

**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y HÀ NỘI**

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---



## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CHĂN NUÔI BÒ THỊT GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

**Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội**

### **1. Tổng quan, hiện trạng chăn nuôi bò thịt**

Cùng với sự phát triển của xã hội, trong những năm qua ngành chăn nuôi phát triển nhanh, đáp ứng cơ bản nhu cầu thực phẩm của xã hội và đóng vai trò quan trọng mang tính chiến lược trong sự phát triển nông nghiệp nước ta. Hiện nay, để phát huy vai trò chăn nuôi trong nền kinh tế thị trường nói chung thì việc ứng dụng công nghệ cao, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng và sản lượng ngành chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường hết sức quan trọng và cần thiết. Nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động và huy động các nguồn lực để phát triển chăn nuôi có hiệu quả và bền vững; bên cạnh việc ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất chăn nuôi thì công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm giúp cho đầu ra của sản phẩm ổn định; từng bước nâng cao giá trị sản xuất ngành chăn nuôi, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, tăng thu nhập cho người nông dân, xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

Hà Nội là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, của cả nước và cũng là trung tâm chăn nuôi bởi chăn nuôi gia súc, gia cầm luôn đứng trong top đầu cả nước. Hiện ngành chăn nuôi có những đóng góp to lớn vào tăng trưởng kinh tế trong ngành Nông nghiệp những năm qua, đã có những đóng góp tích cực trong vấn đề đảm bảo lương thực thực phẩm cho người dân thủ đô. Theo số liệu thống kê thời điểm tháng 4/2022, trên địa bàn thành phố có 76 xã chăn nuôi trọng điểm với 6.515 trang trại chăn nuôi quy mô lớn vừa và nhỏ; 190.608 hộ chăn nuôi, trong đó chăn nuôi đại gia súc đang có những chuyển biến tích cực. Theo số liệu ước tính 4 tháng đầu năm 2022: tổng đàn trâu bò là 169.586 con tăng 3,1% so với năm 2021. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước tính 3,7 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ.

Thực tế cho thấy cùng với việc phát triển chăn nuôi bò thịt, bò vỗ béo sẽ tăng trọng lượng nhanh nhờ chế độ ăn uống tốt, có sức đề kháng cao, ít bị bệnh; chất lượng thịt tốt nên được thương lái ưa chuộng, bán được giá cao... Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhiều chợ đầu mối, chợ truyền thống tạm ngưng hoạt động, nhà hàng, quán ăn đóng cửa, du lịch đình trệ... khiến nhu cầu tiêu thụ thịt giảm, chuỗi tiêu thụ thực phẩm bị đứt gãy. Do đó, giá thịt gia súc giảm mạnh, các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ nên số vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, một số hộ khó khăn về vốn không có điều kiện đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, nhất là chăn nuôi bò thịt tạo ra những chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn là cần thiết để hướng đến nền sản xuất hàng hóa quy mô mang lại giá trị tăng cao. Khi tham gia vào chuỗi liên kết, người nông dân được tiêu thụ sản phẩm với giá cả ổn định, an toàn, ít rủi ro; được doanh nghiệp đầu tư giống, vật tư nông nghiệp để yên tâm sản xuất. Đồng thời, doanh nghiệp cũng chủ động được nguồn cung sản phẩm, chất lượng được quản lý. Bên cạnh những lợi ích đó, việc phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị còn góp phần quan trọng trong việc giải bài toán về chất lượng nông sản, nâng cao được giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp một cách bền vững trước những biến động của thị trường.

Nhằm khai thác tối đa lợi thế địa phương, nâng cao giá trị chăn nuôi, thời gian qua Hà Nội tập trung phát triển chăn nuôi quy mô lớn, trong đó đẩy mạnh sản xuất con giống CLC thông qua việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, quản lý đàn gia súc giống gốc, hạt nhân nhập ngoại, sản xuất cung ứng tinh dịch lợn, tinh bò đông lạnh dạng cọng rạ, con giống và dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi. Trong những năm qua, Công ty đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT, Cục Chăn nuôi, UBND Thành phố Hà Nội tin tưởng giao thực hiện nhiều chương trình phát triển chăn nuôi như: Dự án bò thịt BBB, chương trình cung ứng tinh dịch

lợn... Chất lượng đàn bò sinh sản của Hà Nội đã có nhiều cải thiện và nâng cao tầm vóc.

## **2. Kết quả thực hiện**

**2.1.** Từ năm 2012 Công ty đã được UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao thực hiện dự án “Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền bò lai Sind thành đàn bò lai F1 hướng thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Với quy mô đến thời điểm hiện tại 50.000 con bò cái nền và trên 30.000 hộ tham gia. Trung bình mỗi năm có trên 50.000 bê lai F1 BBB hướng thịt được sinh ra. Khối lượng bê F1BBB sơ sinh từ 28 - 35 kg/con, bò F1BBB thời điểm 18 - 24 tháng tuổi con cái đạt 450 - 500 kg/con; con đực đạt 600 – 650kg. Đến thời điểm hiện tại dự án đã tạo ra trên 260.000 con bò F1 BBB. Đàn bê F1 BBB sinh ra khỏe mạnh, thích nghi với điều kiện, môi trường sống. Kết hợp được cả tốc độ phát triển, tăng trọng nhanh, chất lượng thịt tốt của con bố - bò siêu thịt BBB và sự thích nghi với môi trường sống của con bò mẹ - bò lai Sind tại Việt Nam. Trong điều kiện chăn nuôi bình thường, bê F1 BBB tăng trọng bình quân là 26- 30 kg/ tháng. Bê dễ nuôi, phàm ăn, lớn nhanh thích nghi tốt điều kiện khí hậu của Việt Nam. Khả năng tăng trọng trong các giai đoạn tuổi từ sơ sinh đến khi giết mổ đều đạt cao hơn các giống bò thịt lai khác đang nuôi tại Việt Nam từ 20 – 30%.

\* Hiệu quả sau đầu tư:

- Hiệu quả kinh tế:

+ Hiện nay, bê F1 BBB sau cai sữa (khoảng 04 tháng) đã được thu mua về nuôi gột vỗ béo với giá cao khoảng 20 - 25 triệu đồng/1 bê. Hiện tại có trên 260.000 con bò F1 BBB, (với giá bán từ 50 – 55 triệu đồng/con) thì hiệu quả thu về từ dự án cho người chăn nuôi là rất lớn, giá trị sản lượng do chăn nuôi bò F1 BBB sản xuất ra đạt khoảng 12.000 tỷ đồng, giá trị gia tăng đem lại cho bà con nông dân từ chăn nuôi bò F1 BBB so với chăn nuôi bò lai thịt khác khoảng 4.000 tỷ đồng.

+ Khi mổ thịt bò F1BBB tại thời điểm 18 – 24 tháng tuổi, chất lượng thịt rất thơm ngon, mềm và đạt tỷ lệ thịt rất cao khoảng 63% thịt xẻ và 53% thịt tinh. Do lượng thịt xẻ cao như vậy, nên lợi nhuận thu được từ bò F1 BBB cao hơn, kinh tế hơn các giống bò thịt khác, do vậy, người nông dân chăn nuôi bò thịt F1 BBB có lãi hơn và hiệu quả hơn rất nhiều so với chăn nuôi bò thịt khác, hơn nữa phương pháp, cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng lại đơn giản, không tốn nhiều công chăm sóc.

- Về mặt xã hội: hiện tại số bò F1 BBB sinh ra từ dự án đạt trên 260.000 con, đây là nguồn cung cấp về thực phẩm thịt bò chất lượng cao phục vụ nhân dân Thủ Đô và là cơ sở để thay đổi tư duy trong chăn nuôi bò thịt, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của nông dân góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng nông thôn mới tại các huyện ngoại thành Hà Nội. Và theo số liệu thống kê quy mô chăn nuôi nông hộ 1,65 con/ hộ, thì với 260.000 con bò F1 do dự án lai tạo ra đã giải quyết việc làm cho khoảng hơn 150 nghìn hộ nông dân, điều này đã mang lại hiệu quả to lớn về mặt xã hội, đặc biệt là đối với việc làm cho lao động tại nông thôn, góp phần cải thiện đời sống, giải quyết việc làm, đem lại thu nhập của người nông dân, đồng thời cũng giảm bớt áp lực cho xã hội khi lao động nông thôn phải di chuyển tập trung về nội thành tìm việc làm.

## **2.2. Đánh giá kết quả thực hiện**

Hà Nội là địa chỉ được nhiều địa phương đến tham quan, học tập, tiếp thu công nghệ chăn nuôi và mua giống bò chất lượng cao. Tuy nhiên, đến nay số bê sinh ra chủ yếu vẫn tiêu thụ qua khâu trung gian, vì vậy đầu ra không ổn định, giá cả bấp bênh. Mặt khác, ngành chăn nuôi của Hà Nội mới chỉ đáp ứng được hơn 20% lượng thịt bò tiêu thụ cho người dân Thủ đô. Tình trạng chăn nuôi, giết mổ bò vẫn nhỏ lẻ, gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm.

Với vai trò là cầu nối trong mối liên kết giữa các đơn vị tiêu thụ sản phẩm với cơ sở sản xuất, hộ nông dân để phát huy thế mạnh của mỗi bên nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, tăng tính cạnh tranh, thương hiệu, uy tín thị trường. Năm 2022, cùng với việc triển khai mô hình Khuyến nông trung ương thuộc Dự

án “Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm” trên địa bàn thành phố Hà Nội, Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội đang triển khai thực hiện chuỗi liên kết tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên lĩnh vực chăn nuôi bò thịt tại 5 huyện của Thành phố Hà Nội (Ba Vì, Gia Lâm, Sóc Sơn, Phúc Thọ, Chương Mỹ). Kết quả triển khai bước đầu cho thấy dự án đã đem lại hiệu quả rõ rệt đối với kinh tế xã hội và môi trường.

*Đối với người chăn nuôi trong vùng*

- Người chăn nuôi biết cách lựa chọn đối tượng bò cần vỗ béo, áp dụng quy trình vỗ béo, thực hiện vỗ béo bò tạo ra đàn bò có chất lượng tốt, tăng giá bán, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Các hộ tham gia mô hình được tiếp cận các quy trình kỹ thuật vỗ béo đàn bò, được tiếp cận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trị bệnh, quy trình chăn nuôi bò vỗ béo an toàn sinh học, nâng cao nhận thức về môi trường, giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

- Các hộ ngoài mô hình được tham quan tiếp cận mô hình, học tập từ mô hình về kỹ thuật chăn nuôi các giống bò, đặc biệt được tham quan về cách xây dựng, bố trí chuồng trại, cách chọn bò vỗ béo, quản lý thức ăn nước uống, công tác thú y, ghi chép lưu trữ hồ sơ, giúp chăn nuôi phát triển ổn định và bền vững.

*Đối với chính quyền địa phương:*

- Với vai trò phối hợp, giám sát sẽ làm tốt hơn nhiệm vụ quản lý Nhà nước. Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ và nguồn tài trợ từ bên ngoài để nâng cao đời sống kinh tế, xã hội của người dân tại địa phương, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và góp phần vào sự thành công của chương trình tái cơ cấu ngành chăn nuôi và xây dựng nông thôn mới.

- Dự án thành công cũng là bước khởi đầu cho việc nhân rộng mô hình tại địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, tăng trưởng kinh tế nông nghiệp tại địa phương.

*Đối với Công ty:*

- Kết quả của dự án là cơ sở quan trọng để Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội và Trung tâm khuyến nông các tỉnh, tổng kết, tham mưu, đề xuất với Ngành nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh có chính sách, biện pháp phù hợp để quản lý và phát triển chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi ngày càng hiệu quả, phát triển bền vững.

- Hình thành chuỗi tuần hoàn cung ứng sản phẩm thịt bò chất lượng được kiểm soát làm nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến và thị trường.

- Thông qua việc triển khai dự án sẽ tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng triển khai dự án, phương pháp tiếp cận cho cán bộ tham gia dự án nói riêng và toàn thể cán bộ của Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội, từ đó giúp nâng cao công tác triển khai, quản lý có hiệu quả các dự án khuyến nông.

- Dự án triển khai giúp củng cố vững chắc sự liên kết hệ thống từ Khuyến nông Trung ương tới cơ sở, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật tới người sản xuất đạt hiệu quả nhất, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thực tiễn sản xuất tại địa phương.

*Đối với môi trường:*

- Thông qua việc triển khai dự án người chăn nuôi sẽ tận dụng được nguồn phụ phẩm trong nông nghiệp làm nguồn thức ăn cho bò từ đó góp phần thay đổi hành vi, tập quán đốt rơm rạ ảnh hưởng tới môi trường đồng thời tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Việc sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi ngoài việc tiết kiệm được một lượng lớn nước và công lao động vì không phải rửa chuồng và tắm bò còn hạn chế được một lượng lớn nước thải chăn nuôi ra môi trường và làm giảm mùi hôi của chuồng trại, giảm thiểu ô nhiễm và lây lan mầm bệnh, nhất là những cơ sở chăn nuôi nằm trong khu đông dân cư. Đặc biệt còn tạo ra nguồn phân bón hữu cơ đảm bảo vệ sinh môi trường cung cấp cho cây trồng.

Phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản gắn với tiêu thụ sản phẩm để ngành chăn nuôi bò thịt phát triển hiệu quả và bền vững, theo hướng tăng năng suất, chất lượng, giá trị và hiệu quả cao, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi và khai thác, phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, lợi thế của các địa

phương. Công ty đã xây dựng chuỗi liên kết HTX/tổ hợp gắn với tiêu thụ thịt bò an toàn vệ sinh thực phẩm, ổn định, bền vững thông qua việc thỏa thuận ký kết hợp đồng giữa doanh nghiệp với người chăn nuôi, đồng thời nâng cao nhận thức, năng lực lợi ích của hộ nông dân và doanh nghiệp trong chăn nuôi bò thịt và phát triển chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm bò thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Sản phẩm liên kết giữa Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội với hộ mô hình là bò thịt chăn nuôi theo quy trình do Công ty giám sát. Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội ký hợp đồng tiêu thụ ổn định, lâu dài cho hộ mô hình. Đơn vị liên kết trong dự án là Công ty cổ phần Đông Thành có cơ sở giết mổ gia súc nằm trong Quy hoạch các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm của thành phố Hà Nội và đã được cấp phép xây dựng hợp pháp, đã ký hợp đồng tiêu thụ toàn bò thịt do Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội mua được từ hộ mô hình chăn nuôi trong dự án.

Xác định việc xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông sản xuất khép kín theo chuỗi giá trị là hướng đi chủ chốt. Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội phối hợp với Trung tâm khuyến nông các tỉnh xây dựng các mô hình điểm, đã và đang mang lại lợi ích thiết thực cho các hộ, nhóm hộ sản xuất. Các mô hình khuyến nông không chỉ dừng lại là mô hình chuyên giao tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm mà còn định hướng chuyên dịch theo hướng gắn với việc tư vấn tổ chức lại sản xuất, liên kết thành lập tổ hợp tác sản xuất, hợp tác xã ngành hàng (HTX) nhằm tiêu thụ sản phẩm ổn định và phát triển sản xuất bền vững vì vậy, hiệu quả từ các mô hình khuyến nông đã được khẳng định rõ nét hơn.

### **3. Đề xuất, kiến nghị**

*Cùng với sự thành công bước đầu của dự án, Công ty cũng mạnh dạn đưa ra một số giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.*

- Về thông tin, tuyên truyền: tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh trong từng khâu của chuỗi giá trị.

- Về khoa học công nghệ: Triển khai đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách, nhất là chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ mới cho nông dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, ưu tiên sử dụng công nghệ cao vào sản xuất, nhằm tăng năng suất, giảm thiểu chi phí đầu vào, chi phí trung gian để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, ngành hàng nông sản trên thị trường.

- Về thị trường tiêu thụ: Tăng cường thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường; tổ chức có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại và kết nối thị trường, chú trọng vai trò tham gia của doanh nghiệp; hỗ trợ tổ chức tốt khâu vận chuyển, lưu thông hàng hóa và hệ thống kênh phân phối.

- Về cơ chế, chính sách: Vận động, khuyến khích và tổ chức cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức liên quan tham gia chuỗi liên kết; hướng dẫn, hỗ trợ nông dân, các tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất hình thành các Hợp tác xã kiểu mới để thực hiện nhiệm vụ cầu nối trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, chú trọng công tác đào tạo nghề cho nông dân; tập huấn kiến thức, kỹ năng tổ chức và quản trị sản xuất kết hợp tổ chức tham quan những mô hình sản xuất tiên tiến, có hiệu quả thiết thực, giúp nông dân mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, hiệu quả trên diện tích đất canh tác.

Có thể nói xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi an toàn đang được xem là con đường ngắn nhất thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi, tạo chuỗi giá trị bền vững, ổn định kinh tế cho người chăn nuôi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**



## **CHĂN NUÔI BÒ THỊT TUẦN HOÀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T&T159**

**Công ty cổ phần T&T 159**

Công ty cổ phần T&T 159 là doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp thành lập từ năm 2012. Sau 9 năm đầu tư và phát triển, doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp khoa học công nghệ trong lĩnh vực xử lý môi trường chăn nuôi bằng đệm lót sinh học, tái tạo nguồn chất thải để sản xuất phân hữu cơ.

Thực tế, qua hoạt động của doanh nghiệp chủ yếu trên địa bàn Phú Thọ, Hoà Bình, Nghệ An và Hà Nội... thấy sự phát triển của chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc theo cơ chế tự nhiên để lại ô nhiễm đến môi trường, sức khỏe và đời sống của con người.

Khắc phục thực tế nói trên và để chăn nuôi phát triển bền vững đáp ứng được những yêu cầu cấp thiết của cuộc sống, thì công tác xử lý môi trường trong chăn nuôi phải được thực hiện tốt và triệt để, căn cơ để hạn chế các yếu tố tiêu cực tác động đến môi trường, làm biến đổi khí hậu, tạo ra vi lượng dư thừa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học...

Thực trạng chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc, gồm: chất thải chăn nuôi gồm phân và nước tiểu của vật nuôi là đại gia súc, cùng với thủy hải sản và gia cầm thải ra môi trường tự nhiên không xử lý gây ô nhiễm nghiêm trọng và gia tăng theo quy mô. Phế phụ phẩm sau giết mổ chế biến không có nơi tập kết, xử lý dẫn đến bị phân tán mùi, vật chất bị phân huỷ không có nơi xử lý dẫn đến nguy cơ phát triển các sinh vật không có ích như ruồi muỗi chuột bọ.

Thiên nhiên xung đột với các nguồn thải trên dẫn đến hiệu ứng nhà kính làm gia tăng nhiệt độ môi trường, dịch bệnh kết hợp dư lượng các chất tăng trưởng, kích thích trong sản phẩm tiêu dùng gây ra tình trạng phát triển không tuân theo quy luật tự nhiên, ảnh hưởng đến thể trạng, thể chất của con người. Hiện tượng mất cân đối nguồn tài nguyên là nguy cơ cho mọi lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và trở nên nghiêm trọng trong tương lai gần.

Để cân bằng lại các yếu tố vào ra cho quá trình phát triển trong chăn nuôi, các giải pháp lý thuyết, bao gồm: Sử dụng hầm Biogas, sử dụng men vi sinh, chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học, ủ phân hoặc một số biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi khác nhằm mục tiêu phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái và tối ưu hoá giá trị tái chế sẽ là bài toán sống còn của nhiều quốc gia trên thế giới đang phải triển khai và áp dụng;

Với nhận thức trên, doanh nghiệp đã xây dựng bài toán cân đối các nguồn phế thải của các giai đoạn để tạo ra nguồn nguyên liệu đầu vào cho từng công đoạn khép kín Trồng trọt – Chăn nuôi – Xử lý môi trường – Tạo sản phẩm hữu ích cho xã hội mang tính tuần hoàn. Sử dụng triệt để chất thải trong quá trình tạo ra sản phẩm làm nguồn nguyên liệu đầu vào của sản phẩm tiếp theo, không bỏ đi bất cứ gì trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất khép kín, vừa tiết kiệm chi phí sản xuất, thúc đẩy quá trình bảo vệ môi trường.

Nền kinh tế tuần hoàn và cao hơn là hệ sinh thái là giải pháp tối ưu cho mối quan hệ giữa tăng trưởng và môi trường. Bài học rút ra từ thực tiễn: Thay thế cho tư duy nhận nguồn tài nguyên - làm ra sản phẩm - tiêu thụ sản phẩm với vứt bỏ chất thải để tiến đến mục tiêu loại bỏ chất thải và ô nhiễm nhằm giữ sản phẩm và nguyên liệu theo chu kỳ sử dụng để tái tạo hệ thống tự nhiên.

Thực tế vận hành mô hình chăn nuôi tuần hoàn tại doanh nghiệp đã triển khai tập trung thu gom trên các địa bàn (Thạch Thất, Hà Nội, Vĩnh phúc, Thái Bình, Nghệ An...) chất thải rơm rạ, thân cây, vỏ đỗ, lõi ngô, bã mía, bã bia, bã sắn, bã bia, mùn nấm... do sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt và lĩnh vực chế biến nông lâm sản... để tạo ra sản phẩm thức ăn chăn nuôi cho đàn bò thịt và đệm lót sinh học cho quá trình nuôi lớn đàn bò thịt, giải quyết bài toán chất thải của đàn bò thịt gây ô nhiễm bởi quá trình xử lý thu gom chất thải (phân và nước tiểu) bằng đệm sinh học làm nền trong chuồng trại.

Sản phẩm giải quyết được mục tiêu đệm lót chứa chế phẩm vi sinh xử lý mùi, côn trùng gây hại và các nhóm vi khuẩn hoặc các nhóm vi sinh xấu gây bệnh (lở mồm, long móng, ghẻ...) với mục tiêu xử lý phế thải trong chăn nuôi, triệt tiêu

mùi và làm nền kháng sinh cho phòng chống bệnh dịch, và diệt trừ trứng ruồi muỗi và (con) vật bay khác làm vật nuôi phải chống đỡ; Đồng thời xử lý triệt để các tác nhân gây ô nhiễm môi trường trong cả quá trình tổ chức sản xuất và kinh doanh, góp phần quan trọng cân bằng hệ sinh thái tự nhiên cho vật nuôi và cho chính người lao động và cộng đồng... Chất thải của thời gian nuôi đàn bò thịt qua xử lý được chuyển làm nguyên liệu đầu vào cho chu kỳ sản xuất mới là sản xuất phân bón hữu cơ sau quá trình ủ - đảo - trộn - nghiền - sàng và cuối cùng đóng bao sản phẩm.

Trong 6 năm (từ 2016) áp dụng quy trình chăn nuôi bò thịt tuần hoàn với quy mô chăn nuôi tập trung từ 20.000 đến 28.000 (lượt) con, hàng năm mỗi khu trang trại, khu liên hợp sản xuất đã thu gom, xử lý để sử dụng 200.000 tấn phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, 150.000 tấn phế phụ phẩm khác làm đệm lót sinh học và làm nguyên liệu đầu vào sản xuất khoảng 60.000 tấn phân bón hữu cơ. Kết quả thực hiện trong giai đoạn 2016 đến nay:

- 1) 2016: Thu gom và xử lý 43.500 tấn phế phụ phẩm, trị giá 44 tỉ đồng;
- 2) 2017: Thu gom và xử lý 32.000 tấn phế phụ phẩm, trị giá 30 tỉ đồng;
- 3) 2018: Thu gom và xử lý 37.500 tấn phế phụ phẩm, trị giá 32 tỉ đồng;
- 4) 2019: Thu gom và xử lý 96.500 tấn phế phụ phẩm, trị giá 120 tỉ đồng;
- 5) 2020: Thu gom và xử lý 123.000 tấn phế phụ phẩm, trị giá 137 tỉ đồng;

Mức độ tăng trưởng so cùng kỳ năm trước đạt 120% (năm 2018), đạt 256% (năm 2019), đạt 115% (năm 2020). Dự kiến năm 2021, 2022 đạt gấp 3 lần (270%) so với các năm trước.

Giải pháp cho chăn nuôi bò thịt tuần hoàn, trước hết là việc đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao, có hiểu biết về khoa học, công nghệ và mạnh dạn chấp nhận đầu tư nghiên cứu khoa học, chấp nhận thất bại để áp dụng các mô hình quản lý đảm bảo chất lượng như: ISO 14001:2015, ISO 9001:2015, ISO 22000:2008, ISO 45001:2018 xây dựng thành công 02 doanh nghiệp Khoa học công nghệ trong hệ thống tại Hoà Bình và Hà Nội với công nghệ vi sinh làm nền

tăng tạo ra một bước đột phá trong xử lý môi trường bằng các chế phẩm được nghiên cứu mang tính chuyên sâu theo thực trạng chăn nuôi đàn bò thịt.

Chia sẻ lợi ích cho các thành phần và đối tượng liên quan được quan tâm đến mức tốt nhất có thể, do đó họ dễ nhận diện được quyền lợi và trách nhiệm của mình trong quá trình tham gia chuỗi giá trị sản phẩm của chăn nuôi tuần hoàn do đem lại sản phẩm có thương hiệu và được xã hội thừa nhận về chất lượng trong quá trình lưu thông.

Trong năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025 nhằm hình thành nên ngành công nghiệp môi trường, có thể đáp ứng được các nội dung của kinh tế tuần hoàn. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được Chính phủ giao là đầu mối để quản lý, thống nhất về chất thải rắn trong cả nước tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 của Chính phủ.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay là các doanh nghiệp còn hạn chế về năng lực công nghệ tái chế, tái sử dụng, người dân và doanh nghiệp còn thói quen cố hữu trong sản xuất và tiêu dùng đối với sản phẩm gây ô nhiễm môi trường. Để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, hình thành hành lang pháp lý minh bạch, ổn định, môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, thuận lợi đối với kinh tế tuần hoàn; doanh nghiệp là động lực quan trọng, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và người dân tham gia thực hiện.

Để hỗ trợ phát triển được nền kinh tế tuần hoàn nói chung và chăn nuôi đàn bò thịt tuần hoàn nói riêng, các thiết chế cứng nhắc, lỗi thời cần được Nhà nước quan tâm chỉ rõ ai làm? Làm cái gì? Và đổi mới sáng tạo như thế nào. Đó là tiếp cận theo nhóm ngành, sản phẩm, nguyên liệu vật liệu và tiếp cận các quy mô kinh tế, thành lập các không gian địa lý. Bên cạnh đó đề ra lộ trình tiếp thu thực hiện các nội dung khác của kinh tế tuần hoàn như khuyến khích năng lượng tái tạo, quay vòng tuần hoàn trả lại hữu cơ cho đất, chống đốt rom rạ, đốt nương rẫy, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, hoàn thiện và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Doanh nghiệp đề nghị cần đưa chủ trương thúc đẩy kinh tế tuần hoàn vào Nghị quyết của Đảng và đề nghị Quốc hội ban hành luật thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, có chính sách khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong cộng đồng dân cư và doanh nghiệp; xác định rõ ràng trong việc thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn thì doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm làm hạt nhân nòng cốt.

Kinh tế tuần hoàn thông qua xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch và phụ phẩm quá trình chế biến nông lâm sản, cụ thể là chăn nuôi bò thịt với mục tiêu xử lý môi trường chăn nuôi bằng công nghệ vi sinh với các chế phẩm sinh học kết hợp với các chính sách hỗ trợ sẽ đảm bảo được quan hệ hài hoà giữa mục tiêu tăng trưởng của nền kinh tế với mục tiêu môi trường bền vững, tạo được sự cân bằng sinh thái.

Hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ, với cơ chế chính sách phù hợp của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp nông nghiệp trong các địa phương sẽ có được nhiều thuận lợi để phát triển nhanh và đúng hướng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN T&T 159**

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TẠI VĨNH PHÚC

### Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc

#### 1. Thực trạng chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội có tổng diện tích đất tự nhiên 1.235,87 km<sup>2</sup> (bằng 0,37% cả nước), với dân số 1,175 triệu người (bằng 1,2% cả nước); gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 07 huyện); 136 đơn vị hành chính cấp xã (105 xã, 15 phường, 16 thị trấn). Vĩnh Phúc nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm; nhiệt độ trung bình hàng năm 23,2°C; có đất đai, nguồn nhân lực dồi dào, có tiềm năng để phát triển nông nghiệp, nhất là phát triển chăn nuôi.

Trong những năm qua, chăn nuôi của tỉnh đã khẳng định được vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, là ngành có tốc độ tăng trưởng cao; chăn nuôi lợn, bò sữa và gia cầm đã trở thành thế mạnh của tỉnh, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Giai đoạn 2011-2020 giá trị sản xuất chăn nuôi (giá so sánh 2010) tăng bình quân 3,72 %/năm: Năm 2011 đạt 3.825,3 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 5.337,7 tỷ đồng, chiếm 55,7% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

Tính đến tháng 6/2022, số lượng đàn vật nuôi cụ thể như sau: tổng đàn trâu đạt 18,2 nghìn con; đàn bò đạt 104,15 nghìn con; đàn lợn đạt 458 nghìn con; đàn gia cầm đạt 11,9 triệu con.

Chăn nuôi đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn như: Chăn nuôi bò sữa tại các xã thuộc huyện Vĩnh Tường, Lập Thạch, Tam Đảo; chăn nuôi lợn tại các xã thuộc huyện Lập Thạch, Yên Lạc; chăn nuôi gia cầm chuyên trứng, chuyên thịt tại các xã thuộc huyện Tam Dương, Tam Đảo. Phương thức chăn nuôi công nghiệp, tiên tiến, hiện đại ngày càng phát triển mạnh, đạt tới trình độ cao của sản xuất chăn nuôi. Các trang trại quy mô lớn đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, hạ giá thành để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường như: Các giống vật nuôi cao sản; công nghệ nuôi chuồng kín; sử dụng thức ăn công nghiệp; hệ thống máng ăn, uống tự động, ...

Bên cạnh đó, Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển ngành chăn nuôi một cách bền vững, cụ thể: Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 03/3/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với chuyển đổi lao động nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 14/12/2020 về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số: 32/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 quy định thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 đã tạo hành lang pháp lý và cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh.

Chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có tiềm năng phát triển rất lớn do nhu cầu tiêu thụ thịt của người dân còn tăng cao, điều kiện tự nhiên, phong tục, tập quán, lao động có nhiều thuận lợi để ngành chăn nuôi bò thịt phát triển. Thực trạng chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cụ thể như sau:

*Số lượng, sản phẩm, quy mô chăn nuôi:*

Tổng số đàn bò thịt của tỉnh (tính đến tháng 10/2021) có 87.879 con; giai đoạn 2011-2020, đàn bò thịt giảm từ 120.060 con xuống 104.129 con, tốc độ giảm 1,57%/năm. Sản lượng thịt bò hơi tăng từ 5.475 tấn năm 2011 lên 5.624,3 tấn năm 2020, tăng bình quân 0,3%/năm.

Quy mô chăn nuôi bò thịt vẫn chủ yếu là nhỏ lẻ, phân tán, hộ gia đình chiếm chủ yếu. Toàn tỉnh có 41.178 hộ chăn nuôi bò thịt, phân loại quy mô chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi: Chăn nuôi nông hộ có 41.124 hộ (chiếm 99,87%); chăn nuôi trang trại với 54 cơ sở (chiếm 0,13%), chiếm 1,95% tổng số lượng đàn bò thịt của tỉnh.

*Cơ cấu giống, phương thức chăn nuôi, vùng chăn nuôi:* trên 97% đàn bò thịt của tỉnh là bò lai từ ¾ - 7/8 máu ngoại các giống Brahman, Droughtmaster, Red Agus, BBB, ... đây là các giống bò thịt cao sản đã được đưa vào lai tạo thông qua kỹ thuật thụ tinh nhân tạo. Giai đoạn 2011-2020, toàn tỉnh đã hỗ trợ hơn 140 nghìn liều tinh bò thịt cao sản các giống trên để đưa vào lai tạo, cải tạo tầm vóc đàn bò thịt của tỉnh.



Chăn nuôi bò thịt (bình quân 2 con/hộ) nuôi nhốt tại chuồng ở vùng đồng bằng; một số xã ven đê hoặc vùng núi nuôi nhốt kết hợp thả tận dụng; thức ăn cho bò là tận dụng thức ăn thô xanh, sản phẩm phụ trong nông nghiệp, sử dụng cám gạo, bột ngô làm thức ăn tinh bổ sung.

Bước đầu hình thành các nhóm hộ chăn nuôi bò thịt tại một số xã như Cao Phong, Đồng Thịnh (huyện Sông Lô), Liên Châu, Hồng Châu (huyện Yên Lạc); số lượng bò thịt tập trung nhiều ở các huyện Vĩnh Tường, Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương chiếm khoảng 75% tổng đàn bò thịt.

*Nguồn cung cấp thức ăn:*

Thức ăn thô xanh: cỏ voi, cây ngô sinh khối là nguồn thức ăn thô xanh chủ yếu. Ngoài ra, một số hộ chăn nuôi trồng một số giống cỏ chất lượng cao như: cỏ hỗn hợp Úc, cỏ Mulato II,... tổng diện tích đất trồng cỏ khoảng 4300ha/năm.

Thức ăn tinh: chủ yếu là thức ăn hỗn hợp dạng viên được sản xuất từ các nhà máy sản xuất thức ăn, một số hộ sử dụng hỗn hợp thức ăn tự chế biến.

Chế biến thức ăn: Áp dụng kỹ thuật ủ chua thức ăn thô xanh để ủ chua các loại cỏ, thân lá cây ngô và ủ rom với ure.

*Công tác phòng chống dịch bệnh:* hàng năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin LMLM, tụ huyết trùng và hóa chất khử trùng để tổ chức tiêm phòng cho đàn bò và vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại cho các hộ chăn nuôi bò trên địa bàn tỉnh.

*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:* Một số tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng trong nuôi bò thịt như: Lai tạo các giống bò thịt có năng suất, chất lượng cao bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo chiếm 50-60% trong phối giống bò thịt.

*Tình hình tiêu thụ sản phẩm:* Sản lượng thịt bò dao động từ 5600 – 5800 tấn/năm. Thị trường tiêu thụ trong tỉnh và một số tỉnh lân cận; người chăn nuôi bán sản phẩm sản xuất ra chủ yếu thông qua trung gian là các thương lái tự do nên bị ép giá; việc liên kết theo chuỗi còn hạn chế.

## **2. Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm**

*Giống:*

- Xác định giống là giải pháp quan trọng nhất trong phát triển chăn nuôi và phải gắn liền với công nghệ, điều kiện đầu tư và quy trình chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp.

- Thúc đẩy nhanh chương trình cải tạo giống bò nền hiện nay để tăng số lượng đàn bò cái lai nhất là ở các huyện Lập Thạch, Sông Lô trên cơ sở đẩy mạnh áp dụng thụ tinh nhân tạo bằng các giống RedSind, Brahman. Ở các vùng đã có đàn cái lai tốt (từ 7/8 máu bò ngoại trở lên), số lượng nhiều thực hiện phối giống thụ tinh nhân tạo bằng tinh bò đực chuyên thịt: Droughmaster, BBB, Red Angus.

- Tiếp tục mở rộng và từng bước hoàn thiện hệ thống thụ tinh nhân tạo bò trên phạm vi toàn tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ đàn bò đực sử dụng phối giống trực tiếp cho bò tại các vùng sâu, vùng xa chưa áp dụng được tiến bộ thụ tinh nhân tạo; tổ chức tốt công tác bình tuyển, đánh giá chất lượng, phẩm cấp giống bò đực giống hàng năm.

#### *Thức ăn:*

- Chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi (trồng cỏ thâm canh, trồng ngô sinh khối).

- Thức ăn thô xanh cho trâu, bò: Với tổng đàn trâu, bò hiện có khoảng 122 nghìn con, nhu cầu thức ăn thô xanh dự kiến khoảng 1,2 triệu tấn/năm. Bình quân, mỗi ha cỏ trồng thâm canh năng suất 250 tấn/ha/năm. Như vậy với tình trạng đất chăn thả tự nhiên ngày càng bị thu hẹp, cần chuyển đổi đất trồng màu kém hiệu quả, đất bãi sang trồng cỏ cho gia súc. Bên cạnh đó tỉnh cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thô hỗn hợp từ các nguồn phụ phẩm nông nghiệp. Chế biến, bảo quản các loại phụ phẩm nông, công nghiệp cho trâu bò, đảm bảo đủ nguồn thức ăn dự trữ vào mùa đông, mùa khô.

*Quản lý dịch bệnh:* tăng cường công tác giám sát dịch bệnh nhằm phát hiện nhanh, xử lý kịp thời, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng. tập trung hướng dẫn các cơ sở xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường xảy ra trên bò (LMLM, THT, Viêm da nổi cục,..)

#### *Quy trình công nghệ:*

- Đối với chăn nuôi trang trại, công nghiệp: Hướng dẫn các trang trại ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ cao; quy trình chăn nuôi an toàn sinh

học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAP). Xây dựng và chuyển giao các mô hình chăn nuôi tiên tiến, phù hợp với từng vùng sinh thái (đồng bằng, trung du, miền núi) đối với từng đối tượng vật nuôi.

*Đào tạo nguồn nhân lực:*

- Đào tạo kỹ năng quản lý trang trại cho các chủ trang trại, theo từng đối tượng nuôi.

- Đào tạo nâng cao cho cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật theo từng loại vật nuôi. Các chương trình đào tạo thông qua đào tạo nghề, lồng ghép các chương trình đào tạo đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý ngành chăn nuôi, nhất là cấp huyện, xã về kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, các quy định của pháp luật về chăn nuôi (quản lý giống, điều kiện cơ sở chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi ...).

*Tuyên truyền, tập huấn:*

- Hàng năm tập huấn kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, người chăn nuôi

- In, phát hành các hướng dẫn về chính sách, kỹ thuật chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phổ biến quy định pháp luật về giống vật nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, quy trình VietGAP.

- Hỗ trợ tư vấn pháp luật trong sản xuất, kinh doanh chăn nuôi.

*Thông tin thị trường, chế biến, tiêu thụ sản phẩm:*

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin: giá vật tư chủ yếu đầu vào cho chăn nuôi, sản phẩm đầu ra, tình hình dịch bệnh, thị trường tiêu thụ sản phẩm... Từ đó dự báo về giá cả vật tư, sản phẩm, dịch bệnh. Các thông tin về nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

- Lập Website các thông tin về chăn nuôi: giống các loại vật nuôi, nguồn cấp, chất lượng, giá vật tư, sản phẩm, tình hình dịch bệnh, thị trường tiêu thụ và hệ thống cung cấp thông tin cho cấp quản lý chăn nuôi, các tổ chức, trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường cập nhật và quảng bá thông tin về tình hình chăn nuôi và thị trường các sản phẩm chăn nuôi trong nước và quốc tế. Gắn kết khuyến nông với thị trường, nhằm định hướng phát triển chăn nuôi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng.
- Ưu tiên các tổ chức, cá nhân được hưởng các chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ và chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm tập trung.
- Xây dựng các chuỗi ngành thịt an toàn, có sự kiểm soát từ trang trại đến bàn ăn; hình thành mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời, giá cả phù hợp.
- Tổ chức các hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

## **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH VĨNH PHÚC**

## **KẾT QUẢ TRIỂN KHAI DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH VỠ BÉO BÒ THỊT VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG BẰNG CHẾ PHẨM SINH HỌC”**

**Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hòa Bình**

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Ngành Chăn nuôi tại Việt Nam hiện nay có xu hướng chuyển dịch từ quy mô nông hộ sang chăn nuôi tập trung và thâm canh với quy mô lớn. Đặc biệt, chăn nuôi đại gia súc nói chung và chăn nuôi bò nói riêng đang phát triển mạnh mẽ. Trong chăn nuôi trâu bò nếu không áp dụng kỹ thuật vỗ béo trước khi xuất bán thịt thì năng suất và chất lượng sản phẩm không cao, không phát huy được hết tiềm năng di truyền và hiệu quả kinh tế. Việc áp dụng kỹ thuật vỗ béo trong chăn nuôi trâu bò cho thấy rõ hiệu quả về năng suất và chất lượng thịt, thông qua áp dụng kỹ thuật vỗ béo làm tăng hiệu quả kinh tế của người chăn nuôi trên 15% so với chăn nuôi truyền thống. Đây là biện pháp hướng nông dân đến chăn nuôi thâm canh theo hướng sản xuất hàng hoá, công nghệ chuyên giao đơn giản, dễ thực hiện. Thức ăn chủ yếu là thô xanh, thời gian vỗ béo ngắn, lượng thức ăn tinh sử dụng không nhiều, chủ yếu là nguyên liệu tại chỗ và tận dụng một phần các sản phẩm phụ của ngành nông nghiệp và công nghiệp, do đó không ảnh hưởng đến an ninh lương thực, giá sản phẩm đầu ra ít bị tác động. Thời gian vỗ béo ngắn, quay vòng vốn nhanh, lãi ròng cao hoàn toàn phù hợp cho việc nhân rộng ra đại trà.

Cùng với xu hướng đó, ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi tại các vùng nông thôn ngày càng trở nên nghiêm trọng. Nguyên nhân chính được xác định gây ô nhiễm môi trường trong ngành chăn nuôi là do các trang trại sử dụng nhiều nước. Tuy nhiên, công tác quản lý môi trường chưa đáp ứng được với nhu cầu của thực tế sản xuất. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi theo QCVN 40:2011/BTNMT trước kia và QCVN 62-MT:2016/BTNMT hiện nay đều quá cao so với khả năng thực tế ứng dụng công nghệ xử lý môi trường hiện tại, dẫn đến hầu hết các trang trại đều không thể đáp ứng yêu cầu đặt ra do

chưa có công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi hiệu quả để theo kịp các quy định về xả thải môi trường. Mỗi năm có đến 84,5 triệu tấn chất thải rắn trong chăn nuôi thải ra môi trường, nếu không xử lý theo hướng lâu dài và bền vững thì ngành chăn nuôi công nghiệp sẽ gặp rất nhiều hạn chế để phát triển. Nhằm bước đầu đưa ra phương hướng giải quyết vấn đề cấp bách này, được sự hỗ trợ về kinh phí của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. Công ty Cổ phần T&T 159; Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hoà Bình triển khai thực hiện dự án “Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học” giai đoạn 2020 – 2022 tại các tỉnh Hoà Bình, Vĩnh Phúc, Nam Định và Thành phố Hà Nội. Nhằm giúp bà con nông dân thực hiện tốt công đoạn vỗ béo gia súc lớn, xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi đại gia súc, nhằm nâng cao năng suất, thu nhập cho người dân.

## **II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng được mô hình vỗ béo bò thịt kết hợp xử lý chất thải chăn nuôi để nâng cao năng suất, giá trị gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao kiến thức cho người chăn nuôi về chăn nuôi và xử lý môi trường

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng 12 mô hình vỗ béo bò thịt kết hợp xử lý chất thải chăn nuôi với quy mô 620 con, khả năng tăng khối lượng cơ thể: Bò loại thải  $\geq 750$  g/con/ngày; bò nuôi thịt  $\geq 850$  g/con/ngày.
- Sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải để sản xuất phân hữu cơ.
- Xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm.
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định.
- Nhân rộng mô hình tối thiểu 15%.

## **III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI**

### **3.1. Nội dung dự án**

#### **3.1.1. Xây dựng mô hình trình diễn**

- Giống bò vỗ béo : Là các giống bò nội, bò lai, bò nhập khẩu không sử dụng để sinh sản, không sử dụng để khai thác sữa, cày kéo ở các lứa tuổi khác nhau. Cần vỗ béo 3 tháng trước khi xuất chuồng tùy thuộc vào độ béo ban đầu của bò và nguồn thức ăn.

- Năm 2020: Thực hiện triển khai tại Hoà Bình, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nam Định với 04 mô hình, 08 điểm trình diễn, quy mô 620 con, 60 hộ tham gia.

- Năm 2021: Thực hiện triển khai tại Hoà Bình, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nam Định với 04 mô hình, 08 điểm trình diễn, quy mô 620 con, 60 hộ tham gia.

- Năm 2022: Thực hiện triển khai tại Hoà Bình, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nam Định với 04 mô hình, 08 điểm trình diễn, quy mô 620 con, 60 hộ tham gia.

- Trong 3 năm dự án tiến hành sản xuất phân hữu cơ phục vụ cho các mô hình cây ăn quả và rau màu vi sinh từ chất thải và đệm lót trong quá trình chăn nuôi bò vỗ béo.

- Trong 3 năm Xây dựng được 03 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Dự án sản xuất phân hữu cơ phục vụ cho các mô hình cây ăn quả và rau màu vi sinh từ chất thải và đệm lót trong quá trình chăn nuôi bò vỗ béo.

- Xây dựng được 1-2 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

### ***3.1.2. Đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, quản lý dự án.***

- Tổ chức 48 lớp tập huấn mô hình cho 360 lượt hộ tham gia MH trong 3 năm; 01 ngày/lớp, 02 lần/điểm trình diễn.

- Tổ chức 24 lớp tập huấn ngoài mô hình cho 480 hộ ngoài mô hình trong 3 năm; 03 ngày/lớp, trong đó 02 ngày lý thuyết và 01 ngày tham quan thực tế.

- Xây dựng 180 bảng biểu tuyên truyền tại điểm trình diễn và hộ nuôi trong 3 năm, tổ chức tham quan, hội thảo nhân rộng mô hình, tuyên truyền trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng tờ gấp kỹ thuật...

- Hoạt động quản lý theo Thông tư số: 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.

## **3.2. Phương pháp triển khai**

### ***3.2.1. Tổ chức triển khai***

*- Xây dựng mô hình trình diễn*

+ Địa điểm triển khai tại các hộ chăn nuôi có quy mô nhỏ và vừa: Địa bàn đồng bằng các tỉnh Hà Nội, Hoà Bình, Vĩnh Phúc, Nam Định.

+ Đối tượng tham gia là nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hoá, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp các hợp tác xã...

+ Yêu cầu đối với bò được chọn để triển khai trong mô hình là các gia súc cái, đực không còn sử dụng vào mục đích sinh sản, cày kéo và lấy sữa, gia súc nuôi hướng thịt.

+ Hỗ trợ 50% vật tư thiết yếu xây dựng mô hình (Thức ăn hỗn hợp, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, nguyên liệu làm đệm lót).

+ Hướng dẫn các hộ sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi bò vỗ béo để xử lý môi trường chăn nuôi theo quy trình kỹ thuật của dự án.

+ Hỗ trợ thu gom, bao tiêu toàn bộ sản phẩm đệm lót của các hộ sau vỗ béo để đưa về nhà máy phục vụ việc sản xuất phân hữu cơ.

+ Xúc tiến hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hộ chăn nuôi.

+ Hợp đồng thuê cán bộ chỉ đạo mô hình tới từng điểm trình diễn.

+ Theo dõi, ghi chép đầy đủ các chỉ tiêu sản xuất (khả năng tăng trọng, tiêu tốn thức ăn) và thực hiện tốt các quy định xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

*- Đào tạo, tập huấn*

+ Đơn vị chủ trì sẽ phối hợp với các đơn vị có chuyên môn sâu và kỹ năng về phương pháp tập huấn để tổ chức các lớp tập huấn ngoài mô hình.

+ Đơn vị chủ trì sẽ bố trí chuyên gia về chăn nuôi bò thịt, xử lý chất thải vật nuôi và phối hợp với đơn vị đầu mối tại địa phương để tham gia giảng dạy và lên chương trình tổ chức, phân công cụ thể theo chuyên đề và năng lực của từng các nhân, đơn vị.

+ Phương pháp tập huấn: sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm, phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa, phương pháp thảo luận nhóm, chú trọng thực hành trên đàn bò nông hộ.



- *Thông tin tuyên truyền:* Hội nghị tham quan, hội thảo: Tổ chức 03 Hội nghị hội thảo, tham quan mô hình tại tỉnh nơi xây dựng mô hình, tổng có 150 đại biểu/3 năm được tham quan tiếp cận mô hình mô hình.

- *Quản lý, kiểm tra, giám sát:* Đơn vị chủ trì sẽ thực hiện quản lý theo hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị và cá nhân phối hợp, các cán bộ chỉ đạo phải có sổ theo dõi cả quá trình triển khai dự án và phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả của mô hình...

### **3.2.2. Quy trình kỹ thuật áp dụng vào mô hình**

#### **\* Quy trình vỗ béo bò**

- Quyết định số 294/QĐ-CN-MTCN do Cục trưởng Cục Chăn nuôi ký ngày 23/9/2020 “*Hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò trước khi giết thịt*”

Vận hành trên cơ sở thực tế, đơn vị chủ trì áp dụng quy trình như sau:

+ Đối tượng bò đưa vào nuôi vỗ béo: Là các giống bò nội, bò lai, bò nhập khẩu không sử dụng để sinh sản, không sử dụng để khai thác sữa, cày kéo ở các lứa tuổi khác nhau.

+ Quản lý bò trước khi đưa vào vỗ béo:

- Nếu có nhiều bò cần phân nhóm, đều về khối lượng và giới tính để dễ chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi vỗ béo trong chuồng đàn bò vỗ béo thường gồm từ 5 đến 10 con cùng giới tính, cùng tuổi và cùng khối lượng. Nên tránh thay đổi cấu trúc đàn vỗ béo và di chuyển đàn vỗ béo đi chỗ khác.

- Đánh dấu, kiểm tra sức khỏe, tẩy giun sán, phun ve và tiêm phòng cho bò trước khi đưa vào vỗ béo.

- Xác định khối lượng bò: Khối lượng của từng con bò phải được xác định tại thời điểm bắt đầu vỗ béo và ghi chép lại hàng tháng cho đến khi xuất bò đi.

- Quản lý hoạt động sinh dục của bò.

+ *Tiêu chuẩn chuồng trại, thức ăn, nước uống nuôi bò:*

*Chuồng trại:*

Chuồng trại nên có nhiều gian để phân đàn theo lứa tuổi, bảo đảm, sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, dễ vệ sinh, tránh mưa tạt, gió lùa và nắng nóng, không gây

ô nhiễm môi trường, làm xa nhà và quay về hướng Đông Nam, để có ánh sáng và thông thoáng tốt.

Chuồng nuôi cần đáp ứng yêu cầu về an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và những quy định về đối xử nhân đạo đối với vật nuôi; chuồng nuôi phải có diện tích phù hợp với số lượng bò và giai đoạn vỗ béo.

Chất thải trong quá trình nuôi vỗ béo phải được thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật.

*Thức ăn và nguyên tắc sử dụng thức ăn cho bò:*

Thức ăn cho bò phong phú, đa dạng và dễ kiếm và rẻ tiền và được chia ra làm ba nhóm chính: Thức ăn thô, thức ăn tinh và thức ăn bổ sung.

*Nguồn thức ăn thô, xanh:*

Gồm các loại cỏ xanh, rau xanh, ngọn mía, cây và lá ngô, vỏ của những quả nhiều nước, vỏ và đọt dừa..., thức ăn thô khô (cỏ khô, rơm lúa...), thức ăn củ quả (khoai lang, khoai tây, cà rốt, củ cải, bầu bí...), thức ăn ủ xanh (là loại thức ăn thô xanh hay các loại củ quả được dự trữ chế biến dưới dạng ủ xanh), thức ăn từ phụ phẩm nông- công nghiệp (như bã bia, bã đậu, bã sắn...)

Đối với những hộ chăn nuôi quy mô đàn thì cần trồng thêm các giống cỏ có năng suất và chất lượng cao để bổ sung nguồn thức ăn thô không thể thiếu như giống cỏ VA06, cỏ voi xanh...

*Thức ăn tinh:*

Nhóm này bao gồm các loại hạt và bột ngũ cốc. Thức ăn giàu protein như đậu tương, khô dầu lạc, khô dầu hạt bông, các hạt cây họ đậu... Các loại thức ăn tinh hỗn hợp được sản xuất công nghiệp.

Thức ăn tinh hỗn hợp có thể tự phối trộn nhằm tận dụng nguồn thức ăn sẵn có của gia đình, hạ được giá thành thức ăn đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.

Để phối chế thức ăn tinh hỗn hợp cũng có thể sử dụng một loại thức ăn đậm đặc sản xuất công nghiệp, sau đó cho thêm một số thành phần, bảo đảm tạo ra một hỗn hợp vừa rẻ, chất lượng tốt, vừa sử dụng được các thức ăn sẵn có của gia đình.

*Thức ăn bổ sung:*

Trong nhóm này quan trọng nhất là urê, ri mật đường, hỗn hợp khoáng và vitamin... Chúng được sử dụng với lượng nhỏ để cân bằng các chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hoặc để tăng thêm tính ngon miệng, tăng thêm năng lượng.

+ Nguyên tắc sử dụng thức ăn cho bò:

- Cho ăn nhiều chất xơ, tốt nhất là cho ăn tự do các loại thức ăn thô xanh, thô khô.

- Không thay đổi thức ăn đột ngột. Khi muốn thay đổi loại thức ăn hay khẩu phần ăn thì phải thay đổi từ từ.

- Không cho ăn toàn bộ lượng thức ăn tinh của một ngày trong một lần hoặc hòa nước cho bò uống, tốt nhất là trộn với thức ăn thô cho bò ăn.

- Đảm bảo trong thức ăn phải có cả loại giàu năng lượng và cả loại giàu protein.

- Đối với các loại thức ăn thô xanh như cỏ tự nhiên, lá ngô... nên phơi tái (nhất là vào mùa mưa) trước khi cho bò ăn

- Không cho bò ăn các loại thức ăn để dài, công kênh mà cần băm thái thành những đoạn nhỏ 5- 10 cm, trộn đều, rồi mới cho ăn.

*Nước uống:*

Nên cung cấp đầy đủ nước sạch và mát cho bò uống tự do, tốt nhất nên sử dụng nước máy, nước giếng, không nên sử dụng nước sông, ao hồ.

Dự án hỗ trợ 1,5 kg thức ăn tinh/con/ngày. Phần đối ứng của các hộ có thể mua thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc ưu tiên tận dụng thức ăn sẵn có tại địa phương để phối trộn.

- Phương thức vỗ béo: Nuôi nhốt tại chuồng, cung cấp thức ăn, nước uống và cho ăn tự do theo nhu cầu. Theo dõi số lượng thức ăn hàng ngày để bổ sung và điều chỉnh lượng thức ăn kịp thời. Xác định khối lượng bò trước và sau khi vỗ béo.

- Vệ sinh thú y: Tiêu độc, khử trùng và vệ sinh chuồng trại, môi trường chăn nuôi trước và sau khi vỗ béo. Thường xuyên theo dõi, phát hiện và điều trị kịp

thời cho bò trong thời gian vỗ béo, đặc biệt các bệnh về đường tiêu hóa.

- Hướng dẫn các hộ đo bò để xác định khả năng tăng khối lượng qua từng tháng.

**\* Quy trình sản xuất độn lót sinh học, Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ theo quy trình công bố của Công ty Cổ phần T&T 159 bao gồm các bước như sau:**

**1. Chuẩn bị và xử lý nguyên liệu**

Rơm, rạ phải được kiểm tra độ ẩm phải khô đến độ ẩm yêu cầu ( $\leq 12\%$ ) loại bỏ các vật cứng (nhựa, thủy tinh, gạch, đá,...) nếu kích thước nguyên liệu quá lớn, cần thiết phải làm nhỏ sơ bộ ( $\leq 200\text{mm}$ ) để thuận tiện cho công đoạn nghiền nhỏ tiếp theo.

**2. Nghiền nhỏ nguyên liệu**

Nguyên liệu như rơm rạ, vỏ keo được nghiền nhỏ tới kích thước 2-2,5cm sao cho thật đồng đều.

**3. Nguyên liệu trước trộn**

Nguyên liệu sau nghiền được chứa trong kho sạch sẽ, khô ráo, tránh mưa.

**4. Định lượng nguyên liệu**

Các nguyên liệu sau khi được nghiền nhỏ được định lượng theo tỉ lệ % vỏ keo, trấu, rơm rạ: 40: 20: 40 theo từng mẻ trộn.

**5. Phối trộn nguyên liệu**

Nguyên liệu đã được định lượng được trộn đều khoảng 15 – 20s, phun chế phẩm vi sinh dạng lỏng, ( một ít chế phẩm CP2, mật độ tế bào đạt 109 CFU/g/ tấn nguyên liệu), để máy trộn chạy khoảng 10-15 giây, sau đó bật bơm để bơm chế phẩm dạng lỏng ( đã được chuẩn bị sẵn theo mẻ trộn) phun vào máy trộn dưới dạng những tia phun nhỏ thôn qua bốn búp phun đặt trong máy trộn trong khoảng 30 - 40 giây. Tiếp tục để máy trộn làm việc khoản 5-10 giây, trộn tiếp 3 phút, xả sản phẩm trộn (lưu kho)

6. Ủ trong vòng 7 ngày có phủ bạt, tạo điều kiện cho vi sinh vật sinh trưởng và phát triển ổn định.

7. Đệm lót sinh học DSH159; sau 7 ngày, tạo thành đệm lót sinh học bảo quản nơi khô ráo, có thể sử dụng trong chăn nuôi đại gia súc.

## **IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **4.1. Xây dựng mô hình trình diễn**

#### **4.1.1. Lựa chọn điểm trình diễn**

Công tác lựa chọn điểm đóng một vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công và nhân rộng của dự án. Áp dụng theo các tiêu chí của dự án đề ra, đơn vị chủ trì và đơn vị thực hiện phối hợp triển khai tại địa phương đã rà soát cụ thể, ưu tiên điểm triển khai là các xã xây dựng nông thôn mới, có chính sách và quy hoạch để phát triển chăn nuôi đại gia súc nói chung.

Trong 03 năm triển khai dự án đã lựa chọn được 12 mô hình với 24 điểm trình diễn để triển khai mô hình, là những địa bàn có quỹ đất nông nghiệp rộng, đặc biệt các xã này đều được quy hoạch để phát triển chăn nuôi đại gia súc và xây dựng nông thôn mới. Với quy mô đàn bò lớn, đặc biệt các tỉnh như Nam Định, Vĩnh Phúc, TP Hà Nội có số lượng đàn bò nuôi lấy thịt cao.

#### **4.1.2. Lựa chọn hộ tham gia mô hình**

Các đơn vị thực hiện dự án đã phối hợp với các địa phương để xây dựng tiêu chí chọn hộ đảm bảo tính công bằng và đáp ứng được yêu cầu của dự án.

*Tiêu chí chọn hộ:* Các hộ tham gia dự án cần đáp ứng được các yêu cầu sau: Có bò đúng đối tượng để đưa vào vỗ béo. Có khả năng đối ứng và cam kết tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật; Chưa nhận hỗ trợ bất kỳ nguồn kinh phí nào từ ngân sách Nhà nước cho cùng một nội dung.

Đơn vị thực hiện đã phối hợp với chính quyền xã công bố tiêu chí chọn hộ của dự án tới các hộ chăn nuôi có nhu cầu, sau đó các hộ căn cứ theo tiêu chí và năng lực để làm đơn đăng ký tham gia dự án. Căn cứ vào tiêu chí chọn hộ, cán bộ chỉ đạo kỹ thuật phối hợp với chính quyền địa phương (cấp huyện, xã) và cán bộ khuyến nông viên cơ sở để khảo sát, chọn hộ tham gia dự án đáp ứng theo các tiêu chí đã xây dựng. Trong 03 năm từ 2020 đến 2022, đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện đã lựa chọn được 180 hộ tham gia mô hình đáp ứng được các tiêu

chỉ yêu cầu dự án đề ra.

Từ các tiêu chí của dự án đề ra, các đơn vị cũng kết hợp với những tiêu chí và đặc thù của địa phương để lựa chọn hộ tham gia. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng đối tượng và khả năng nhân rộng mô hình.

#### ***4.1.3. Kết quả cung cấp vật tư cho hộ tham gia***

Vật tư đã được hỗ trợ cho các hộ tham gia dự án bảo đảm 100% theo yêu cầu của thuyết minh, dự toán và định mức kinh tế kỹ thuật được phê duyệt trong 03 năm từ 2020-2022. Dự án triển khai chủ yếu tại địa bàn đồng bằng nên mức hỗ trợ của Nhà nước là 50% vật tư, phần còn lại là người dân tự đối ứng. Cụ thể mức hỗ trợ của Nhà nước cho 01 bò vỗ béo: 135 kg thức ăn hỗn hợp, 0,5 liều thuốc nội ký sinh trùng, 0,5 liều thuốc ngoại ký sinh trùng, 0,375 lít chế phẩm sinh học, 450 kg nguyên liệu làm đệm lót. 50% còn lại người dân tự đối ứng. Tổ chức mua thức ăn hỗn hợp và các vật tư khác theo đúng quy định về quản lý tài chính và đấu thầu hiện hành như (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu).

#### ***4.1.4. Lựa chọn cán bộ chỉ đạo mô hình***

Mỗi mô hình có từ 1-2 cán bộ chỉ đạo kỹ thuật. Mỗi cán bộ chỉ đạo phụ trách 50-100 con bò vỗ béo. Cán bộ chỉ đạo có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm hoạt động khuyến nông, nhiệt tình công tác, góp phần cho công tác triển khai, quản lý và giám sát hiệu quả.

Cán bộ kỹ thuật có chuyên ngành chăn nuôi thú y. Số năm kinh nghiệm tối thiểu 5 năm, có nhiều cán bộ rất giàu kinh nghiệm trong công tác triển khai chương trình dự án khuyến nông (15 năm kinh nghiệm). Với lực lượng cán bộ kỹ thuật như trên, công tác tổ chức triển khai dự án khá thuận lợi, đã đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo mục tiêu của dự án.

#### ***4.1.5. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mô hình***

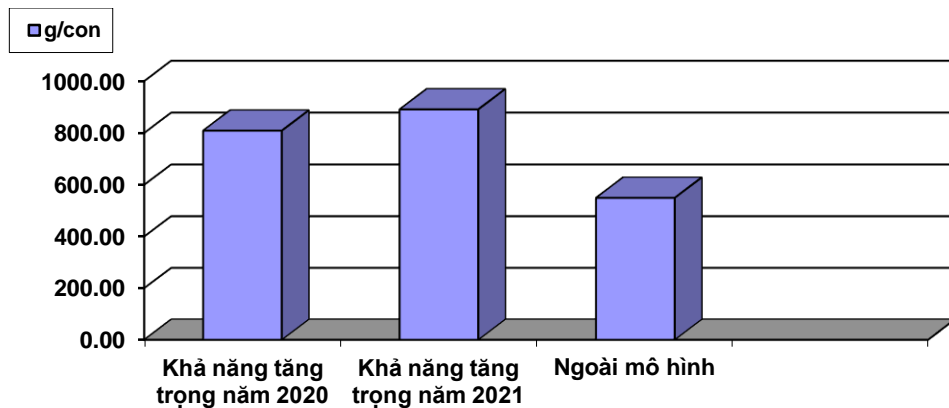
Trước khi triển khai dự án một số hộ đã thực hiện vỗ béo bò, tuy nhiên các hộ đều không xác định khối lượng bò trước khi đưa vào vỗ béo để hạch toán và định lượng thức ăn, không loại trừ nội, ngoại ký sinh trùng ảnh hưởng đến tiêu hóa hấp thu của con vật, chưa nuôi vỗ béo trên nền đệm lót sinh học. Khi dự án được triển khai, cán bộ kỹ thuật đã đến khảo sát từng hộ, đo khối lượng, xác định độ tuổi bò, giới tính, giống từ đó phân loại và cùng hộ chăn nuôi lên kế hoạch vỗ béo. Tiến hành điều trị các bệnh ký sinh trùng bằng thuốc trị nội, ngoại ký sinh trùng. Cùng các hộ làm đệm lót sinh học, từ quá trình ủ nguyên liệu, đưa vào chuồng nuôi, bổ sung, xới đảo đệm lót định kỳ và ủ phân hữu cơ.

Thức ăn tinh do dự án hỗ trợ trong quá trình triển khai là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh đã được cân đối khẩu phần dinh dưỡng đầy đủ, với mục đích để các hộ làm quen với hình thức vỗ béo. Tuy nhiên, về lâu dài mục đích dự án vẫn khuyến khích các hộ tận dụng nguyên liệu địa phương, kết hợp cho ăn các loại phụ phẩm nông nghiệp qua chế biến, ủ chua góp phần cân đối hàm lượng dinh dưỡng trong khẩu phần vật nuôi, mặt khác hạ giá thành sản phẩm, nên dự án cũng đã hướng dẫn các hộ công thức phối trộn thức ăn cho bò vỗ béo, để áp dụng với các loại nguyên liệu sẵn có phù hợp với từng địa phương (Các công thức tài liệu tập huấn phát tay cho các hộ)

Trước khi vỗ béo bò, cán bộ chỉ đạo kỹ thuật phối hợp chặt chẽ với các hộ tham gia mô hình tiến hành xác định khối lượng và phân loại. Lần đầu là sự hướng dẫn cách đo, cách cho ăn của cán bộ kỹ thuật, sau khi đã thực hành được và kết hợp qua các lớp tập huấn, nông hộ trực tiếp đo, cho ăn và ghi chép số liệu hàng tháng, tự hạch toán kinh tế.

TT	Địa điểm triển khai	Năm 2020		Năm 2021		Ngoài mô hình (g/con/ngày)
		Quy mô	Khả năng tăng trọng (g/con/ngày)	Quy mô	Khả năng tăng trọng (g/con/ngày)	
1	Hòa Bình	155	750,8	160	890,1	455

2	Hà Nội	155	780,58	180	905	583
3	Nam Định	155	861	180	854,2	538
4	Vĩnh Phúc	155	842,78	100	918,56	623
<b>Tổng/BQ</b>		<b>620</b>	<b>808,79</b>	<b>620</b>	<b>890,8</b>	<b>549,75</b>



Nhìn vào biểu đồ cho thấy khả năng tăng trọng của bò tham gia mô hình hơn hẳn so với đàn bò không tham gia mô hình. Điều đó cho thấy ý nghĩa của việc chuyên giao khoa học kỹ thuật đến với người dân, không những thay đổi được tập quán chăn nuôi lạc hậu hiệu quả kém sang chăn nuôi công nghiệp hiệu quả cao.

#### ***4.1.6. Kết quả việc sử dụng chế phẩm sinh học***

Sau khi sử dụng chế phẩm sinh học để làm đệm lót sinh học và sản xuất phân bón hữu cơ, thực tế tại các hộ tham gia dự án cho thấy nhờ dùng chế phẩm sinh học nên trong chăn nuôi bò vỗ béo đã hạn chế rất nhiều chất thải độc hại ra môi trường, hạn chế mùi hôi thối, ức chế và tiêu diệt sự phát triển của hệ sinh vật có hại, bảo vệ sức khỏe đàn bò; tiết kiệm khoảng 80% nước trong chăn nuôi do không phải sử dụng nước rửa chuồng hay tắm cho bò hàng ngày; tiết kiệm 50% nhân công do không cần dọn, tắm cho đàn bò. Ngoài ra, hầu hết các hộ chăn nuôi còn trồng trọt (trồng cam, bưởi, mía, cỏ...), sau khi sử dụng đệm lót cho bò, các hộ lại tiếp tục ủ đệm lót đó để làm phân bón hữu cơ, bón cho cây trồng của gia đình, tạo ra vòng tuần hoàn khép kín, từ đó tiết kiệm được rất nhiều chi phí trong chăn nuôi và trồng trọt.



## **4.2. Đánh giá chung kết quả thực hiện mô hình**

### **4.2.1. Kết quả đạt được**

Sau hơn 2 năm triển khai, dự án đã và đang hoàn thành mục tiêu xây dựng 12 mô hình và thực hiện chuyên gia được 24 điểm trình diễn, quy mô 1.860 bò được vỗ béo trên nền đệm lót sinh học. Khả năng tăng trọng bình quân sau 02 năm đạt 849,8 g/con/ngày đạt yêu cầu so với kế hoạch đã xây dựng.

### **4.2.2. Những tồn tại, nguyên nhân.**

Mô hình triển khai tại các địa phương có địa bàn rộng, đặc biệt có các xã miền núi nên đòi hỏi các cán bộ kỹ thuật phải thường xuyên bám sát mô hình và hướng dẫn chi tiết đến từng hộ. Trong khi đó, do cơ chế nên kinh phí chi trả cho cán bộ chỉ đạo kỹ thuật và chi phí quản lý phí thấp, đã ảnh hưởng đến việc hướng dẫn, kiểm tra và giám sát dự án.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi của người dân còn hạn chế, ý thức bảo vệ môi trường và hướng tới nền chăn nuôi bền vững tuần hoàn còn kém nên gây khó khăn cho việc triển khai sử dụng chế phẩm sinh học để bảo vệ môi trường.

Kỹ thuật làm đệm lót sinh học là kỹ thuật hoàn toàn mới với người dân. Vì thế bước đầu triển khai dự án để người dân tin tưởng và làm theo còn nhiều trở ngại.

### **4.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra**

Chọn điểm trình diễn đáp ứng được yêu cầu là góp phần rất lớn vào thành công trong xây dựng mô hình.

Chọn đối tượng bò vỗ béo là những con có tầm vóc lớn sẽ cho hiệu quả cao hơn những con có tầm vóc nhỏ.

## **V. HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG MỞ RỘNG**

### **5.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường**

#### **\* Hiệu quả kinh tế**

Sau thời gian vỗ béo, trung bình tăng trọng đạt 849,8 g/con/ngày. Tăng 300,05g/con/ngày so với hộ ngoài mô hình. Điều đó cho thấy việc vỗ béo bò thịt

trên nền đệm lót sinh học vô cùng hiệu quả. Mô hình được người dân và chính quyền địa phương đánh giá cao giúp bà con nông dân thay đổi được phương thức chăn nuôi lạc hậu.

Dự án được thực hiện và nghiệm thu trong năm 2020-2021 với quy mô 1.240 con bò vỗ béo đem lại thu nhập tăng thêm cho các hộ gia đình tham gia mô hình khoảng 4 triệu đồng/con sau 03 tháng vỗ béo. Góp phần làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân đặc biệt là người dân ở những vùng sâu vùng xa còn khó khăn .

Tận dụng diện tích đất vườn để trồng cỏ làm thức ăn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới giúp cho ngành chăn nuôi phát triển, tăng thu nhập cho hộ gia đình.

**\* *Hiệu quả xã hội***

Dự án tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận với kỹ thuật mới về vỗ béo gia súc lớn, từ đó thay đổi được các tập quán lạc hậu trong chăn nuôi bò đã ăn sâu bám rễ từ lâu đời.

Ngoài những hộ tham dự án, các hộ ngoài dự án cũng học tập và làm theo.

Giải quyết được tình trạng thiếu bãi chăn thả hiện nay, tạo công ăn việc làm cho người dân, làm tăng thu nhập cho hộ, góp phần giúp người dân xoá đói, giảm nghèo và tiến tới làm giàu, giữ vững an ninh trật tự xã hội trên địa bàn.

Nhiều nông dân được tham quan học tập về kỹ thuật vỗ béo bò thịt. Tạo tiền đề hình thành một nghề mới ở địa phương, góp phần giải quyết việc làm cho một bộ phận nông dân ở khu vực đặc biệt khó khăn.

Bước đầu hình thành nên 1 nghề mới ở địa phương góp phần khai thác tốt thế mạnh của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

**\* *Hiệu quả môi trường***

Dự án đã mang đệm lót sinh học đến với người chăn nuôi bò, giảm công sức chăn nuôi, giảm ô nhiễm của chất thải trong chăn nuôi giúp cải thiện chất lượng môi trường nông thôn, tạo ra xu hướng chăn nuôi nhân văn và bền vững, hạn chế sự phá rừng góp phần giảm thải sự phát thải khí nhà kính.

**5.2. Khả năng mở rộng của dự án**

Từ khi triển khai dự án đến nay đã nhân rộng thêm 630 con với quy mô 46 hộ tham gia. Nhiều hộ đã thấy được hiệu quả từ mô hình vỗ béo đã nhân rộng mô hình trong hộ gia đình và các hộ lân cận.

Mỗi đối tượng tham gia dự án, hưởng lợi từ dự án sẽ là những nhân tố góp phần lan tỏa tính hiệu quả của mô hình dự án ra cộng đồng, nhằm phát triển mô hình vỗ béo bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng giá trị gia tăng, hiệu quả và thu nhập cho nông dân, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

## **VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

### **6.1. Kết luận**

Sau hơn 02 năm triển khai, dự án đã và đang thực hiện hoàn thành mục tiêu và kế hoạch thực hiện chuyển giao được 12 mô hình vỗ béo bò thịt với 24 điểm trình diễn, quy mô 1.860 con bò được vỗ béo.

Khả năng tăng trọng bình quân sau 02 năm đạt 849,8g/con/ngày đạt yêu cầu so với kế hoạch đề ra.

Dự án triển khai thực sự phù hợp với điều kiện chăn nuôi của các tỉnh triển khai và có khả năng nhân ra diện rộng thông qua hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội. Từ hỗ trợ ban đầu của dự án với quy mô 1.240 con và 120 hộ tham gia trong 02 năm 2020-2021, đến tháng 6 năm 2022 đã nhân rộng thêm 46 hộ với quy mô 630 con tại địa phương triển khai dự án. Mỗi đối tượng tham gia dự án, hưởng lợi từ dự án sẽ là những nhân tố góp phần lan tỏa tính hiệu quả của mô hình dự án ra cộng đồng, nhằm phát triển mô hình vỗ béo bò thịt trong nông hộ, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng giá trị gia tăng, hiệu quả và thu nhập cho nông dân, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Một số kinh nghiệm rút ra trong công tác triển khai dự án đối với mô hình vỗ béo bò thịt có sự khác biệt giữa giống, độ tuổi, giới tính, tầm vóc khi đưa vào vỗ béo. Bò lai có tốc độ tăng trọng nhanh hơn và hiệu quả hơn bò địa phương; bò đực đưa vào vỗ béo - có tốc độ tăng trọng nhanh hơn và hiệu quả hơn bò cái; bò

có tầm vóc lớn, khung xương to có tốc độ tăng trọng nhanh hơn bò có tầm vóc nhỏ.

## **6.2. Đề nghị**

- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông các tỉnh và địa phương triển khai mô hình tiếp tục thực hiện mô hình theo đúng kế hoạch đã xây dựng năm 2022 để đảm bảo thời gian và chất lượng của dự án khi kết thúc.

- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông các tỉnh và địa phương triển khai mô hình cần đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về kỹ thuật áp dụng vào mô hình và hiệu quả mô hình dự án để nhân ra diện rộng ./.

## **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HOÀ BÌNH**

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT TẠI TỈNH THÁI BÌNH

### Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình

#### 1. Thực trạng phát triển chăn nuôi bò thịt tại Thái Bình:

Thái Bình vốn là vùng đất nông nghiệp từ ngàn đời nhờ sự bồi đắp màu mỡ của phù sa sông Hồng, sông Thái Bình. Toàn tỉnh có hơn 3.600 ha đất bãi có thể trồng cỏ voi, ngô làm thức ăn cho trâu, bò với năng suất cao và một phần diện tích lúa năng suất kém chuyển sang trồng cỏ. Sản lượng rơm, rạ lớn, các sản phẩm phụ từ trồng ngô đạt 63.338 tấn/năm; các sản phẩm thân lá của khoai lang, đậu tương, lạc ước trên 100.000 tấn/năm, là nguồn cung cấp nguyên liệu rất lớn để làm thức ăn và đệm lót cho chăn nuôi trâu, bò. Ngoài ra, Thái Bình có đội ngũ cán bộ thú y các cấp có trình độ và kinh nghiệm. Về vị trí địa lý, Thái Bình cách Hà Nội 110 km, Hải Phòng 70 km, có hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy thuận lợi cho vận chuyển, giao thương các sản phẩm chăn nuôi đi các tỉnh, thành phố khác.

Trên thực tế, từ những năm 2020, phương thức và quy mô chăn nuôi trâu, bò tại Thái Bình vẫn chủ yếu nhỏ, lẻ, nuôi bán chăn thả, phát triển tại các nông hộ; xu hướng chăn nuôi tập trung đã xuất hiện, nhưng chưa nhiều. Vài năm trở lại, chăn nuôi nông hộ phổ biến từ phương thức nuôi trâu, bò thịt, vỗ béo chăn thả, bán chăn thả, quảng canh sang nuôi nhốt tập trung, có đầu tư thức ăn chuyên dụng và sử dụng đệm lót sinh học xử lý môi trường; việc áp dụng TBKT trong chọn giống bò vỗ béo chuyên biến từ bò giống lai sind, lai Braman.. sang vỗ béo giống bò lai BBB (do hộ chăn nuôi nhận thức được hiệu quả nuôi vỗ béo giống bò BBB từ kết quả các mô hình trình diễn); TBKT trong xử dụng thức ăn đã được người chăn nuôi tiếp nhận, từ việc đầu tư đất sang trồng các loại cỏ, cây có dinh dưỡng, năng suất (cỏ voi, ngô sinh khối..) sang áp dụng kỹ thuật ủ rơm, ủ cỏ làm thức ăn cho bò và chuyển từ thức ăn tinh (cám, bột ngô, sắn..) sang thức ăn vỗ béo chuyên dụng... Cơ sở vật chất, dụng cụ chăn nuôi nhưng năm gần đây người chăn nuôi đầu tư (chuồng nuôi chuyên dụng cho vỗ béo,

sinh sản; máy băm cỏ, cây ngô, bể ủ thức ăn..) phù hợp với quy mô chăn nuôi gia trại, trang trại (từ 20 con tới 100 con), thậm chí có trang trại đầu tư tới hơn 200 con bò nuôi vỗ béo; quy mô nông hộ (3-5 con) đã giảm dần, chuyển sang nuôi tập trung đầu tư thâm canh. Mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, chăn nuôi liên kết theo chuỗi đang dần hình thành từ việc liên kết cung cấp thức ăn thô, thức ăn tinh hỗn hợp, cung cấp bò nuôi vỗ béo cho các tụ điểm giết mổ và tập trung nguồn hàng bán cho các tỉnh lân cận và xuất khẩu tiểu ngạch.. Ước tính đến thời điểm tháng 12/2021 tổng đàn trâu, bò đạt 57,8 nghìn con, tăng 1,6% so cùng kỳ; trong đó, tổng đàn trâu ước đạt 7,0 nghìn con, tăng 1,6%; tổng đàn bò đạt 50,8 nghìn con, tăng 1,7%. Năm 2021 sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng ước đạt 10,1 nghìn tấn, tăng 1,7%; trong đó, sản lượng thịt trâu đạt 0,9 nghìn tấn, tăng 3,7%; sản lượng thịt bò ước đạt 9,2 nghìn tấn, tăng 1,5% so cùng kỳ.

## **2. Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm tại Thái Bình**

Từ tiềm năng phát triển và thực tế trên, trong những năm qua, Thái Bình đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

**Về chủ trương, đường lối:** Tỉnh ủy Thái Bình đã ra Nghị quyết số 07/NQ/TU ngày 14/6/2019 tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển đàn trâu, bò thương phẩm. UBND tỉnh ban hành Đề án Phát triển đàn trâu, bò thương phẩm theo chuỗi liên kết giai đoạn 2019 - 2025 và những năm tiếp theo, nhằm khai thác, phát huy hiệu quả các lợi thế của tỉnh, đưa chăn nuôi, cơ cấu của ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững và chuyển đổi sinh kế, bảo đảm đời sống người chăn nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường. “Phát triển đàn trâu, bò thương phẩm có năng suất, chất lượng cao theo chuỗi liên kết, trở thành một trong những vật nuôi chủ lực, góp phần đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành chăn nuôi, nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, hiệu quả, bền vững”, Đề án Phát triển đàn trâu,

bò thương phẩm theo chuỗi liên kết giai đoạn 2019 - 2025 và những năm tiếp theo nêu rõ.

Đề án đặt mục tiêu đến hết năm 2020, tổng đàn trâu, bò trong tỉnh đạt 70.000 con trở lên, tỷ trọng chăn nuôi chiếm khoảng 45% giá trị sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi trâu, bò chiếm 5% giá trị sản xuất ngành chăn nuôi. Xây dựng được 2 trang trại “lõi” trở lên đầu tư chăn nuôi trâu, bò theo chuỗi liên kết.

Đề án cũng đặt mục tiêu đến năm 2025, tổng đàn trâu, bò của Thái Bình đạt 180.000 con trở lên, chiếm 18 - 20% giá trị sản xuất ngành chăn nuôi; xây dựng được từ 3 - 5 trang trại “lõi”, phát triển 25.000 - 28.000 nông hộ, gia trại chăn nuôi trâu, bò vệ tinh; thu hút đầu tư xây dựng 1 - 2 khu giết mổ gia súc tập trung, đảm bảo hiệu quả, bền vững.

Giải pháp về tổ chức sản xuất và xây dựng các chuỗi liên kết: Thành phần chủ lực tham gia chuỗi liên kết chính là các doanh nghiệp hạt nhân xây dựng các trang trại “lõi” và doanh nghiệp xây dựng các trang trại độc lập hoặc vệ tinh cho trang trại “lõi”. Tổ hợp tác, hợp tác xã và chủ trang trại, nông hộ chăn nuôi trang trại, chăn nuôi nông hộ, trồng cây nguyên liệu thức ăn, thu mua, cung ứng phụ phẩm nông nghiệp. Chuỗi liên kết theo mô hình nông nghiệp tuần hoàn từ trồng cây thức ăn cho trâu bò, thu gom, chế biến phụ phẩm nông nghiệp để chăn nuôi trâu bò sinh sản, thương phẩm, sản xuất đệm lót sinh học, thu gom phân, đệm lót sinh học qua sử dụng sản xuất phân hữu cơ, thu mua bò vỗ béo, xuất bán. Sản phẩm của hoạt động chăn nuôi trâu, bò đều được sử dụng triệt để, mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu cho người chăn nuôi.

Giải pháp về ứng dụng khoa học, kỹ thuật: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào chăn nuôi trâu, bò. Về giống vật nuôi phát triển đàn bò cái nền sinh sản, đàn bò nuôi thương phẩm, chọn lọc những bò cái lai có tầm vóc, thể trạng đạt yêu cầu từ đàn bò cái sinh sản hiện có để làm nguồn cái nền, nhằm tiếp tục nhân giống và tạo ra đàn bò có năng suất, chất lượng cao. Hiện toàn tỉnh có 29.000 con bò cái sinh sản, trong đó có 8.500 bò cái nền đạt chuẩn về

ngoại hình, khối lượng. Đối với đàn bò cái nền đạt chuẩn và đàn bò cái nền đạt chuẩn nhập mới, sẽ thực hiện lai với giống bò cao sản để tạo đàn bò lai đời sau vừa phục vụ nhu cầu nuôi bò sinh sản và nuôi lấy thịt, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Số bò cái sinh sản còn lại khoảng 20.500 con thực hiện lai cải tiến với các giống bò chủ lực như Brahman, Droughtmaster... để tạo ra các con lai 3 máu, con lai 4 máu, sau đó chọn lọc những con bò cái đủ tiêu chuẩn để làm bò cái nền, tạo đàn bò nuôi thương phẩm lấy thịt. Sử dụng giống bò đực khác với giống bò đực đã sử dụng tạo con lai đời trước để tạo nên bò lai thương phẩm 3 máu trở lên nhằm khai thác tối đa ưu thế lai của giống... (Công ty cổ phần Tấn Thành Hưng Thịnh được UBND tỉnh Thái Bình giao nhiệm vụ nuôi giữ, bảo toàn, nhân giống và phát triển đàn bò 100 con của UBND TP. Hà Nội tặng tỉnh Thái Bình; xây dựng mô hình trồng cỏ theo chuỗi liên kết, xây dựng mô hình sản xuất giống và chăn nuôi bò thương phẩm. Thực hiện các hợp đồng cung ứng bò cái lai Sind giống sinh sản cho hộ nông dân huyện Hưng Hà với tổng trị giá 726 triệu đồng; UBND tỉnh Thái Bình cũng đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ nuôi giữ, bảo toàn, nhân giống và phát triển đàn bò trên; tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đề xuất cơ chế hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nuôi giữ, bảo toàn, nhân giống và phát triển đàn bò trên. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu, cơ chế, nguồn vốn hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nuôi giữ, bảo toàn, nhân giống và phát triển đàn bò trên.

Cùng thời điểm đó, được sự nhất trí Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Bình, ngày 27 tháng 4 năm 2020, Trung tâm Khuyến nông Thái Bình thực hiện Hợp đồng số 25.2.20/HĐKN với Trung tâm Khuyến nông Quốc Gia về “Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt” giai đoạn 2020-2022; quy mô 640 con bò vỗ béo; nhằm nâng cao năng suất, chất lượng đàn bò thịt thương phẩm và nâng cao nhận thức người chăn nuôi về vệ sinh môi trường.



Về vệ sinh môi trường: Đảm bảo song song giữa phát triển đàn trâu bò với bảo vệ môi trường là một yêu cầu không kém phần quan trọng được đặt ra tại Đề án Phát triển đàn trâu, bò thương phẩm theo chuỗi liên kết giai đoạn 2019 - 2025 và những năm tiếp theo. Theo đó, hướng dẫn áp dụng triệt để các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào xử lý môi trường chăn nuôi; hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho các trang trại, nông hộ tham gia chuỗi liên kết xử lý môi trường theo đúng quy định, quy trình như: bắt buộc sử dụng đệm lót sinh học trong các chuồng trại chăn nuôi trâu, bò; định kỳ thu gom để sản xuất phân hữu cơ. Doanh nghiệp, trang trại tham gia chuỗi liên kết với hộ chăn nuôi có trách nhiệm cung cấp đệm lót sinh học.

Giải pháp về nguồn thức ăn: Đồng bộ với các giải pháp trên, để tạo nguồn thức ăn đáp ứng với quy mô phát triển đàn bò, cần bổ sung quy hoạch đất trồng cây thức ăn để phát triển đàn trâu bò. Đến năm 2025, tối thiểu cần 3.727 ha, trong đó diện tích chuồng nuôi và công trình phụ trợ 560 ha, dành cho trồng cây nguyên liệu làm thức ăn và bãi thả 3.167 ha. Đồng thời, quy hoạch vùng chăn nuôi có diện tích từ 20 ha trở lên để các doanh nghiệp “hạt nhân” đầu tư các trang trại “lõi”, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại tham gia chuỗi liên kết đầu tư trang trại chăn nuôi có quy mô 100 trâu, bò sinh sản hoặc 200 con trâu, bò thịt trở lên hoặc trồng nguyên liệu thức ăn trâu, bò. Quy hoạch khu chăn nuôi từ 2 đến dưới 20 ha để các đối tượng chăn nuôi vệ tinh đầu tư chăn nuôi trang trại, chăn nuôi nông hộ với quy mô từ 5 - 99 con trâu, bò sinh sản hoặc 10 - 199 con trâu, bò thịt...

### 3. Kết quả thực hiện các giải pháp và một số bài học kinh nghiệm

Sau thời gian triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đàn trâu, bò, đạt được những kết quả bước đầu. Tổng đàn trâu bò 57.200 con, đạt 81,7 % mục tiêu đề án, tổng sản lượng thịt trâu bò hơi xuất chuồng 10.000 tấn, đạt 92,4 %, sản lượng tăng 15,23 % so với năm 2018. Đàn trâu bò cái nền đạt chuẩn ước đạt 70% mục tiêu đề án. Ứng dụng khoa học kỹ thuật được tăng cường và cải thiện, nhất là công tác giống, nâng cao chất lượng đàn trâu, bò

sinh sản. Các mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường được xây dựng có hiệu quả. Chăn nuôi trâu bò bước đầu đem lại thu nhập khá, ổn định cho nông dân, lãi thu về bình quân 600-800 nghìn đồng/ con bò/tháng. Tuy nhiên hiện nay Thái Bình chưa có trang trại lõi, chưa có hệ thống trại, hộ chăn nuôi trâu bò vệ tinh để hình thành chuỗi liên kết. (*Đồng chí Lại Văn Hoàn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo thực hiện đề án tỉnh phát biểu tại cuộc họp sơ kết thực hiện Đề án “Phát triển đàn trâu, bò thương phẩm theo chuỗi liên kết giai đoạn 2019 – 2025 và những năm tiếp theo”*)

Đánh giá kết quả bước đầu 3 năm (2020-2022) thực hiện dự án “Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt”, dự án đã thực hiện vỗ béo 640 bò cho 100 hộ tham gia tại 16 xã thuộc 5 huyện trong điểm nuôi bò của tỉnh, đạt yêu cầu về qui mô, địa điểm dự án; về hiệu quả kinh tế: Dự án đã góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn, hộ tham gia dự án có thu nhập tăng hơn 15 % so với hộ không tham gia dự án; qua các hoạt động thông tin tuyên truyền, các tiến bộ kỹ thuật về giống, nuôi vỗ béo bò, chế biến thức ăn, trồng cỏ và sử dụng đệm lót xử lý môi trường được ứng dụng rộng rãi và lan toả; qua các đợt đào tạo nhân rộng đã nhiều hộ ngoài mô hình học tập, làm theo, mô hình vỗ béo bò thịt đã nhân rộng hơn 15% so với mô hình trình diễn ban đầu Bên cạnh đó, dự án còn góp phần xây dựng nông thôn mới tại Thái Bình; việc áp dụng đệm lót sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi bò đã giúp tránh được tình trạng ô nhiễm môi trường chăn nuôi, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng. Có thể nói, dự án “xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt” đã nâng cao năng suất, chất lượng đàn bò thịt tại tỉnh Thái Bình; kết quả tuyên truyền của chính quyền địa phương, người dân tham gia dự án có tính lan tỏa rất lớn sẽ góp phần tạo sự thành công đề án; hướng phát triển chăn nuôi bền vững của tỉnh.

Những giải pháp đồng bộ trong những năm qua đã khai thác, phát huy hiệu quả các lợi thế của tỉnh, đưa chăn nuôi trâu, bò trở thành ngành sản xuất chính, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi, cơ cấu của ngành Nông nghiệp theo

hướng hiệu quả, bền vững và chuyển đổi sinh kế, bảo đảm đời sống cho người chăn nuôi.

**\*Một số bài học kinh nghiệm:**

Để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phát triển đàn trâu bò, thời gian tới cần tăng cường sự chỉ đạo, triển khai thực hiện các giải pháp ở các cấp, đặc biệt là tăng cường sự kiểm tra trực tiếp của ban chỉ đạo cấp trên đối với ban chỉ đạo cấp dưới; đánh giá tiến độ thực hiện, giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Ngành Nông nghiệp và các địa phương quan tâm, xây dựng cơ chế hỗ trợ các mô hình, trang trại đang chăn nuôi mở rộng quy mô, tổng đàn theo hướng an toàn sinh học, sử dụng độn lót sinh học bảo đảm môi trường. Đối với các dự án nghiên cứu đầu tư vào chăn nuôi trâu, bò có tính khả thi cao, phù hợp với chủ trương, định hướng theo Đề án, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cùng với các doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. Các huyện, thành phố cần rà soát, bố trí quỹ đất ưu tiên thu hút các dự án đầu tư chăn nuôi trâu, bò; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng kỹ thuật và nhân rộng các mô hình điển hình; tổ chức lại sản xuất, từng bước thực hiện hiệu quả liên kết chuỗi. Đối với các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ngành Nông nghiệp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh chính sách hỗ trợ bảo đảm hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt nắm bắt thực trạng chăn nuôi trâu, bò và nguyện vọng của người chăn nuôi.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THÁI BÌNH**

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

## **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI**

### **Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái**

## **I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC**

### **1. Tình hình chăn nuôi đại gia súc**

Yên Bái là tỉnh có nhiều lợi thế trong chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò thịt, ngựa... Yên Bái cũng có nhiều giống đại gia súc bản địa mang nguồn gen quý. Giống trâu, bò trên Yên Bái được đánh giá có tầm vóc và khối lượng trưởng thành cao hơn so với trâu của nhiều địa phương khác trong cả nước. Tuy nhiên, chăn nuôi gia súc của tỉnh nhìn chung vẫn còn phát triển chậm. Chăn nuôi chủ yếu tồn tại trong nông hộ nhỏ lẻ, phân tán, chưa có nhiều trang trại chăn nuôi lớn. Thức ăn cho đại gia súc chủ yếu là tận dụng cỏ tự nhiên và sản phẩm phụ trong nông nghiệp. Năng suất, sản lượng và hiệu quả chăn nuôi còn chưa cao.

Những năm gần đây, tỉnh Yên Bái đã quan tâm rà soát quy hoạch trong sản xuất chăn nuôi; tổ chức sản xuất chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn sinh học, tăng tỷ trọng chăn nuôi trang trại. Từng bước tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng chuyên nghiệp có kiểm soát, bảo đảm an toàn sinh học và bền vững, trong đó đặc biệt chú trọng đến chăn nuôi đại gia súc... Trước đây tỉnh đã triển khai những chính sách hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi trâu, bò theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp. Hiện nay tỉnh Yên Bái đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 69/2020/NQ- HĐND ngày 16/12/2020 và Nghị quyết 05/2022/NQ- HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, trong đó chương trình hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò bằng phương pháp truyền tinh nhân tạo, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung...

Từ đó sản xuất chăn nuôi của tỉnh Yên Bái đã đạt được những kết quả đáng kể, khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng trong ngành nông nghiệp, tỷ trọng

ngành chăn nuôi chiếm ngày càng cao trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2021 là 2.083 tỷ, kế hoạch 2022 là 2.255 tỷ, chiếm khoảng 25 % trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp. Đến nay tổng đàn trâu, bò toàn tỉnh có gần 132.000 con trâu, bò. Chăn nuôi nông hộ chiếm 80%, chăn nuôi trang trại chiếm 20%.

## **2. Thực trạng chăn nuôi bò thịt**

Tỉnh Yên Bái xác định bò là đối tượng chủ lực trong phát triển chăn nuôi. Chăn nuôi bò không những cung cấp thịt, sức kéo, phân bón mà còn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và một số ngành nghề thủ công. Thịt bò đại diện cho nhóm thịt đỏ, là thực phẩm hấp dẫn, giàu dinh dưỡng, cung cấp lượng đạm lớn cho con người, là loại thực phẩm được nhiều người yêu thích.

Với lợi thế là tỉnh miền núi có diện tích và đồng cỏ tự nhiên rộng lớn, phụ phẩm nông nghiệp dồi dào thuận lợi cho phát triển chăn nuôi bò. Trong vài năm trở lại đây, khi mà chăn nuôi gia súc khác bị ảnh hưởng nhiều của dịch bệnh, thì việc chú trọng phát triển đàn gia súc lớn, nhất là chăn nuôi bò thịt được tỉnh Yên Bái coi là giải pháp chiến lược góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng thu nhập cho người chăn nuôi, từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng thịt bò cho người dân. Chăn nuôi bò trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã từng bước tạo việc làm tăng thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho người nông dân, có vai trò quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Cùng với đó, chăn nuôi bò thịt cung cấp thực phẩm đáp ứng nhu cầu thực phẩm ngày càng cao của người tiêu dùng. Tuy nhiên, với nhiều nơi thì thịt bò chưa được coi là thực phẩm hàng ngày, vì giá thành còn cao, chăn nuôi bò thịt chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế, lượng thịt bò cung cấp trên thị trường còn hạn chế.

### **a) Phương thức, quy mô chăn nuôi:**

Người dân trên địa bàn tỉnh Yên Bái chăn nuôi bò chủ yếu để bán thịt là chính, phương thức quảng canh ở vùng cao và bán công nghiệp ở vùng thấp của tỉnh, thức ăn chủ yếu vẫn là cỏ tự nhiên và các sản phẩm phụ từ nông nghiệp. Quy mô chăn nuôi nông hộ là chủ yếu từ 1-3 con bò/hộ.

### **b) Về công tác giống:**

Trong thời gian qua tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, dự án cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò thịt như: Dự án Cải tạo chất lượng đàn bò bằng phương pháp truyền tinh nhân tạo, chương trình hỗ trợ bò đực giống ngoại cho các xã vùng cao (nơi không có điều kiện thụ tinh nhân tạo)... do vậy mà chất lượng đàn bò của tỉnh ngày càng được cải thiện nâng cao rõ rệt, đến nay tỷ lệ sinh hoá và zebu hoá đạt trên 30 % trong tổng đàn bò của tỉnh.

c) Về thức ăn chăn nuôi

- Thức ăn công nghiệp: Hiện tại trên địa bàn tỉnh Yên Bái chưa có cơ sở nào đăng ký sản xuất thức ăn chăn nuôi, có 02 cơ sở đang trong giai đoạn xin cấp phép sản xuất nguyên liệu là bột khoáng để sản xuất thức ăn chăn nuôi và thức ăn truyền thống là bã sắn. Hiện nay thức ăn công nghiệp phục vụ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh 100% là nhập từ bên ngoài. Trên địa bàn tỉnh có tổng số 481 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi hàng năm cung ứng được trên 100.000 tấn thức ăn công nghiệp các loại.

- Diện tích đồng cỏ: Hiện nay, toàn tỉnh có trên 9.000 ha diện tích đất cỏ, trong đó 7.300 ha bãi chăn thả tự nhiên và trên 1.700 ha cỏ trồng. Bãi chăn thả tự nhiên do không được chăm sóc, quản lý; khai thác một cách kiệt quệ dẫn đến năng suất ngày một thấp, năng suất ước đạt 15 - 30 tấn/ ha. Cỏ trồng chủ yếu là loại cỏ voi, VA06, cỏ Ghinê... Việc trồng cỏ ở một số hộ chưa trú trọng đầu tư thâm canh nên năng suất đạt không cao (80 - 150 tấn/ ha). Bên cạnh đó có một số hộ phát triển qui mô lớn đã đầu tư thâm canh năng suất đạt (250-300 tấn/ha/năm). Diện tích cỏ trồng hiện có chiếm trên 88% là đất tận dụng diện tích bờ bãi và các bãi đất trống trong năm do đó năng suất, sản lượng không ổn định.

- Chế biến thức ăn xanh: Yên Bái có lợi thế về nguyên liệu như bột ngô, thóc, sắn, đậu tương... làm thức ăn tinh thô phục vụ cho công tác chăn nuôi vỗ béo bò thịt. Diện tích cây ngô gần 30.000 ha, sản lượng 103.909 tấn/năm, diện tích cây sắn gần 9.000 ha, sản lượng 171.365 tấn/năm, cây đậu tương trên 500 ha sản lượng 400 tấn/năm. Ngoài ra các phế phụ phẩm trong nông nghiệp như bã sắn, bã đậu, bống

rượu và các loại rau, thân cây chuối... được người chăn nuôi sử dụng cho chăn nuôi nông hộ.

Với nguồn phụ phẩm nông nghiệp khá dồi dào, các biện pháp kỹ thuật nhằm thu gom, bảo quản chế biến để làm thức ăn cho gia súc đã được ngành nông nghiệp, các địa phương quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn cho người dân. Tuy nhiên ở nhiều nơi, việc bảo quản, chế biến vẫn theo phương thức truyền thống, phổ biến là dự trữ bảo quản dưới dạng cây rơm. Nguy cơ gia súc chết đói, rét do thiếu thức ăn về mùa đông vẫn luôn thường trực nhất là đối với khu vực vùng cao của tỉnh.

#### d) Tình hình dịch bệnh

Dịch bệnh nguy hiểm trên đàn bò Yên Bái chủ yếu là lở mồm long móng (LMLM) do tính chất dịch tễ khá phức tạp, bệnh do vi rút gây ra, không có thuốc điều trị đặc hiệu. Do virus gây chết ở tỷ lệ thấp nên người dân còn chủ quan trong việc tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Trong thời gian qua, dịch bệnh Lở mồm long móng đã phát sinh và diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất chăn nuôi. Nguyên nhân phổ biến của các ổ dịch LMLM là do việc nhập con giống không rõ nguồn gốc và không tuân thủ quy trình kiểm dịch động vật. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây, công tác phòng chống dịch bệnh ngày càng chủ động và có hiệu quả, tăng cường việc giám sát, phát hiện sớm và bao vây ổ dịch không để lây lan ra diện rộng. Do vậy dịch LMLM đang có chiều hướng giảm cả về số lượng, quy mô ổ dịch và thiệt hại do dịch bệnh.

#### d) Thực trạng đàn bò hiện nay

Theo số liệu thống kê tháng 10/2021, đàn bò tỉnh Yên Bái ước đạt 34.725 con, tăng 6,98% (tăng 2.267 con) so với cùng kỳ năm 2020 (Tập trung ở một số huyện là Mù Cang Chải trên 7.100 con, Yên Bình trên 6.200 con, Trạm Tấu trên 5.200 con và Văn Chấn trên 6.600 con...)

Nguyên nhân đàn bò tăng mạnh do giá cả thịt bò cao và ổn định được người nông dân đầu tư chăm sóc, cùng với đó nhiều đề án, chính sách hỗ trợ bò sinh sản cho người chăn nuôi được thực hiện nhằm xóa đói, giảm nghèo. Mặt khác số



lượng bò sinh sản được hỗ trợ từ những năm trước đã bắt đầu sinh sản thúc đẩy tỷ lệ tăng tự nhiên đàn bò trên địa bàn tỉnh tăng cao. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước đạt 1.151,71 tấn, tăng 1,95% (tăng 22,07 tấn) so với chính thức năm 2020. Tuy nhiên tỷ lệ thịt bò hơi xuất chuồng còn thấp 1,8-2% so với sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên địa bàn toàn tỉnh.

Nhìn lại chương trình cải tạo đàn bò nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh: Từ trước năm 2015, tổng đàn bò khoảng trên 21 nghìn con chủ yếu là bò sinh sản và bò thịt. Giai đoạn này, chủ yếu là các giống bò có năng suất, chất lượng thấp. Đối với bò thịt, tỷ lệ bò lai Brahman chiếm 15%, tỷ lệ bò được phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo mới đạt khoảng 15%. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện chương trình thụ tinh nhân tạo bò, tỉnh Yên Bái đã đưa các giống bò mới năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Chất lượng đàn bò đã được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ thụ tinh nhân tạo trên đàn bò đạt 50% đã tạo ra các giống bò năng suất, chất lượng cao như bê lai (Brahman, BBB, Sind..), nâng khối lượng trung bình ở giai đoạn trưởng thành (24 tháng tuổi) từ 220-300 kg/con (bò vàng ) tăng lên 350-380 kg/con (bò lai Sind). Đến nay, khối lượng của các giống bò lai chất lượng cao (BBB) đã tăng lên 480-650 kg/con, nâng tỷ lệ thịt xẻ từ 43% lên 63%. Nhìn chung, các giống bò mới đã mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi thêm từ 3 - 6 triệu đồng/bê. Ngoài ra, công tác cải tạo đàn bò cái nền bằng tinh bò Brahman, BBB, Sind là tiền đề cho việc ứng dụng công nghệ cao vào lai tạo, sản xuất giống bò thịt trên địa bàn tỉnh.

Ngoài chương trình cải tạo đàn bò của tỉnh, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia từ năm 2018 đến nay, tỉnh Yên Bái đã nhiều năm được tham gia thực hiện mô hình nuôi vỗ béo bò thịt và xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học với tổng quy mô các năm lên đến trên 600 con bò được vỗ béo. Thông qua mô hình đã hỗ trợ một số vật tư thiết yếu cho các hộ tham gia mô hình như: Thuốc thú y, thuốc tẩy nội ký sinh trùng, ngoại ký sinh trùng; thức ăn hỗn hợp giàu đạm, chế phẩm sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi làm phân bón... Tuy quy mô chưa lớn nhưng đã giúp cho người nông dân địa phương nơi

triển khai dự án biết cách ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để vỗ béo đàn bò để tăng trọng ở mức tốt nhất (đạt trên 700 gram/con/ngày) từ đó nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi. Tại nơi triển khai mô hình có tổ chức các hội nghị tham quan, hội nghị tổng kết để người dân các địa phương lân cận học tập và làm theo, từ đó góp phần chuyển biến cách nghĩ, cách làm trong chăn nuôi bò của người dân... họ không bán bò non trên 6 tháng tuổi mà vỗ béo thêm 3 tháng nữa mới bán, ngoài những bê đực đưa vào vỗ béo thì những con bò nái hết tuổi sinh sản, bò đực loại thải cũng được người dân đưa vào vỗ béo rồi mới đem bán làm tăng hiệu quả chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

e) Một số khó khăn, tồn tại

Bên cạnh thành tựu đạt được, việc phát triển chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh còn có những khó khăn, hạn chế nhất định, đó là:

- Chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển song còn chậm. Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp tuy có tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp. Sản phẩm hàng hoá của chăn nuôi còn thấp và không đồng đều ở các vùng. Sản xuất chăn nuôi bò thịt nhỏ lẻ, manh mún, đầu tư thâm canh thấp vẫn chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến hiệu quả chăn nuôi không cao.

- Một số người chăn nuôi do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nên vẫn còn những hộ không chăn nuôi đến khi giết thịt, mà bán bê ngay sau khi sinh ra, dẫn tới hiệu quả kinh tế chưa cao. Các mô hình nuôi vỗ béo bò chưa nhiều quy mô còn nhỏ lẻ chủ yếu do nhà nước hỗ trợ, người dân chưa chủ động trong việc đầu tư thâm canh trong chăn nuôi bò thịt.

- Nguồn thức ăn tự nhiên ngày càng khan hiếm do quá trình đô thị hoá, khoanh nuôi bảo vệ rừng đã làm diện tích chăn thả, đồng cỏ ngày càng thu hẹp. Việc triển khai trồng cỏ chưa đáp ứng được nhu cầu về thức ăn, nhất là vào mùa đông, diện tích cỏ trồng toàn tỉnh chỉ có khoảng 1.700 ha (đáp ứng được khoảng 35 % nhu cầu thức ăn bổ sung cho trâu, bò), chủ yếu là trồng tận dụng chưa có sự đầu tư thâm canh nên năng suất không cao. Mặt khác việc sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp cho chăn nuôi còn nhiều hạn chế và chưa triệt để.

- Chất lượng đàn bò của tỉnh còn thấp đặc biệt là ở vùng cao chủ yếu là giống bò nội, khả năng sản xuất thấp, nếu nuôi bò thịt thì không hiệu quả, việc luân chuyển bò đực giống chưa được quan tâm dẫn đến tình trạng thoái hoá, giảm khả năng sản xuất. Do chăn nuôi phân tán lại thiếu bò đực giống nên hệ số sinh sản thấp.

- Sản xuất, cung ứng giống vật nuôi chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, phải nhập con giống trôi nổi trên thị trường không đảm bảo phẩm cấp và an toàn dịch bệnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường chăn nuôi làm chưa được triệt để, các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (LMLM gia súc, viêm da nổi cục, dịch tả, tụ huyết trùng) vẫn còn xảy ra lẻ tẻ ảnh hưởng lớn đến phát triển chăn nuôi đàn bò.

- Chưa có được hệ thống giết mổ, chế biến sản phẩm động vật tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường và kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm, công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa được đẩy mạnh, chưa hình thành được nhiều các doanh nghiệp, HTX sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi. .

- Trên địa bàn tỉnh chưa có doanh nghiệp đầu tư sản xuất thức ăn hỗn hợp giành cho bò sinh sản, bò thịt. Bên cạnh đó, còn nhiều vướng mắc, khó khăn về thủ tục, nhất là về đất đai nên chưa khuyến khích được các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi bò, phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, nhất là chế biến sâu các sản phẩm từ thịt bò. Việc xây dựng thương hiệu sản phẩm từ bò thịt còn chưa được quan tâm, chưa tương ứng với xu thế hội nhập hiện nay.

## **II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Định hướng phát triển**

- Để có nguồn giống tốt thúc đẩy phát triển đàn bò sinh sản theo hướng tăng chất lượng và khối lượng đàn cái sinh sản, đưa trọng lượng đàn bò cái sinh sản tăng thêm 10% so với hiện nay bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo giữa đàn bò

cái nèn với tinh bò BBB, Brahman, Sind ở vùng thấp và lại cải tạo đàn bò bằng bò đực giống chất lượng cao ở vùng cao.

-Đối với đàn bò thịt, tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng đàn bò thịt bằng phương pháp lai tạo với tinh bò chất lượng cao (BBB, Brhman, Sind ...), nâng khối lượng của bò thịt trưởng thành (24 tháng tuổi) tăng 15 – 20%. Ngoài ra, còn phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, sản xuất theo hướng an toàn sinh học, an toàn thực phẩm, sản phẩm được truy xuất nguồn gốc gắn với chuỗi liên kết. Góp phần thực hiện chương trình nông thôn mới nâng cao đời sống nông dân, đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển hiệu quả, bền vững.

## **2. Một số giải pháp:**

### **a) Về quy hoạch**

Rà soát lại vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi trâu, bò đã được xác định trong đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững, cụ thể:

-Vùng phát triển chăn nuôi trâu gồm 62 xã của 5 huyện, trong đó: Huyện Văn Chấn 9 xã; huyện Lục Yên 18 xã; huyện Mù Cang Chải 11 xã; huyện Trạm Tấu 10 xã; huyện Văn Yên 14 xã.

- Vùng ưu tiên phát triển chăn nuôi bò gồm 31 xã của 3 huyện, trong đó: Huyện Văn Chấn 10 xã; huyện Yên Bình 15 xã; Huyện Trấn Yên 6 xã.

### **b) Về chính sách và khoa học, công nghệ.**

- Tuyên truyền sâu rộng các chính sách của tỉnh về hỗ trợ giống, thụ tinh nhân tạo theo nghị quyết 69/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng liên kết chuỗi. Tiếp tục ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, trang thiết bị chuồng trại, công tác vệ sinh thú y. Tạo cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phục tráng, cải tạo nâng cao chất lượng con giống. Triển khai trên diện rộng chương trình cải tiến và nâng cao chất lượng đàn bò theo hướng Zebu hóa trên cơ sở phát triển nhanh mạng lưới thụ tinh nhân tạo phục vụ nhân giống. Sử dụng bò đực giống ngoại có năng suất, chất lượng cao để nhân giống cải tạo chất lượng đàn bò ở vùng chưa có điều kiện làm thụ tinh nhân tạo. Nhập giống bò thịt có năng suất, chất lượng cao để phát triển chăn nuôi bò theo hướng bán công nghiệp quy mô lớn như giống bò 3B.

- Nâng cao năng lực triển khai các dự án như dự án chăn nuôi bò vỗ béo, cải tạo đàn bò ... trên địa bàn tỉnh để nâng cao tầm vóc đàn bò địa phương, phát triển nghề chăn nuôi bò thịt, vỗ béo bò làm tăng thu nhập cho người chăn nuôi. Duy trì và đào tạo đội ngũ dẫn tinh viên giỏi tay nghề về thụ tinh nhân tạo tiến tới nâng cao trình độ chuyên sâu.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng để nâng cao năng suất, sản lượng sản phẩm trong chăn nuôi bò thịt.

c) Về thức ăn chăn nuôi.

- Quy hoạch và bố trí quỹ đất hợp lý để phát triển trồng cỏ. Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi trâu bò. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để người chăn nuôi tích cực trồng cỏ, tận dụng diện tích đất trống, ven bờ bãi để trồng cỏ và chăm sóc tốt diện tích cỏ trồng, tận dụng chế biến các phế phụ phẩm làm thức ăn cho chăn nuôi bò như rơm, cỏ khô, thân cây ngô... để làm thức ăn dự trữ trong vụ đông.

- Theo ước tính, sản lượng cỏ khai thác từ đồng cỏ và cỏ trồng hiện nay đạt: 1.000.000 tấn. Với quy mô đàn gia súc trâu, bò, dê hiện nay sản lượng trên mới đáp ứng được gần 40%, số thức ăn còn lại chủ yếu là khai thác tận dụng từ rơm rạ, thân ngô, cỏ ven bờ bãi và dưới tán rừng do đó chất lượng thức ăn gia súc chưa đảm bảo, hiệu quả chăn nuôi chưa cao.

- Tận dụng tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn thức ăn từ phụ phẩm nông nghiệp. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn người chăn nuôi các biện pháp phối trộn các loại thức ăn, chế biến phụ phẩm nông nghiệp thành thức ăn giàu dinh dưỡng

để tăng hiệu quả chăn nuôi. Nâng cao tỷ lệ sử dụng thức ăn tinh, thức ăn công nghiệp trong chăn nuôi trâu, bò.

d) Về công tác thú y, phòng chống đói rét và dịch bệnh

- Thực hiện chăn nuôi đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn sinh học; tiêm phòng các loại vắc xin định kỳ và tiêm bổ sung cho đàn vật nuôi để tạo miễn dịch chủ động phòng bệnh cho đàn vật nuôi; thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, bãi chăn thả...; tẩy ký sinh trùng trước khi bước vào vụ Đông.

- Cập nhật diễn biến thời tiết, khí hậu, thông tin kịp thời thường xuyên để người chăn nuôi biết, không chủ quan và bị động. Chủ động các biện pháp phòng, chống đói rét cho đàn vật nuôi; dự trữ rơm rạ sau khi thu hoạch vụ mùa; trồng cỏ, trồng ngô dày trên diện tích đất không sử dụng trồng cây vụ đông, đất hoang, đất ven đồi, rừng... để cung cấp thức ăn thô, xanh cho trâu, bò vào vụ đông; sửa chữa, che chắn chuồng trại và có kế hoạch, phương án phòng chống đói rét, dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

e) Về xúc tiến thương mại và liên kết chuỗi.

Phát triển rộng mô hình các chuỗi liên kết trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; Thúc đẩy, quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm chăn nuôi. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh trong công tác phòng, chống dịch bệnh và liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

f) Tăng cường công tác thanh kiểm tra

Tăng cường thanh kiểm tra các cơ sở chăn nuôi, cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm để tuyên truyền, hướng dẫn đảm bảo Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật An toàn thực phẩm. Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh với phương châm phòng là chính, phát hiện nhanh, xử lý kịp thời, triệt để không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng, giảm thiểu thiệt hại ở mức thấp nhất. Tập trung hướng dẫn các cơ sở

xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường xảy ra trên đàn bò (LMLM, viêm da nổi cục ...).

g) Về kiến nghị đề xuất

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành liên quan và các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi có những giải pháp để giảm giá thành thức ăn chăn nuôi đặc biệt là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh phục vụ công tác chăn nuôi bò vỗ béo.

- Tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương thực hiện việc chăn nuôi an toàn sinh học, nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh, đặc biệt là chăn nuôi bò trong điều kiện bệnh viêm da nổi cục có thể bùng phát bất kể lúc nào; Sản xuất theo chuỗi khép kín nhằm ổn định sản xuất chăn nuôi tăng sản phẩm an toàn đảm bảo chất lượng.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định tại Luật Chăn nuôi 2018. Việc quy hoạch vùng chăn nuôi trong đó chú trọng đối với chăn nuôi bò cần tiếp tục triển khai thực hiện để chủ động trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cũng như tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về chăn nuôi./.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH YÊN BÁI**

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---



## **KẾT QUẢ CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRANG TRẠI NÔNG HỘ GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

**Vũ Kim Tuyền**

**Địa chỉ: Thôn 6 xã Thuận Mỹ- Ba Vì – Hà Nội**

Tôi có trang trại chăn nuôi bò tại thôn 6 xã thuận Mỹ - Ba Vì Hà Nội, với quy mô trên dưới 100 con với diện tích đất là hơn 1 ha. Tôi khởi nghiệp từ cuối năm 2014 với số lượng ban đầu là 04 con. Được sự giúp đỡ về kỹ thuật của Công ty Cổ phần giống gia súc Hà Nội, sự ủng hộ của các cấp Chính quyền địa phương tôi đã mạnh dạn đầu tư và số vốn đã tăng dần theo năm tháng sau mấy năm thì trang trại tôi luôn có số lượng trên dưới 100 bò, mỗi năm cung cấp ra thị trường gần 100 tấn thịt bò.

Cùng với sự phát triển về số lượng đàn bò thì chất lượng giống của đàn bò cũng được tốt hơn thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương, có nhiều giống bò thịt có chất lượng cao, tổ hợp lai đa dạng và phong phú hơn: Tổ hợp lai bò BBB\*Laisin, BBB\* Brahman, BBB\* charolai, Sênepol \* Laisin... chúng đều cho năng xuất cũng như chất lượng thịt tốt.

Tại Thuận Mỹ quê tôi là vùng đất bãi sông Đà nên có diện tích lớn trồng ngô, chuối, đậu, lạc.... đây là nguồn thức ăn thô xanh vô cùng quý giá đối với chăn nuôi bò. Từ những kỹ thuật đã được hướng dẫn tôi đã thu gom những sản phẩm phụ của nông nghiệp về chế biến như Ủ chua, phơi khô để dự trữ, kết hợp với một số diện tích trồng cỏ...trang trại đã thực hiện phối hợp khẩu phần ăn cho từng lứa tuổi theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật Công ty và Khuyến nông.

Việc chăm sóc nuôi dưỡng bò cũng được phân ra từng lứa tuổi bê từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi, từ 12 tháng đến khi vỗ béo và giai đoạn vỗ béo, mỗi giai đoạn sẽ có khẩu phần ăn phù hợp để đàn bò được phát triển một cách tốt nhất.

Việc phòng bệnh cho bò thì trang trại thực hiện tiêm phòng định kỳ theo hướng dẫn ( LMLM một năm 2 lần, VDNC năm 1 lần, THT năm 3 lần, Tẩy giun sán 6 tháng 1 lần , và phun thuốc sát trùng định kỳ)

Trang trại có 2 khu chuồng nuôi , một chuồng nuôi bê bằng chất đệm sinh học Việc sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi ngoài việc tiết kiệm được một lượng lớn nước và công lao động vì không phải rửa chuồng và tắm bò còn hạn

chế được một lượng lớn nước thải chăn nuôi ra môi trường và làm giảm mùi hôi của chuồng trại, giảm thiểu ô nhiễm và lây lan mầm bệnh, nhất là những cơ sở chăn nuôi nằm trong khu đông dân cư. Đặc biệt còn tạo ra nguồn phân bón hữu cơ đảm bảo vệ sinh môi trường cung cấp cho cây trồng.

Một khu chuồng nuôi bò thịt vỗ béo. Về chuồng trại luôn sạch sẽ và thoáng mát, có hệ thống chống nóng, hệ thống nước uống tự động. Tất cả chất thải được thu gom cho vào hố ủ có dải men vi sinh.

Thực tế cho thấy sau 7 năm chăn nuôi bò thịt, bò vỗ béo tôi thấy bò tăng trọng lượng nhanh nhờ chế độ ăn uống tốt, bò có sức đề kháng cao, ít bị bệnh; chất lượng thịt tốt nên được thương lái ưa chuộng, bán được giá cao...

Hiện nay trang trại lại được tham gia vào chuỗi liên kết giữa các đơn vị tiêu thụ sản phẩm với cơ sở sản xuất, hộ nông dân để phát huy thế mạnh của mỗi bên nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, tăng tính cạnh tranh, thương hiệu, uy tín thị trường. Năm 2022, cùng với việc triển khai mô hình Khuyến nông trung ương thuộc Dự án “*Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm*”. Đã giúp cho trang trại yên tâm chăn nuôi hơn.

Thay mặt cho các hộ chăn nuôi tôi xin chân thành cảm ơn Công ty CP Giống gia súc Hà nội, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các cấp chính quyền Địa phương đã giúp đỡ trang trại chúng tôi ngày càng được phát triển hơn.

**Vũ Kim Tuyên**




## MỘT SỐ TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ CHĂN NUÔI TRẤU BÒ GIAI ĐOẠN 2016-2022

**TS. TĂNG XUÂN LƯU**  
Trung tâm nghiên cứu  
Bò và Đồng cỏ Ba Vì -  
Viện chăn nuôi

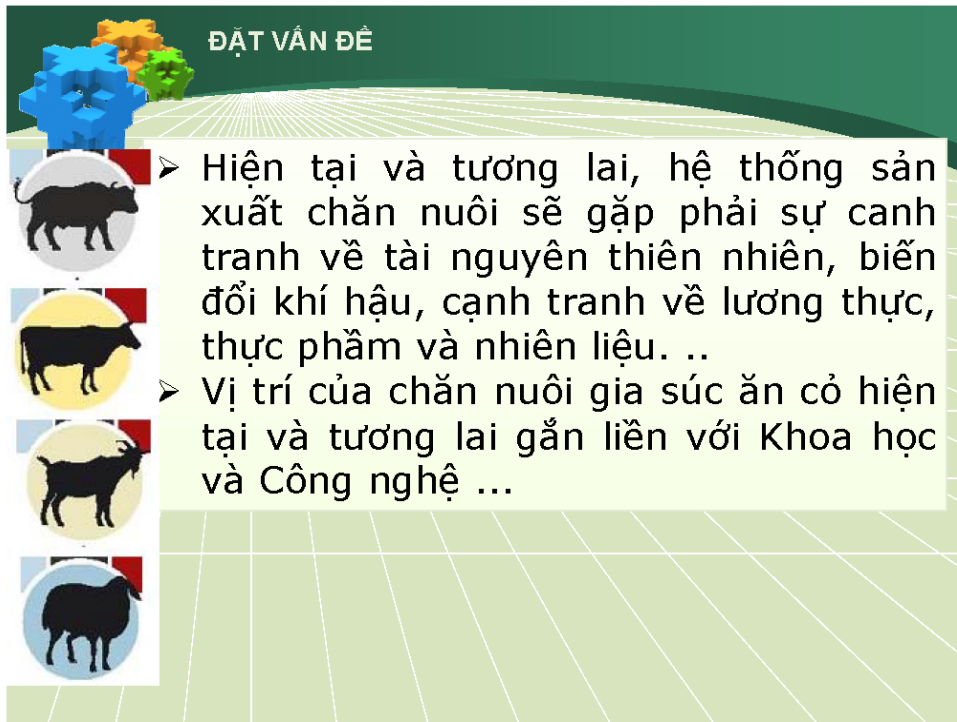


### ĐẶT VẤN ĐỀ



- Gia súc nhai lại nói chung và bò nói riêng đóng góp quan trọng vào sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực về protein, sinh kế, an ninh Quốc phòng vùng biên giới và các giá trị văn hóa xã hội.
- Nhu cầu về thịt, sữa và các sản phẩm từ thịt, sữa ngày càng tăng cả về lượng và chất.
- Chăn nuôi gắn liền với sự phát triển của khoa học và công nghệ, hiệu quả và bền vững về môi trường.

**ĐẶT VẤN ĐỀ**



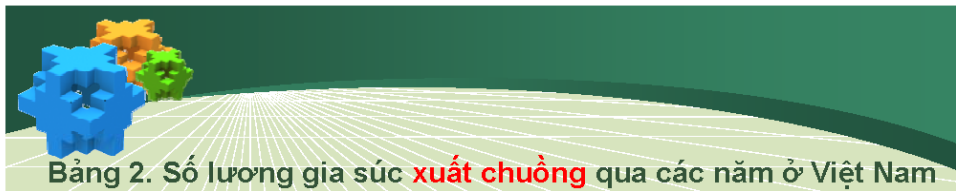
- Hiện tại và tương lai, hệ thống sản xuất chăn nuôi sẽ gặp phải sự cạnh tranh về tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, cạnh tranh về lương thực, thực phẩm và nhiên liệu. ..
- Vị trí của chăn nuôi gia súc ăn cỏ hiện tại và tương lai gắn liền với Khoa học và Công nghệ ...

**Số lượng gia súc ở Việt Nam**

**Bảng 1. Số lượng đàn gia súc qua các năm ở Việt Nam**

Năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2021
Trâu (con)	2.519.411	2.491.662	2.425.105	2.387.887	2.292.945
Bò thịt (con)	3.147.941	3.575.860	3.395.049	5.742.295	5.991.306
Bò sữa (con)	282.990	301.649	294.382	317.729	331.273
Bò tiết sữa (con)	179.769	185.843	196.671	209.111	222.255
Ngựa (con)	54.117	86.759	53.473	50.691	49.387
Đê (con)	2.021.003	2.556.267	2.683.942	2.609.198	2.675.188
Cừu (con)	126.133	168.128	150.022	121.416	105.794


Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022



**Bảng 2. Số lượng gia súc xuất chuồng qua các năm ở Việt Nam**

Năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2021
Trâu (con)	396.995	400.421	414.193	426.306	525.398
Bò thịt (con)	1.603.790	1.652.125	1.716.398	1.794.421	2.283.878
Ngựa (con)	7.812	16.991	9.051	8.811	9.218
Dê (con)	791.252	1.095.198	1.256.421	1.399.055	1.446.861
Cừu (con)	57.891	64.431	78.368	91.298	87.290

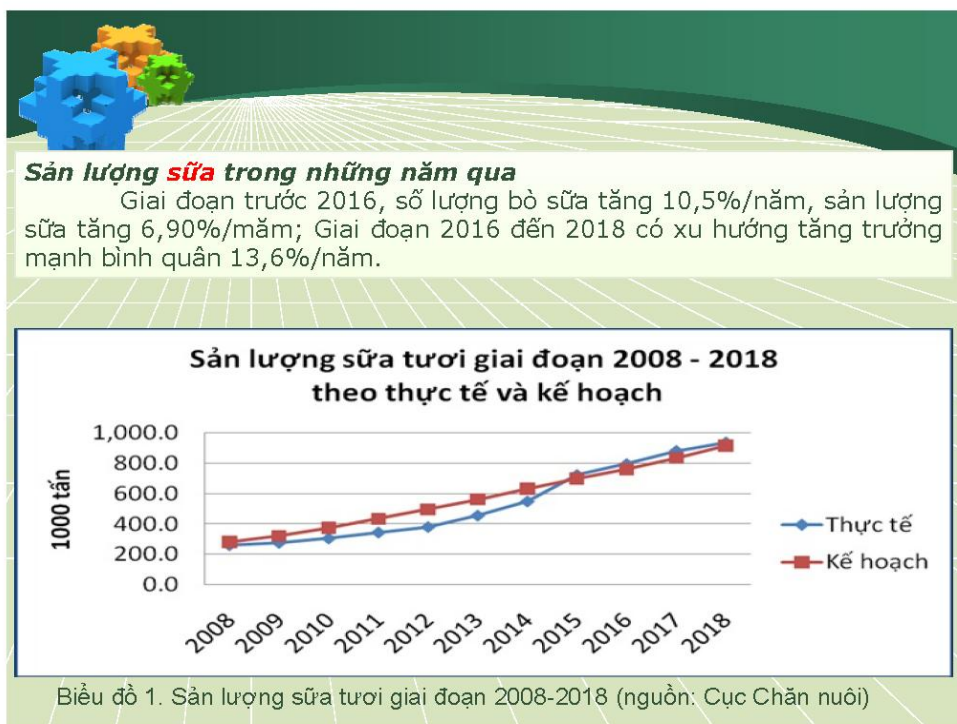
Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022



**Bảng 3. Số lượng thịt gia súc xuất chuồng qua các năm ở Việt Nam**

Năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2021
Trâu (tấn)	86.630	87.959	92.110	94.478	122.968
Bò thịt (tấn)	308.608	321.665	334.471	355.287	466.417
Ngựa (tấn)	1.235	1.584	1.383	1.350	1.422
Dê (tấn)	21.142	26.259	30.329	34.318	43.135
Cừu (tấn)	1.480	1.887	2.143	2.333	2.237
Sản lượng sữa (tấn)	795.143	881.260	936.002	986.122	1.070.773

Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022





## MỘT GIỐNG GIỐNG MỚI VÀ CON LAI Ở VIỆT NAM giai đoạn 2016-2020

### Các giống mới được nhập khẩu

- Được quan tâm đối với các dòng có tính đột phá: **Chất lượng, năng suất, thích ứng** với điều kiện sinh thái và **loại hình, tập quán** chăn nuôi ở Việt Nam.
- Chú trọng giống thuần cả đực và cái: Bò: HF, Brahman, Angus, Senepol, BBB, ... và tinh phi đông lạnh
- Trâu: Trâu đầm lầy (swamp buffalo) nhập từ Thái Lan, trâu Murah..
- Bò sữa: Vai trò của các doanh nghiệp nhập bò sữa thuần, tinh, phi phân giới từ các nước phát triển như Mỹ, Newzelan .. đã làm tăng năng suất, chất lượng đàn trong nước.





### Các kết quả trong nghiên cứu về lai tạo giống giai đoạn 2016-2020

- Kết quả lai tạo giữa bò đực BBB với lai Zebu ở Việt Nam cho thấy khối lượng sơ sinh  $\geq 26,0$  kg, 6 tháng tuổi (174 kg), 12 tháng tuổi (309 kg), 18 tháng tuổi đạt 377 kg. Đây là một trong những tổ hợp lai nuôi thương phẩm thành công và được nhiều địa phương trong cả nước đón nhận.
- Các tổ hợp lai bò Vàng, bò lai Zebu với các giống chuyên thịt: Brahman, Red Angus, Drought Master, BBB tạo ra con lai có khả năng tăng trọng cao, tỷ lệ thịt xẻ cao hơn từ 25- 30%. Bò vỗ béo tăng trọng từ 750- 900 g/con/ngày, khối lượng thịt tinh tăng 15-20%.
- Tổ hợp lai theo hướng chất lượng cao: Bò Wagyu x lai Zebu và Holstein (HF) bước đầu cho kết quả hai tổ hợp lai này đều cho thịt có chất lượng cao hơn, mềm và thơm hơn. Đặc biệt là tổ hợp lai giữa bò Wagyu x Holstein có tỉ lệ mỡ dất trong cơ cao hơn hẳn, thịt mềm, thơm, mọng nước và được người tiêu dùng đánh giá cao.

### Bò lai BBB (Blanc Bleu Belge)

- ❖ Quy trình kỹ thuật, nuôi và vỗ béo: Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật số: 221/QĐ-CN-MTCN, ngày 05/8/2020 "Quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng và vỗ béo bò lai F1 BBB (Blanc Bleu Belge) và bản tóm tắt mô tả tiến bộ kỹ thuật.
- ❖ Kết quả: Tăng trọng bình quân 850-1000 gram/ ngày
- ❖ Kết quả vỗ béo: 1200-1600 gram/con/ ngày



### Con lai Senepol



- Ss: 23-35 kg
- Tăng trọng: 750-1200 gram/0-6 tháng
- KI: 11 tháng tuổi 275 kg

### CÁC THỂ HỆ CON LAI Ở VIỆT NAM

- Vô khả năng sản xuất cao hơn;
- Chất lượng thịt ngon hơn;
- Hiên lạnh hơn;
- Nuôi bê nhanh lớn hơn (vì mẹ nhiều sữa hơn);
- Khả năng kháng bệnh tốt hơn;
- Khả năng chuyên hóa thức ăn tốt hơn
- Khả năng tăng trọng cao hơn;
- Thời gian nuôi và vỗ béo đạt khối lượng nhanh hơn;
- Mang lại hiệu quả kinh tế đích thực cho người chăn nuôi
- Đặc biệt tại các vùng khó khăn và vùng dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu;
- Phù hợp với thực tế ở các vùng khó khăn và tập quán chăn nuôi ở





### Giống Trâu và Trâu lai 2016-2020

- Sản xuất tinh trâu nhập từ Thái Lan: Lượng xuất tinh TB 3,17 ml - 3,76 ml; Hoạt lực tinh trùng 78,84% - 86,24%; Nồng độ tinh trùng 910,5 triệu/ml - 924,7 triệu/ml; Tỷ lệ tinh trùng kỳ hình 16,18% - 14,52%; Tỷ lệ tinh trùng sống 73,09% - 77,43%. Số lượng tinh cọng rạ sản xuất đạt chuẩn 191,56 cọng rạ/lần (90%). Hoạt lực tinh trùng sau giải đông 51,54%.
- Nghé lai tăng khối lượng cơ thể cao hơn trâu nội 2-17% (36 tháng).

### Kết quả ứng dụng Công nghệ sinh sản giai đoạn 2016-2020



- Quy trình KTTTNT chủ động "Fixtime IA" cho Trâu đã cho kết quả cao trong sản xuất



### Các kết quả nghiên cứu và sản xuất về Dinh dưỡng và thức ăn giai đoạn 2016-2020

➢ Đã sản xuất được thức ăn FTMR từ phụ phẩm: thân bắp, ngọn mía, cám lau, bột bắp, khoai mì lát, rỉ mật và khô dầu đậu phộng..cho bò sữa, bò thịt làm tăng năng suất, chất lượng sữa, thịt lên 16-25%



## SẢN PHẨM CHỐNG SÁT NHAU VÀ BẠI LIỆT CHO BÒ TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐÈ



- Hỗn hợp cation- anion 80-120g/ ngày cho khẩu phần hàng ngày bò sữa, thịt sinh. Chống sát nhau, bại liệt, giảm bệnh canxi huyết, A xít dạ cỏ, Keton, sốt sữa đến 75-100%.
- ❖ Sử dụng 100-120 gram/con/ ngày giải quyết được:
  - sát, sốt nhau đến 98%
  - Bại liệt : 100 %
  - Giảm bệnh sốt sữa : 100%
  - Thời gian động dục lại sau khi đẻ sớm hơn 20-25 ngày



## Các kết quả trong nghiên cứu về Công nghệ sinh sản giai đoạn 2016-2020



- Chủ động sản xuất vòng tẩm Progesteron (ProB- Cird) trong nước để nâng cao sinh sản cho Trâu Bò và giảm giá thành sản xuất
- Quy trình sinh sản chủ động cho Trâu, Bò bằng hormone GnRH và PGF<sub>2a</sub> kết hợp vòng CIDR cho hiệu quả gây động dục tốt (84,21%).



**Các kết quả trong nghiên cứu về Công nghệ sinh sản giai đoạn 2016-2020 ...**

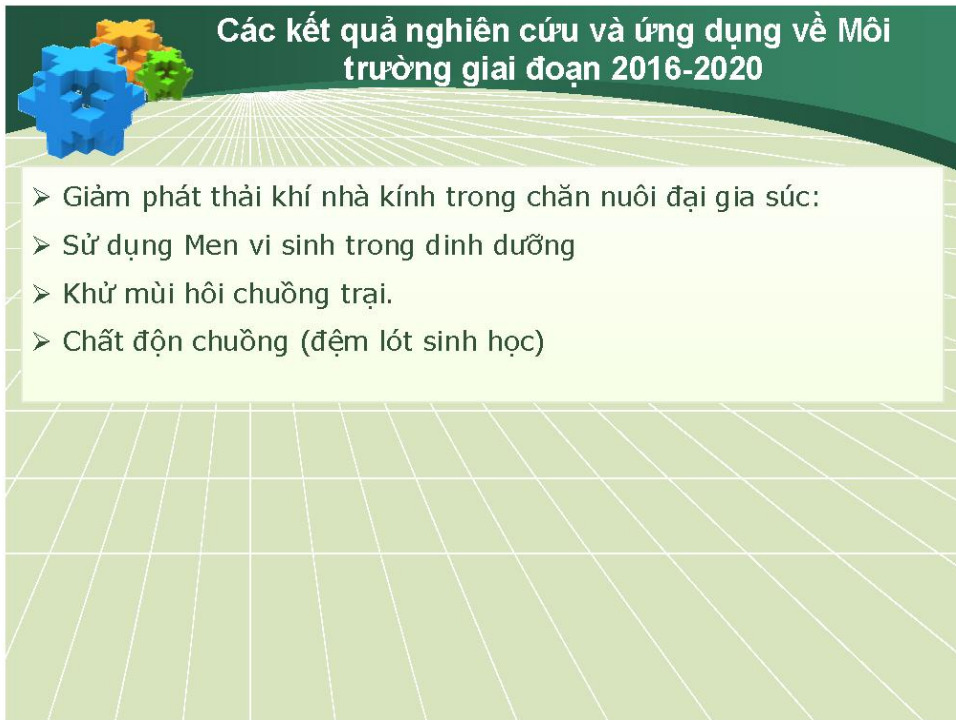
- ❖ Cải tiến quy trình gây rụng trứng nhiều trên bò sữa (Viện nghiên cứu bò sữa TH cùng nhóm tác giả đã cho kết quả:
- ❖ Tạo phôi 16 đến 32 phôi (a,b)/ lần/bò, Tỷ lệ đậu thai của phôi tươi 52%, phôi đông lạnh 44.5% - 46.9%, tỉ lệ sống của bê sinh ra 92.2% - 96.5%
- ❖ Đánh dấu một bước ngoặt cho công nghệ Phôi Việt Nam



**Các kết quả trong nghiên cứu về Công nghệ sinh sản giai đoạn 2016-2020 ...**

- ❖ Có Quy trình Phối giống cho bò sử dụng tinh phân định giới tính cái trên bò sữa đã tăng tỉ lệ phối giống có chứa lần một từ 30 % lên 80-83%:





### Các kết quả nghiên cứu và ứng dụng về Môi trường giai đoạn 2016-2020

- Giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi đại gia súc:
- Sử dụng Men vi sinh trong dinh dưỡng
- Khử mùi hôi chuồng trại.
- Chất độn chuồng (đệm lót sinh học)

### TẠO ĐỆM LÓT SINH HỌC: SX PHÂN HỮU CƠ VI SINH



**Nguyên liệu:** vỏ cây keo, thân lõi ngô sau thu hoạch, rơm, rạ, bã mía, sản phẩm sau làm nấm ( bịch chân nấm), than bùn... nghiền nhỏ phơi khô





## VI SINH TRONG DINH DƯỠNG THỨC ĂN GIA SÚC

- ❖ Xử lý thức ăn xanh thô
- ❖ Xử lý phế phụ phẩm từ ngành công nghiệp chế biến thực phẩm
- ❖ Tăng giá trị protein - tiêu hóa trong thức ăn tinh - hạt ngũ cốc
- ❖ Tăng số lượng, chất lượng hệ vi sinh trong đường tiêu hóa





## CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI CỦA HAI GIÒNG CỎ VOI MỚI ...



### Cỏ voi lùn (*Pennisetum purpureum*):

- Chất xanh **70,09 – 72,23%** (90 ngày), VCK là 19,65 -22,0%, protein thô 9,2 -9,7%, tỉ lệ sử dụng 84,6-87,5%.

- Chịu hạn, chịu lạnh cao hơn các dòng cỏ voi hiện nay

- Năng suất: 200-400 tấn/ha/năm



### Cỏ voi xanh:

Chất xanh **60–65,%** (90 ngày), VCK là 18,60 -20,0%, protein thô 6,8 -7,2%, tỉ lệ sử dụng 79,0-82,0%.

- Năng suất: 250-450 tấn/ha/năm

- Mềm hơn các dòng cỏ voi hiện có



## BỆNH NHIỄM KHUẨN ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP Ở BÒ



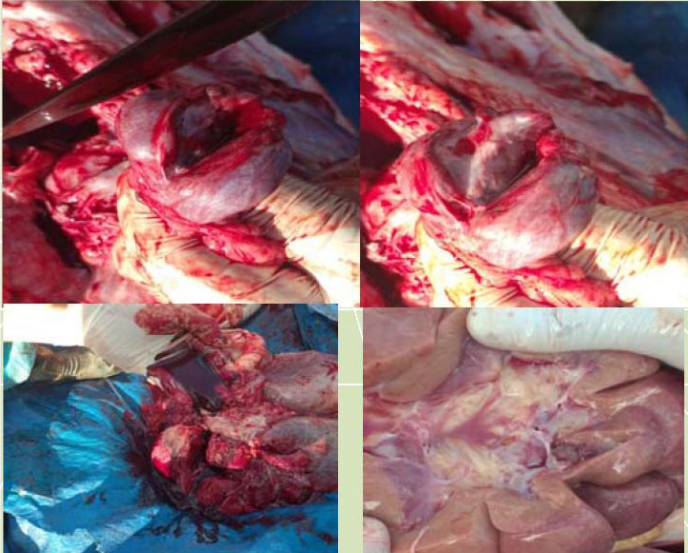
### Các chủng:

- Parainfluenza-3;
- Rihnotracheitis (IBR)..
- Xoán trùng – leptospira; L ..)

**Vaccin: Cattemaster 4,5**



## BỆNH TAN HUYẾT Ở BÒ (Bovivirus-Satcovi-2)



Cần thiết phải nhập vắc xin để tiêm phòng cho đàn gia súc ăn cỏ Việt nam

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Cần cải tiến có chính sách Khuyến nông để người dân tiếp cận được Các Tiến bộ kỹ thuật mới Trong nước và trên thế giới một cách nhanh nhất : Thích ứng từng vùng sinh thái, không tụt hậu và lạc hậu (đồng nghĩa với đỡ tốn kém nguồn ngân sách nhà nước)

**Lĩnh vực giống**



### Tập trung vào DINH DƯỠNG :

- Chất lượng sản phẩm đến trên 60% phụ thuộc vào dinh dưỡng và Quy trình nuôi ? !



### Lĩnh vực Thức ăn mới :

- Cuộc cách mạng về dinh dưỡng - thức ăn chế biến sẵn cho đại gia súc (TMF- giống như thức ăn cho lợn, gà)



### Quy trình và Công nghệ ...



- ❖ Tiêu chuẩn hóa khẩu phần ăn
- ❖ Quy trình kỹ thuật tương ứng với từng đối tượng và giai đoạn của vật nuôi ...



### MÔI TRƯỜNG chăn nuôi



- CÔNG NGHỆ BIOTIC :
- DINH DƯỠNG
- MÔI TRƯỜNG
- ...

## DỊCH TỄ - THÚ Y ...



- ❖ Bệnh: LMLM đa Tụp: O, A, C, Asia, SAT1, SAT2, SAT3; -
- ❖ Nhiễm khuẩn đường hô hấp, lépto ...
- ❖ Tan huyết (Bovivirus-Satcovi-2)
- ❖ Bệnh Black led
- ❖ Vi rút biến thể mới ...
- ❖ Bệnh chuyển hóa trong dinh dưỡng ...

## CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH



GIẾT MỠ NHÂN ĐẠO	BẢO QUẢN THỊT CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN
<ul style="list-style-type: none"><li>❖ Con vật sạch sẽ, thoải mái trước khi giết mổ.</li><li>❖ Không đau đớn.</li><li>❖ Quy trình tiên tiến</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>❖ Bảo quản thịt ở nhiệt độ âm sâu (-18°C) trong thời gian dài.</li><li>❖ Thịt không bị đóng đá tế bào, giữ nguyên được hương vị thơm ngon vốn có của thịt</li></ul>
CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN	
<ul style="list-style-type: none"><li>❖ Quy trình nhanh chóng, giảm thiểu sự xâm nhập của vi khuẩn</li></ul>	



## CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

- ❖ Một bước đột phá mới trong ngành chăn nuôi Việt Nam
- ❖ MỠ MÁT – THỊT TƯƠI – THỜI GIAN TRƯNG BÀY BÁN LẺ LÂU DÀI MÀ VẪN GIỮ NGUYÊN ĐƯỢC HƯƠNG VỊ VỒN CÓ CỦA THỊT TƯƠI
- ❖ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG BẢO QUẢN THỊT – CÓ THỂ GIỮ THỊT TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI, Ở NHIỆT ĐỘ ÂM SÂU – VẪN DUY TRÌ TỐT ĐỘ NGON, NGỌT, THƠM – HẤP DẪN

## ĐẠI GIA SỨC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG !

### TAM NÔNG (3N)

- ❖ NÔNG NGHIỆP THỊNH VƯỢNG
- ❖ NÔNG DÂN GIÀU CÓ
- ❖ NÔNG THÔN VĂN MINH



Tổng bí thư phát biểu tại HVNNVN  
(30/10/2018)







*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

## HIỆP HỘI GIA SÚC LỚN

### SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Tài cơ cấu Nghiên cứu khoa học và Công nghệ trong Nông nghiệp giai đoạn 2018-2030)

### NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ TUẦN HOÀN BÒ THỊT CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT NAM

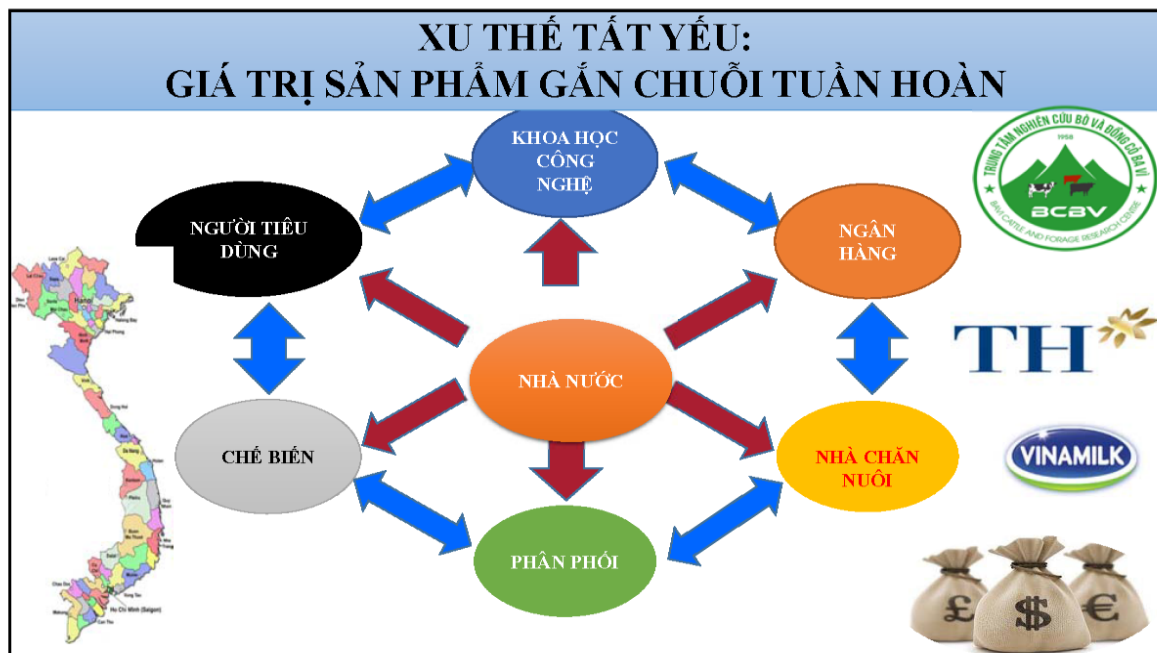
Ba Vì, tháng 6 năm 2022



## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

- Việt Nam là đất nước Nông nghiệp !
- Nên văn minh lúa nước gắn liền với: con trâu là đầu cơ nghiệp !
- Vị trí của con bò "Việt" trong tâm thức người tiêu dùng ?
- Bò: Thế giới ngày nay và hiện tại Việt Nam: giống ? kỹ thuật ? Công nghệ ? ? !
- Bước đi nào ? !?

**Khoa học Công nghệ và Văn hóa ẩm thực- Bản địa**



## CHUỖI BAO GỒM:

**Khoa học công nghệ:** Nghiên cứu theo chuỗi giá trị

- **Giống** : Yếu tố tiền đề
- **Môi trường** chăn nuôi: Không gian - chuồng trại - khoảng cách
- **Kiểm soát** chất thải và xử lý chất thải
- **Đồng cỏ và cỏ** (thức ăn chăn nuôi)
- **Chăn nuôi** : Quy trình - dinh dưỡng- kiểm soát thú y- Phúc lợi động vật (Animal Welfare- Ứng xử vật nuôi)
- **Giết mổ** - "nhân đạo" (Cái chết nhẹ nhàng)
- Sơ chế sau giết mổ
- Thương hiệu - **Thị trường** - Người tiêu dùng



## I. LỰA CHỌN GIỐNG ? - SẢN PHẨM GÌ ?

Tìm hiểu bò Wagyu-Kobe Nhật Bản:

Trong Tiếng Nhật 和牛; phiên âm: Wagyu/Hòa ngư) là tên gọi chung của các giống bò Nhật Bản. Wa- trong tiếng Nhật có nghĩa là phong cách Nhật Bản. Còn -Gyu trong tiếng Nhật ám chỉ con bò. Vậy nên bò Wagyu Nhật Bản có nghĩa Bò Phong cách Nhật Bản.

Bò Nhật Bản bao gồm bốn giống:



**Bò đen Nhật Bản**  
(*Kuroge Washu*)

**Bò nâu Nhật Bản**  
(*Akage Washu*)

**Bò cụt sừng Nhật Bản**  
(*Mukaku Washu*)

**Bò sừng ngắn Nhật Bản**  
(*Nihon Tankaku Washu*)

### 1.1. NGUỒN GỐC BÒ WAGYU?



+ Có một vài bằng chứng về phân tách gen trong giống bò Wagyu khoảng 3.500 năm trước. Giống bò Wagyu hiện đại là kết quả của việc lai tạo giống bò bản địa tại Nhật Bản với các giống bò nhập khẩu. Việc nhân giống bắt đầu từ năm 1868 sau khi đế chế Minh Trị phục hồi. Chính phủ Nhật cũng bắt đầu nhập các giống bò: Brown Swiss, Devon, Shorthorn, Simmental, Ayrshire và bò Hanwoo Hàn Quốc ở thời kỳ này.

+ Vào năm 1997, Chính phủ Nhật Bản Công bố giống bò Wagyu là báu vật quốc gia và cấm xuất khẩu gia súc sang các nước khác.

→ Tuy nhiên, một số Phôi và bò sống đã được xuất khẩu (không chính ngạch) từ Nhật Bản sang Mỹ và Úc vào đầu những năm 1990.



### 1.2. THỊT BÒ WAGYU VÀ THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG RA SAO ?

→ Bò Wagyu - một loại “siêu chất lượng thịt bò” được biết đến với vẻ ngoài của “khối thịt” giống như **đá cẩm thạch**.

→ Thịt ngon và đắt đỏ nhất thế giới: **Vân mỡ xen kẽ vào sợi cơ, thịt** với tỉ lệ tương đồng nhau giúp cho thịt khi chế biến không bị khô mà luôn mềm, giữ hương thơm, vị đậm tạo cảm xúc ngon miệng !



### 1.3. YẾU TỐ NÀO TẠO NÊN CHẤT VÀ SỰ ĐẶC TRUNG ?

**Chỉ có giống bò này mới tổng hợp dinh dưỡng để cho ra loại mỡ đỏ giàu hàm lượng omega-3, omega-6 (DHA)**

- + Quy trình nuôi rất khắt khe: sử dụng đa dạng thức ăn (50-60 loại) trong thời kỳ vỗ béo.
- + 600 ngày trước khi giết thịt: Bò tắm bằng nước ấm, massage hàng ngày bằng chổi rom, bò được ăn 4.800 loại thực phẩm khác nhau để chúng tăng cân và tích mỡ.
- + Bò được nghe nhạc giao hưởng của Mozart, Beethoven,...
- + Thịt và mỡ của chúng chứa nhiều omega-3, omega-6 với tỷ lệ vượt trội hơn hẳn nhiều lần so với các thịt thông thường khác.
- + Xương: Khi sử dụng vào mục đích "hầm" lấy nước nấu xúp có độ ngọt, thơm ngon, không có mùi "sin hay hôi" như mỡ bò bình thường.



### 1.4. GIÁ TRỊ SỨC KHỎE CHO CON NGƯỜI TỪ THỊT BÒ WAGYU ?



- + Cung cấp DHA, tăng cường trí nhớ
- + Giảm cholesterol
- + Ngăn ngừa bệnh mạch vành
- + Giúp giảm cân
- + Tốt cho tim mạch
- + Cải thiện hệ thống miễn dịch
- + Giúp chống ung thư
- + Giảm nguy cơ bệnh tim
- + Giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường típ 2



THỊT BÒ WAGYU ĐỎ CÓ HÀM LƯỢNG CHOLESTEROL T  
HẤP NHẤT TRONG 100 gam thịt:

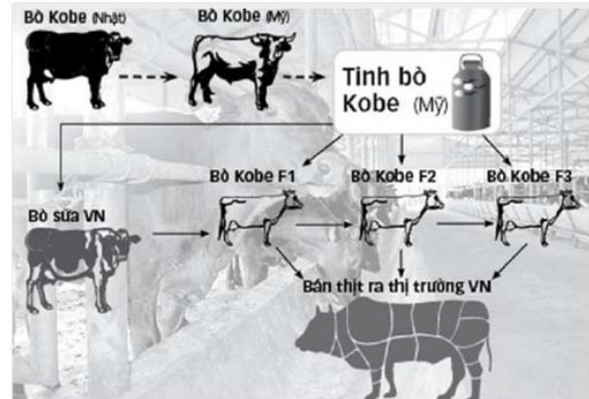
Wagyu - 10 mg; Cá - 28 mg ; Thịt gà tây - 36 mg; Thịt gà - 32 mg;  
Thịt trâu - 39 mg; Thịt thỏ - 32 mg ; Thịt nai - 45 mg.

*Nguồn: Đại học Bang Washington*

## 1.5. ĐẶT NỀN MÓNG CHO LAI, TẠO BÒ WAGYU- BA VÌ ?

- Tìm hiểu trên nền con lai
- Chọn công thức lai: sử dụng cái HF tại Trung tâm

- + Tháng 4 - 2014: Thịt bò Wagyu-Kobe Nhật Bản chính thức được nhập khẩu vào Việt Nam
- + Năm 2009, Công ty "Kobe-Việt Nam" khởi đầu xây dựng trang trại bò Kobe tại Lâm Đồng
- + Năm 2017, Trung tâm nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì- Viện chăn nuôi Hà Nội khởi tạo,



## ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TRONG CẢ NƯỚC

Cái làm nền tạo con lai:

1. Bò Hostein Frisian (HF):
2. Bò người dân tộc Mông ( H'Mong)

Đặc điểm nổi bật: sợi thịt, cơ mịn, thịt mềm, khối lượng to khả năng tích trữ mỡ khi nuôi vỗ béo



## BÒ H'MÔNG



- Bò H'mông có nguồn gốc từ sự lai tạp giữa hai dòng bò không có u (*Bos taurus*) và có u (*Bos indicus*).
- Bò H'Mông có quan hệ di truyền gần với giống bò Hanu của Hà Quốc và bò đen Nhật Bản.
- Khối lượng: sơ sinh 15-16 kg, trưởng thành: bò đực 260 -380 kg, bò cái 220 -300 kg. Trên 3 năm: con đực 450-700 kg, con cái: 450-500 kg (Tầm đại), thịt mềm hơn bò lai Sind, Brahman,
- Khả năng tăng trọng: sơ sinh - 6 tháng: 350 đến 450 g/con/ngày, khi vỗ béo có điểm mỡ đạt tương đương với bò Hanu Hà Quốc ở mức 1+ đến 2+ và có tỷ lệ axit béo không bão hòa (n6PUFA) ở mỡ giết cao hơn bò Angus, .

## BÒ H'MÔNG

- 24 tháng tuổi con đực 321,3 kg, cái 267,4 kg, Vỡ béo 567 đến 767 g/con/ngày, tỷ lệ thịt xẻ 54,44 - 55,46%; thịt tinh 44,87-45,44%, xương 10,02 - 10,55%; tỷ lệ thịt loại 1 cao (>45%).

- Thịt vật chất khô 23,41%, protein 20,14%, khoáng tổng số 1,02%, mỡ 0,73- 1,1%.
- Giàu dinh dưỡng, đủ các loại amino acid, đặc biệt amino acid thiếu yếu: Phenylalanine, Lysine, Leucine, Isoleucine, Threonine, Valine, Methionine.



## BÒ HANWOO HÀN QUỐC

- Bò đực trưởng thành 437 kg, điểm số mỡ dất đạt 5,6 trong hệ thống chấm điểm chất lượng của Hàn Quốc.
- Thịt bò Hanwoo có tỷ lệ axit béo không bão hòa đa n6 PUFA cao hơn bò Angus, thấp hơn bò đen Wagyu nhật Bản.
- Mỡ bò Hanwoo và Wagyu có hàm lượng axit oleic cao với nhiệt độ nóng chảy thấp và độ mềm cao so với các loại thịt bò có hàm lượng axit oleic thấp hơn ở những giống bò khác. Giá 3.500.000- 12.000.000 đồng/kg



## TRUYỀN NĂNG LƯỢNG VÀ KHÍCH LỆ ĐỘNG VIÊN CỦA LÃNH ĐẠO BỘ: THỦ TRƯỞNG **LÊ QUỐC DOANH** (2017) và THỦ TRƯỞNG **PHÙNG ĐỨC TIẾN** (2020)



## BÒ LAI WAGYU SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN TẠI TRUNG TÂM

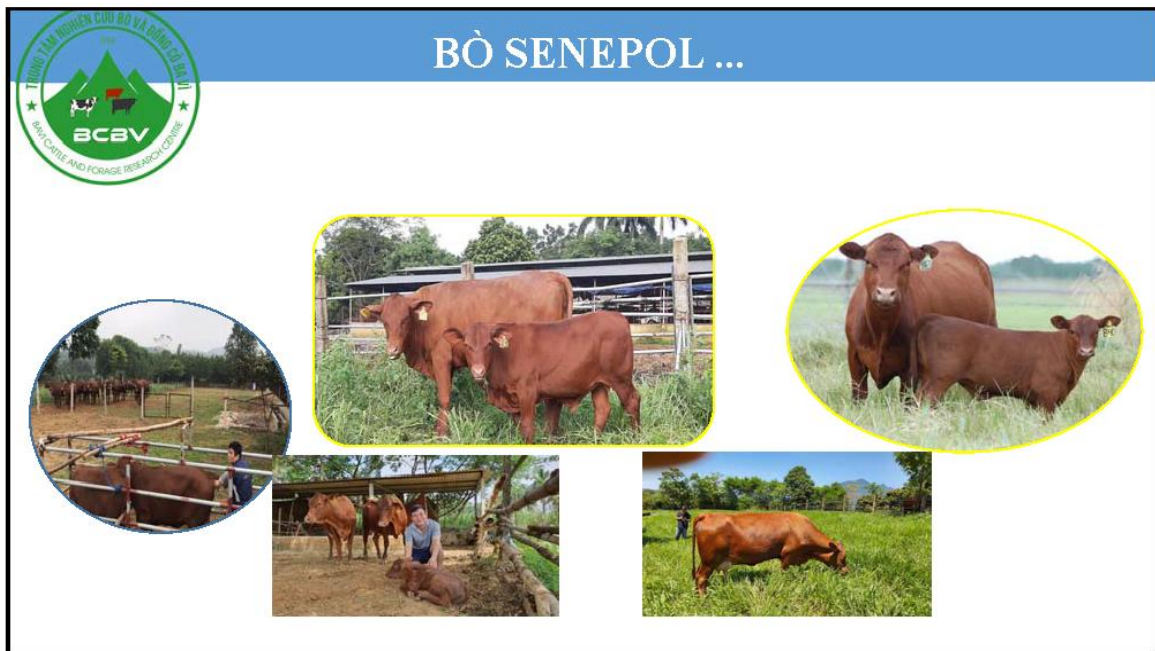
- Công nghệ: Thụ tinh nhân tạo
- Lựa chọn giới tính: tăng tỉ lệ bê đực
- Công nghệ Phôi: tạo phôi và bê 3/4 Wagyu
- Dinh dưỡng
- Quy trình chăn nuôi



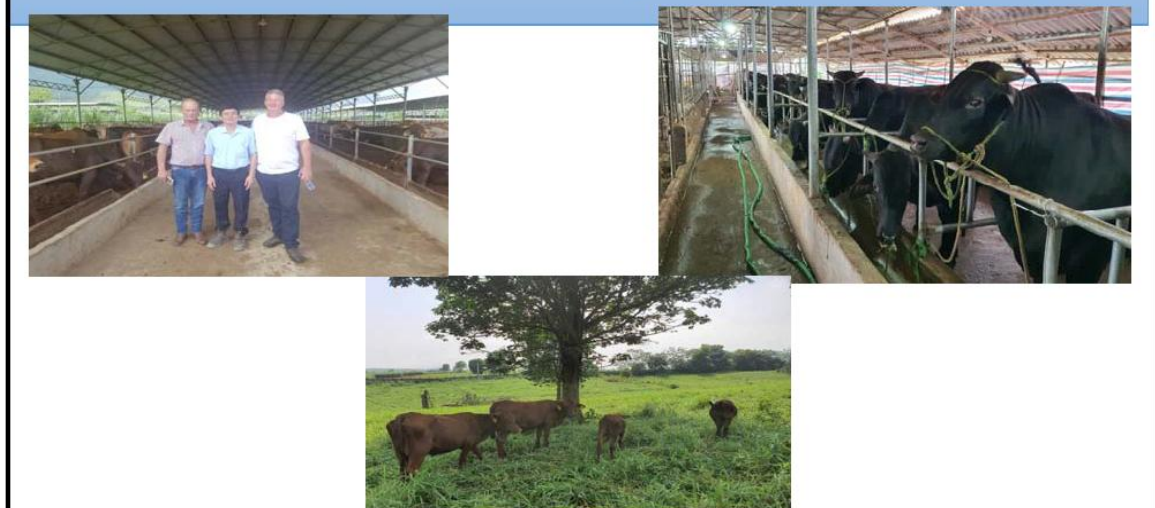
## IV. LỰA CHỌN THỨ 2: BÒ SENEPOL

- Có khả năng sản xuất cao hơn;
- Chất lượng thịt ngon hơn;
- Hiền lành hơn;
- Nuôi bê nhanh lớn hơn (vì mẹ nhiều sữa hơn);
- Khả năng kháng bệnh tốt hơn;
- Khả năng chuyển hóa thức ăn tốt hơn
- Khả năng tăng trọng cao hơn;
- Thời gian nuôi và vỗ béo đạt khối lượng nhanh ;
- Mang lại hiệu quả kinh tế đích thực cho người chăn nuôi
- Đặc biệt tại các vùng khó khăn và vùng dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu;
- Phù hợp với thực tế ở các vùng khó khăn và tập quán chăn nuôi ở Việt Nam





## II. CHĂN NUÔI - ĐỆM LÓT SINH HỌC- MÔI TRƯỜNG - ĐỒNG CỎ - SẢN PHẨM- LỢI ÍCH (CON NGƯỜI)



## NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ VI SINH



Cây sau mùa hoa, cỏ sinh khối, cành lá keo, chất thải rắn chăn nuôi....

## NỀN ĐỆM LÓT CHĂN NUÔI (Đệm lót sinh học)





### III. XÂY DỰNG KHU CHĂN NUÔI - ĐỒNG CỎ : NÔNG NGHIỆP - SINH THÁI

- Tạo môi trường tự nhiên : Chăn thả
- Đồng cỏ - cây thức ăn : Sử dụng phân bón từ Bò và xử lý theo hướng: Hữu cơ vi sinh
- Hướng nghiệp - Học tập...

### 3.1 KHAI THÔNG - KHU SINH THÁI - CHĂN NUÔI




NGUỒN NĂNG LƯỢNG VÀ CẢM HỨNG MỚI TỪ **BỘ TRƯỞNG** LÊ MINH HOAN & **THỦ TRƯỞNG** PHÙNG ĐỨC TIẾN: THĂM TRUNG TÂM  
(Ngày 30 tháng 5 năm 2021)

Khuyến khích nghiên cứu chuỗi giá trị trong khoa học !



 **3.2. ĐỒNG CỎ**



 **3.3. ĐỒNG CỎ - CHĂN THẢ**





### 3.3. ĐỒNG CỎ VÀ GIA SÚC



### 3.4 . HƯỚNG NGHIỆP CHĂN NUÔI - SINH THÁI -SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



### 3.4. HƯỚNG NGHIỆP VÀ VĂN HÓA SINH THÁI



### 3.5. RAU- CỎ -THẢO DƯỢC- CHĂN NUÔI HỮU CƠ



## IV. HÀNH TRÌNH CHO HOÀN THIỆN SẢN PHẨM THỊT BÒ WAGYU-KOBE BÀ VÌ

- Khoa học Công nghệ
- Trung cầu góp ý
- Cải tiến công thức- phương thức



### 4.1. LẤY Ý KIẾN TỪ NHÀ KHOA HỌC : THỊT BÒ LAI WAGYU-KOBE:



Ngày 25 - 26 tháng 11 năm 2020, **Thịt bò FI Wagyu** được giới thiệu tại Hội nghị khoa học và công nghệ Bộ NN & PTNT năm 2017 - 2020 tại Viện Chăn Nuôi.

#### 4.2. TRỪNG CẦU Ý KIẾN "HỘI ĐỒNG" ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỊT BÒ LAI WAGYU ...



⇒ Tại đây: thịt bò F1 Wagyu được phân hồi hương thơm dịu, vị béo nhẹ, thịt mềm và mỡ rất thơm không gây...

#### 4.3. LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ THỊT BÒ LAI LAI WAGYU TẠI KHU DU LỊCH VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ NĂM 2020



- Ngày 1/11/2020, Tại lễ hội “Khinh khí cầu” Vườn Quốc Gia Ba Vì: Sự lan tỏa rộng rãi với sự đánh giá chất lượng vượt trội so với các loại thịt bò có ở Việt Nam (ngoài thịt bò Wagyu-Kobe nhập khẩu).

#### 4.4 THỊT BÒ LAI WAGYU VỚI LỄ HỘI KINH KHÍ CẦU MÙA HOA DÃ QUỲ 2020 VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ



#### V. SẢN PHẨM VÀ BƯỚC ĐI ĐẾN SẢN PHẨM THỊT BÒ WAGYU- KOBE CHẤT LƯỢNG CAO

##### 5.1. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VÀ HIỆU CHỈNH CÔNG THỨC- QUY TRÌNH - DINH DƯỠNG

Bản đồ mỡ giắt (Marbling) trong thịt trong tự như bò nuôi tại Nhật, Úc, thịt bò mềm, thơm, vị "chuẩn" trong tự như bò Wagyu của Úc, Mỹ và bò Hanwoo của Hàn Quốc.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU BÒ VÀ ĐỒNG CỎ BA VÌ

**BÒ LAI WAGYU "KOBE"**  
(HF x WA)

Chứa nhiều omega-3, omega-6 và omega-9. Xương có độ ngọt, thơm ngon, không có mùi "tân hay hôi" như mỡ bò khác. Nhiều axit béo làm giảm cholesterol tốt cho tim mạch. Góp phần giảm cân. Cải thiện hệ thống miễn dịch. Giúp chống ung thư.

Thịt bò Wagyu rất tốt cho sức khỏe

### 5.2. KẾT QUẢ SAU HIỆU CHỈNH

Bước đầu tạo ra sản phẩm



→ Người tiêu dùng sẽ cảm nhận được sự khác biệt vượt trội khi thưởng thức món thịt bò lai Wagyu được tạo ra và được chăm sóc nuôi dưỡng tại trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì!

### CHUYÊN GIA NHẬT VÙNG KOBE ĐÁNH GIÁ CHIA SẺ TỪ CHUỒNG NUÔI ĐẾN ĐỒNG CỎ, THỨC ĂN



## CHUYÊN GIA NHẬT CHIA SẺ TỪ GIẾT MỔ ĐẾN BÀN ĂN



## TRUNG TÂM GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CHUỖI



Dây chuyền mổ bò mát Mini gắn với nơi giới thiệu sản phẩm cuối cùng sau nghiên cứu, đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng: Ba Vì - Wagyu

**NGÀY 14 THÁNG 01 NĂM 2022:**  
**Trung tâm nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì chính thức giới thiệu Thịt bò Wagyu chất lượng nhất Việt Nam: Công nghệ mổ Mát trong "chuỗi nghiên cứu sinh thái tuần hoàn"**

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU BÒ VÀ ĐỒNG CỎ BA VÌ**

**QUY TRÌNH GIẾT MỔ**  
*TRÌNH TỰ THEO CÁC BƯỚC*

<p>1. Giã súc trước khi đưa đến khu giết mổ: Hoàn toàn mạnh khỏe, nhện ăn sau 24 giờ, nước uống tự do, 2. Tắm chải và làm khô: 3. Gây choáng nhanh: 4. Treo chân sau tạo độ dốc. 5. Chọc tiết (thoát tiết hoàn toàn): 6. Cắt bỏ chân, đầu, lột da: 7. Loại bỏ nội tạng: 8. Làm khô sơ bộ: 9. Tách thân thịt làm hai mảnh: 10. Kiểm tra thân thịt và làm sạch lần 2. 11. Di chuyển vào phòng mát: 12. Xẻ thân thịt làm tư: 13. Lưu phòng mát: 14. Ủ thịt: 15. Pha lóc: 16. Đóng gói:</p>	<p>Cắt động mạch và tĩnh mạch cổ (8-10 phút). Chân trước (khớp gối), đầu (khớp cổ cuối) chân sau (khớp khuỷu gối) (5-10 phút). Cửa mổ vùng xương ức, mổ rỗng khoang bụng theo đường trắng giữa về vùng xương chậu giữa 2 chân, lấy nội tạng ra ngoài (tránh bị vỡ bục). Bảng nước và khăn thấm (3-5 phút). (đọc theo cột sống, 10-12 phút). Nhiệt độ phòng <math>\leq 12^{\circ}\text{C}</math> (02 nửa trước và hai nửa sau). Sau 24 giờ ( duy trì tâm thân thịt <math>\leq 7^{\circ}\text{C}</math>) Kho lạnh, thời gian 14 - 17 ngày, duy trì ở nhiệt độ <math>1-2^{\circ}\text{C}</math> Thao tác tại phòng mát, nhiệt độ phòng <math>\leq 12^{\circ}\text{C}</math> Phòng đóng gói, gắn tem (phòng mát) Ở nhiệt độ từ <math>0-2^{\circ}\text{C}</math> (thời gian 6 tuần). Nhiệt độ <math>-18^{\circ}\text{C}</math> (thời gian <math>\leq 10</math> tháng) Hạ nhiệt độ <math>\leq 2^{\circ}\text{C}</math>, thời gian <math>\leq 48</math> giờ Thương mại, bảo quản (nhiệt độ <math>0-2^{\circ}\text{C}</math>, thời gian tối đa 6 tuần).</p>
---	---



## KHU MÔ MÁT- CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN





## HỘI THẢO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG



## CHẤT LƯỢNG THỊT không thua kém bò ngoại nhập !



## THAM VẤN CHUYÊN GIA NHẬT:



## 10. BƯỚC ĐẦU LAN TỎA TỪ MÔ HÌNH ĐẾN CỘNG ĐỒNG



Kết quả bước đầu từ đề tài Nghiên cứu con bò lai Senepol:

Tăng doanh số bán tinh bò đông lạnh Senepol của Trung tâm giống gia súc lớn Trung ương và Công ty giống Gia súc Hà Nội tăng 25-40% so với 6 tháng đầu năm 2021

## 10.2. KÝ KẾT HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VỚI TẬP ĐOÀN TẢO XOẢN VIỆT NAM



## 10.3. LIÊN KẾT - NHÂN NUÔI VÀ THƯƠNG MẠI HÓA SẢN PHẨM THỊT BÒ WAGYU- KOBE

Liên kết với Doanh nghiệp: Ngày 29/04/2021 Trung tâm nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì đã ký kết hợp tác, nghiên cứu, phát triển chuỗi giá trị bò – WAGYU-KOBE’ tại Việt Nam với tập đoàn Hồng Thái



Tiến sĩ Tăng Xuân Lưu Giám Đốc Trung tâm và Doanh nhân Nguyễn Gia Tuấn Chủ tịch tập đoàn Hồng Thái



### 10.4. TƯ VẤN CHUYÊN GIA: CÔNG TY SUNJIN HÀN QUỐC, PHÁT TRIỂN DINH DƯỠNG, TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ THỊT





*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---



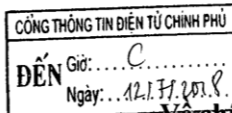
TTA(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2018



### NGHỊ ĐỊNH

## VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).
2. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).
3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
4. Doanh nghiệp.
5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị định này.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết) là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các đối tượng tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định này (sau đây gọi chung là các bên tham gia liên kết) để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

2. Liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp quy định tại Nghị định này là hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết chuỗi giá trị). Các hình thức liên kết cụ thể quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

## **Chương II** **HÌNH THỨC LIÊN KẾT, HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT** **VÀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

### **Điều 4. Các hình thức liên kết**

1. Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
2. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
3. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
4. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
5. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
6. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
7. Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

### **Điều 5. Hợp đồng liên kết**

Hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là Hợp đồng liên kết) là hợp đồng được ký giữa các bên tham gia liên kết trên nguyên tắc tự nguyện nhằm thực hiện các hình thức liên kết quy định tại Điều 4 Nghị định này.

### **Điều 6. Dự án liên kết**

1. Dự án liên kết là dự án do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã và các bên tham gia hợp đồng liên kết cùng thỏa thuận, xây dựng và triển khai đầu tư liên kết theo các hình thức quy định tại Điều 4 Nghị định này.



2. Các bên tham gia liên kết lập dự án liên kết để làm căn cứ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Trường hợp không đề xuất hỗ trợ theo các chính sách nêu trên, chỉ cần lập kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

3. Chủ trì liên kết: Trường hợp doanh nghiệp hoặc hợp tác xã ký hợp đồng liên kết trực tiếp với cá nhân, nông dân thì doanh nghiệp hoặc hợp tác xã sẽ là chủ trì liên kết. Đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau thì các bên thống nhất cử ra chủ trì liên kết.

4. Chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết. Trường hợp phải lập dự án liên kết, chủ trì liên kết là chủ đầu tư dự án liên kết.

5. Ngoài các nội dung tự thỏa thuận giữa các bên tham gia liên kết, Dự án liên kết phải có ít nhất một trong các nội dung sau:

a) Thiết kế, cải tạo đồng ruộng, đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung;

b) Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

c) Góp vốn, tài sản, giá trị quyền sử dụng đất, công nghệ hay quy trình sản xuất.

6. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Dự án liên kết thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

### **Chương III CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

#### **Điều 7. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết**

1. Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.

#### **Điều 8. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết**

1. Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

**Điều 9. Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm**

1. Ngoài phần hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết quy định tại khoản 2 Điều 8, các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- a) Xây dựng mô hình khuyến nông;
- b) Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;
- c) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã;
- d) Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

3. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

**Điều 10. Các quy định về nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ**

1. Đối với mỗi loại hình liên kết quy định tại Điều 4 Nghị định này, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng, dự án liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

2. Mỗi bên tham gia liên kết được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà bên đó thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, dự án liên kết.

3. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

4. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

5. Nhà nước khuyến khích các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

#### **Điều 11. Điều kiện để được hỗ trợ**

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
2. Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
3. Liên kết đảm bảo ổn định:
  - a) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;
  - b) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.
4. Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 12. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết
  - a) Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
  - b) Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);
  - c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

## 2. Trình tự thủ tục

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này từ chủ trì liên kết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở ngành liên quan và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì liên kết được biết. Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết;

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết, giao Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế) thực hiện theo trình tự thủ tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

## **Chương IV**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA LIÊN KẾT**

#### **Điều 13. Quyền của các bên tham gia liên kết**

1. Liên kết trong những ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp mà pháp luật không cấm.

2. Được hưởng các chính sách khuyến khích liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác của Nhà nước theo quy định.

3. Được sử dụng tài sản đầu tư trên đất và tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ liên kết của nhà nước, giá cả, thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, khoa học kỹ thuật, công nghệ và các dịch vụ công ích khác phục vụ liên kết.

5. Được lựa chọn phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong thực hiện hợp đồng, dự án liên kết theo quy định của pháp luật.

6. Được bảo đảm đối với các tài sản, hạng mục công trình hạ tầng đầu tư tham gia liên kết (bao gồm cả tài sản do nhà nước hỗ trợ) theo quy định của pháp luật.

7. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết**

1. Cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin liên quan đến hợp đồng, dự án liên kết cho các bên tham gia liên kết khi được yêu cầu.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung cam kết của hợp đồng, dự án liên kết.

3. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, cây trồng, vật nuôi trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết.

4. Đảm bảo đúng quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Các bên tham gia liên kết có nghĩa vụ trao đổi, thương lượng và thống nhất giải quyết nhằm chia sẻ những khó khăn và rủi ro bất khả kháng trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng liên kết và pháp luật.

#### **Điều 15. Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng và dự án liên kết**

1. Các bên tham gia liên kết không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết và trách nhiệm (trừ các trường hợp bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh) khi thực hiện liên kết được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì:

a) Không được hưởng các khoản ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành và buộc phải bồi thường cho bên bị thiệt hại;

b) Không được tham gia được hưởng các chính sách khuyến khích của Nhà nước về liên kết trong thời gian 05 năm kể từ thời điểm xác định là vi phạm.

2. Các bên tham gia liên kết vi phạm các quy định trong hợp đồng liên kết bị xử lý theo các hình thức sau:

a) Buộc thực hiện đúng hợp đồng liên kết;

- b) Phạt vi phạm hợp đồng liên kết;
- c) Tạm ngừng thực hiện hợp đồng liên kết;
- d) Đình chỉ thực hiện hợp đồng liên kết;
- đ) Hủy bỏ hợp đồng liên kết;
- e) Buộc bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan;
- g) Các biện pháp khác do các bên tham gia liên kết thỏa thuận không trái với quy định pháp luật hiện hành.

3. Hình thức xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết: Nhà nước khuyến khích các hình thức giải quyết tranh chấp của các bên tham gia liên kết bằng hình thức thương lượng và hòa giải. Trường hợp không thống nhất được thì giải quyết thông qua trọng tài thương mại hoặc giải quyết tại tòa án.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
  - a) Chủ trì thực hiện những nhiệm vụ được giao tại Nghị định này;
  - b) Xây dựng các mô hình thí điểm liên kết gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;
  - c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Đề án phát triển hệ thống trung tâm cung ứng hàng nông sản Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020;
  - d) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường nông thôn trong các hoạt động hợp tác, liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
  - đ) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện Nghị định này.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định.
3. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định.

4. Bộ Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Đề án phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

**Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Xác định, phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

3. Phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo thẩm quyền. Quy định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh. Bố trí ngân sách hỗ trợ liên kết theo quy định tại Nghị định này.

5. Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức liên quan hỗ trợ, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin về giá cả, dự báo thị trường sản phẩm nông nghiệp cho các bên tham gia liên kết.

6. Báo cáo định kỳ hàng năm với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội và các hội, hiệp hội ngành hàng**

1. Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và hỗ trợ các thành viên tham gia và thực hiện đúng hợp đồng liên kết; xây dựng, phát triển và bảo vệ uy tín, giá trị chung của các sản phẩm nông nghiệp; phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết; cung cấp các giải pháp, dịch vụ hỗ trợ thành viên nhằm chuẩn hóa quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm; phương án đồng quản lý tài nguyên, môi trường sản xuất; ứng phó với khủng hoảng thị trường, biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

**Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

2. Bãi bỏ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị định này cho đến khi hết hợp đồng liên kết đã ký nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). *xh 205*

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**





**Phụ lục**

(Kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP  
ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 02	Dự án liên kết
Mẫu số 03	Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)
Mẫu số 05	Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---

Mẫu số 01

TÊN ĐỐI TƯỢNG  
THAM GIA LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../

..... ngày..... tháng..... năm.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố) .....  
(hoặc UBND huyện (quận).....)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, .....  
(tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị .....  
..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

#### II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: .....

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: .....

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông: .....

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn: .....

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: .....

6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới: .....

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):..... ..

**III. CAM KẾT:** ..... (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): .....

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ  
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

## DỰ ÁN LIÊN KẾT

### Phần I

#### GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

#### II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email:.....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

**IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT** (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết) .....

**Phần II**  
**NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:** .....

**II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

**III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

2. Quy mô liên kết: .....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

4. Hình thức liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

**IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...) .....

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...).....

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...) .....

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,.....) .....

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,.....).....

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

#### V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội): .....

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục): .....

### Phần III

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

##### I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

##### II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

#### CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp:  
Giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm*

---



**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Chủ trì liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Fax: ..... Email:.....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....
  - Địa chỉ:.....
  - Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

- b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....
  - Địa chỉ:.....
  - Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết .....

5. Địa điểm thực hiện liên kết: .....

**II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT**

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

- Quy mô liên kết: .....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
- Hình thức liên kết:.....
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

### III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

### IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

### V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### VI. KIẾN NGHỊ

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN  
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày ..... tháng ..... năm ....., tại .....,  
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail .....

3. ....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):** .....

**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết: .....

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

**III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:** .....đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: ..... đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng

3. Các nguồn vốn khác: ..... đồng

#### IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành ..... bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ ..... bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ ..... bản./.

#### Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng....năm 20...

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,  
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi: .....  
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết): .....  
Người đại diện theo pháp luật:.....  
Chức vụ:.....  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:....., Fax: ..... E-mail:.....  
Mã số thuế.....  
Sản phẩm liên kết:.....  
Loại hình liên kết:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt  Lâm nghiệp  Chăn nuôi   
Nuôi trồng thủy sản  Khai thác, sản xuất muối   
Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT**  
**(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)